

NEUROTONIC

Muốn chiếm bảng vàng

Thành công thương mãi

Mau tìm thần dược

Bồi bổ trí nhớ

Tăng cường sinh lực

chỉ có

NEUROTONIC

THUỐC BỔ ÓC HAY NHƯ THẦN



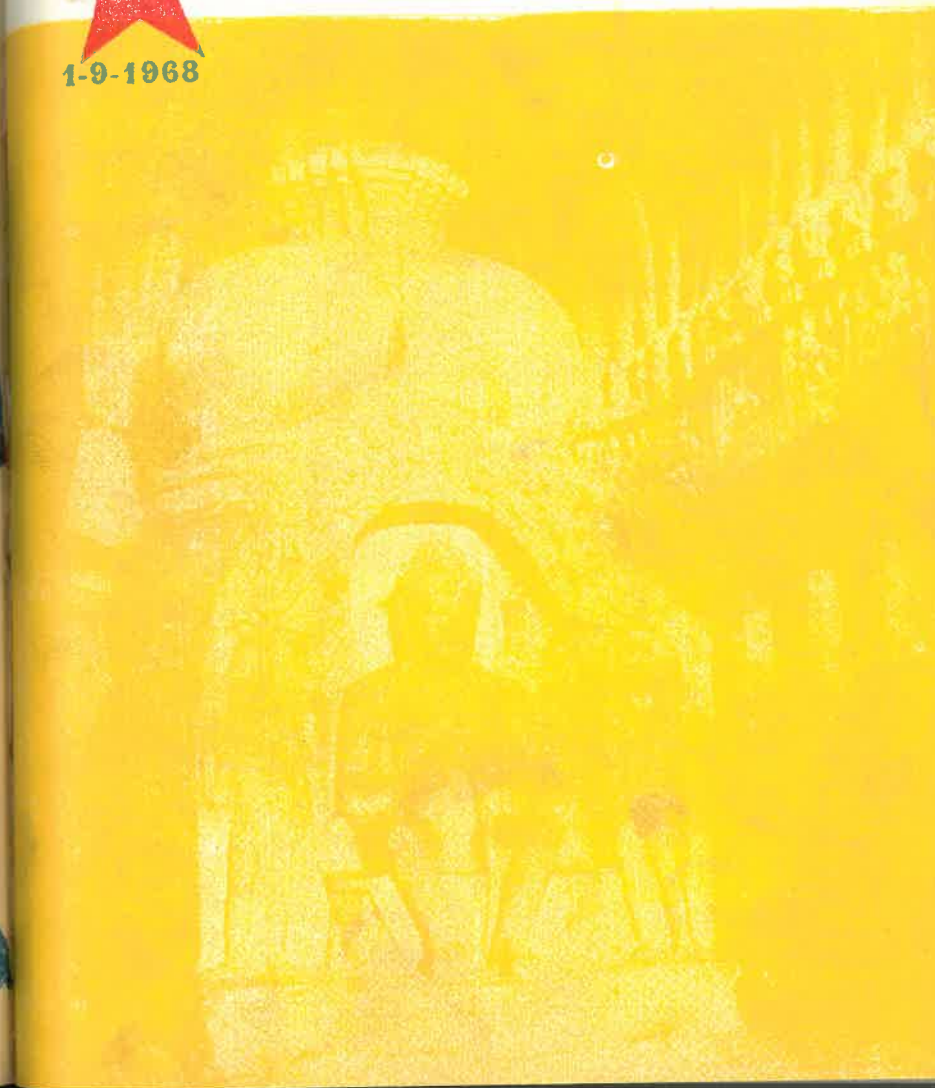
PHỔ THÔNG

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15



1-9-1968



Bạn đọc PHỔ-THÔNG

NÊN XEM MỖI NGÀY TRONG NHẬT-BÁO

thân - dân :

những bài « *Xã-Luận* » của Nguyễn-Vỹ
« *Ngồi chơi xơi nước* » của Diệu-Huyền

Saigon bí - mật

BẬT-MÍ tất cả những hành-động lố-lãng,
thúi-nát, bỉ-ôỉ, hại Dân, hại Nước, trụy-lạc
tham-những, tranh-giành địa-vị, lừa bịp
Dân nghèo, miệng hô-hào « *Cứu Quốc* »,
« *Cứu Dân* », mà tay hốt bạc... hốt bạc...

do Nhà-Văn ÁCH - CỎ 

và Luật-Sư ÁCH-CHUÔNG 

khám - phá 

Số 1 ra ngày Chủ nhật 8-9-1968

PHỔ THÔNG

TẬP CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 2586



NĂM THỨ X * SỐ 212 ★ 1 - 9 - 1968

1) Nga xâm lăng Tiệp-Khắc.	N.V.	6 — 10
2) Bức thư Paris	Ng-văn-Cổn	11 — 14
3) Cần xa	Lê-Hương	15 — 19
4) Hoa băng khuâng (thơ)	Nhật-H-T	20
5) Đắng cay	Lan	21 — 26
6) Ông Tý	T.K.	27 — 33
7) Ngoài bãi tập (thơ)	N.P.Đại	34
8) Hoa-Kỳ không muốn hòa bình ở VN	Đặng-Doanh	35 — 40
9) Chim Đại bàng	Tín-Khanh	41 — 45
10) Một áng văn	Ái-Lan	46 — 51

1) Diễm hồng	Thu-Mai	52 — 57
2) Khoa học không gian	Võ-quang-Yến	58 — 64
3) Một năm sau (thơ)	Thế-Lan	65
4) Diệt thượng tri hạ	Linh-Giang	66 — 70
5) Hồ-Xuân-Hương	N.V.	71 — 76
6) Thơ bạo (thơ)	L.M.P	77
7) Tiếng nói thế hệ		78 — 81
8) Nguyễn-Du	Thâm-thệ-Hà	82 — 86
9) Dung nhan người tình	Tống-Minh-Phụng.	87 — 90
10) Văn thi sĩ tiền chiến	N.V.	91 — 92
11) Mình ơi!	D.H.	93 — 99
12) Những nhận thức sai lầm	Đông-Tùng	100 — 105
13) Khoa học huyền bí	Lê-tấn-Hải	106 — 114
14) Rưng rưng	L.N	115
15) Lý-Đông-A	Mịch La Phong	116 — 224
16) 3 đoàn ca chim	Vũ-ngọc-Đức	125



Thêm một bài học kinh tởm
cho những kẻ phản động,
mù quáng, ngớ ngẩn...

NGA.XÔ XÂM-LĂNG TIỆP-KHẮC,

hay là :

CỘNG SẢN ĐÀN ÁP NHÂN DÂN TỰ DO

● NGUYỄN-VỸ

Tiệp-Khắc đã bị Hiệp-định Yalta
đặt vào vùng ảnh-hưởng của Nga-
xô, từ thời Staline. Dưới chiêu-bài lừa-bịp
mệnh-danh «xã-hội chủ-nghĩa», nhân-dân
Tiệp-khắc bé nhỏ, yếu-đuối, đã bị Nga-xô

tròng ách nô-lệ đến nay hơn 20 năm.

Trong thời-gian lâu dài ấy của Lịch-sử,
nếu chế-độ độc-tại Cộng Sản đem Tự-do,
Hạnh-phúc và Thịnh-vượng cho nhân-dân
Tiệp-khắc, thì ngày nay toan-thể chính phủ và
nhân-dân Tiệp-khắc đại gi mà tìm cách tách
rời khỏi khối Cộng-Sản ?

Không những nhân-dân, mà đến cả Đảng
Cộng-Sản Tiệp-khắc, từ ông Chủ-tịch Cộng-
hòa nhân-dân Tiệp-khắc, ông Tổng-Bí-Thư
Tru.g-Uơng Đảng-bộ của Đảng Cộng-Sản
Tiệp-khắc, cho đến sinh-viên và cán-bộ Cộng-
Sản các cấp trong toàn xứ Tiệp-khắc, đều
mạnh dạn đứng dậy nguyên-rủa Nga-xô xâm-
lăng Quê-hương của họ.



Alexander DUBCEK Lãnh-tụ Cộng-sản,
Chủ-tịch Chính-phủ Cộng-sản Tiệp-khắc

Không ai có thể nghi-ngờ có bàn tay của «đế-quốc» xen vào nội bộ Tiệp-khắc vì Lịch-sử quốc-gia bé nhỏ nhưng rất anh-dũng này đã chứng minh rằng Dân-tộc Tiệp-khắc rất yêu-chuộng Tự-do, và họ vùng dậy xua đuổi quân-đội Nga-xô xâm-lãng là để bảo-vệ Độc-lập, Tự-do, và chủ-quyền quốc-gia của họ. Họ đã chán ngấy chế-độ độc-tài sắt máu của Cộng-Sản mà họ đã phải đau-khổ chịu-đựng cùng cực trên 20 năm. Lòng hăng-say Tự-do của toàn-thể 14 triệu nhân-dân Tiệp-khắc cảm động và quyết-liệt đến đổi hầu hết các đảng Cộng-Sản lớn trên Thế-giới, như Cộng-Sản Pháp, Ý, Anh, Bỉ, Ấn-độ, Nhật-bản, Nam-Mỹ đều đồng thanh hưởng-ứng cuộc khởi nghĩa khôi-phục Tự-do, Dân-chủ, của Đảng Cộng-Sản Tiệp-khắc và của toàn dân Tiệp-khắc, và kết án hành-động xâm-lãng bạo tàn, trơ-trẽn của Nga-xô. Cộng sản Ru-ma-ni Nam-Tư, và An-bi-ni ở Đông-Âu cũng một loạt nổi dậy chống Nga-xô xâm-lãng Tiệp-khắc.

Chỉ có một đảng Cộng-sản Bắc-Việt là vui mừng hoan-hô Nga-xô xâm-lãng vĩ đại mà thôi ! Bởi lẽ rất dễ hiểu là Cộng-sản Bắc-Việt cũng đang tiếp-tục chiến-tranh xâm-lãng Miền Nam Tự-do.

Cộng-sản bự Nga-Xô kéo quân vào xâm-chiếm Cộng-sản nhỏ bé Tiệp-khắc, chỉ vì Cộng-sản nhỏ bé này muốn vùng

dậy-phục-hồi Tự-do, độc-lập, Hạnh-phúc, muốn thoát-lg khỏi xiềng-xích chính-trị và kinh-tế của «Nước anh-em» «xã-hội chủ-nghĩa vĩ-dại».

Hướng chỉ một Cộng-sản Bắc-Việt chủ-trương «giải-phóng» miền Nam Tự-do của chúng ta, bằng sắt, máu, bằng lửa, đạn, thì thử hỏi ý-nghĩa của sự «giải-phóng» ấy như thế nào ? Cộng-sản còn xâm-lãng Cộng-sản, hướng chỉ Cộng-sản «giải phóng» thế nào một Miền Nam Tự-do, chống Cộng-sản ?

Đó là một bài học lớp ba cho những kẻ ở miền Nam Tự-do này mà còn mù-quáng, ngờ-ngần, tin-tưởng vào Cộng-sản, và những kẻ phản quốc kêu gọi «liên-hiệp» với Cộng-sản ! Khác nào kêu gọi mở cửa cho con chó sói vào ở chung với một bầy cừu !

Trước đây, Cộng-sản Ngô-Xô đã có những lần rầm-rộ kéo chiến-xa đến đàn-áp nhân-dân Đông-Đức Cộng-sản, nhân-dân Ba-Lan Cộng-sản, nhân-dân Hung-gia-Lợi Cộng-sản, cũng chỉ vì các Dân-tộc «xã-hội Chủ-nghĩa» anh em này muốn sống TỰ-DO, không muốn nô-lệ cho Nga-xô, không muốn quỳ-sụp dưới ách độc-tài Nga-xô. Dù đối với các «Dân tộc anh em» cùng khối Cộng-sản, Nga-xô vẫn cứ độc-tài, nếu người anh-em rục-rịch đòi hỏi TỰ-DO.

Cho nên Cộng-sản Tàu chống lại và mạt-sát, thù-hằn Cộng-sản Nga và Cộng-sản Nam.

Tư. Các nước « xã-hội chủ-nghĩa Cuba, chống lại và chửi rủa nước « xã-hội Chủ-nghĩa » Tàu.

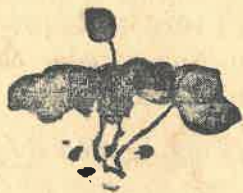
Khởi Cộng-sản Đê-Tam Quốc-tế đang xâu-xé lẫn nhau, thù địch nhau. Và biến-cổ Nga-xô dùng võ-lực xâm lăng Tiệp-khắc, càng chứng tỏ sự rạn nứt mỗi ngày mỗi to ra của phe Cộng-sản quốc-tế, tranh-gianh quyền lợi, cướp cả Tự-do lẫn nhau.

Cộng-sản không chấp nhận Tự-Do.

Cộng-sản không dung-thứ Tự-Do.

Cộng-sản là kẻ thù của Tự-Do.

Và Cộng-sản nói « giải phóng », nghĩa là Tự-Do phải biến thành ra NÔ-LỆ.



Bức thư Paris

Sinh-viên xuống đường

● NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris)

T trong bức thư trước, tôi đã kể vụ đình công, bãi khóa ở Pháp. Tôi hứa sẽ nói về vụ « Sinh viên xuống đường » trong lá thư này.

Tất cả ý-nghĩ, xu-hướng, hoạt động của các cuộc bãi khóa, biểu tình và ẩu đả với lính của sinh-viên đại-học Paris và các đại-học các tỉnh trong tháng Mai-Juin đã được thu lại trong một chữ : « Contestations », tức là tranh nghị.

Ta có thể nói được cuộc tranh nghị này có ba khía cạnh:

A) — Trước hết đám sinh viên tranh nghị và bãi học « sư phạm », « tổ chức » và « quản trị » các đại học.

Họ cho rằng việc giáo huấn tại các đại học không thích hợp với thực tế ở đời. Có nhiều bằng cấp, chẳng hạn như bằng cấp cử-nhân « Tâm lý học »

(psychologie), hay « Xã hội học » (Sociologie) ra đời là vô dụng, vì trong các xưởng thợ người ta cần thợ chuyên môn hay kỹ-sư, chứ không ai cần đến chàng cử nhân tâm lý.

Ở một thời-đại mà kỹ-nghệ máy móc càng ngày càng phát-triển, thì sự học — và học để có chỗ dùng — cần phải đi sát với thực tế.

Vì thế, có nhiều ngành học chẳng hạn như: Luật-khoa, Văn khoa, dần dần trở nên một thứ học « xa xỉ phẩm ». Học luật để thành quan tòa, hay luật sư, nhưng nếu mỗi năm có đến 15 hay 20 nghìn cử nhân luật, thì vào tòa án cũng không có chỗ, và ra làm trạng sư thì cũng không có thân chủ và không « sống » được.

Nếu có được một vài luật sư danh tiếng như René Floriot, hay Maurice Garçon, thì cũng

có rất nhiều « trạng sư ế » (sans cause).

Còn về khoa văn chương, mà mỗi năm ta thấy đến 30 hay 40 nghìn sinh viên vào đại học, thì thật ra khoa này chỉ để cho thanh niên nào muốn trở nên giáo sư. Và ở Pháp, nếu muốn thành một giáo sư trung học hay đại học, phải mất nhiều công đeo đuổi vì sự tuyển lựa rất là gắt gao.

Nói sơ qua là trước hết người thi sinh ấy phải có bằng cấp cử nhân giáo khoa (licence d'enseignement), rồi thi bằng diplôme d'études Supérieures để thi CAPES (dạy Trung học), hay thi thạc-sĩ (agregation). Bằng cấp sau này sẽ đưa đến dạy đại-học, sau khi thi sinh vừa làm giảng viên và vừa lo thi tiến sĩ.

Kể ra, thì đi đến bậc đó cũng phải mất 8 hay 10 năm đèn sách. Mà than ôi ! cái nghề đó đạt được đã khó, mà khi ra làm việc, thì lương bổng chẳng được lớn lắm.

Một giáo sư đại học, so với một người nha-sĩ, (dentiste) thì về vật chất kém rất xa : một người dentiste, ít ra làm mỗi tháng cũng thu được 7000 quan

mới, trong lúc đó, người giáo sư không được phân nửa. Mà học dentiste chỉ 4, hay 5 năm, sau tù tãi.

Hơn nữa nếu phong trào kỹ nghệ càng lan-tràn, thì việc cạnh tranh quốc tế càng gay go, thế thì việc đào tạo hàng ngàn cử nhân luật, cử nhân « tâm lý » là một việc thừa, và vì thế nền đại-học cần phải cải tổ ! (Vì sau bao năm công phu huấn luyện, và tốn kém thì người « thành tài » phải có chỗ dùng chứ không phải là người thất nghiệp hạng sang » (Chômeur de luxe).

b) — Việc tranh nghị thứ hai theo các danh từ của đám sinh viên biểu tình, là « xã hội tiêu thụ » (société de consommation)

Họ cho rằng xã hội tiêu thụ hiện-hữu là thiên-vị, chênh lệch và bất công. Vì có những kẻ thiếu thốn túng đói bên cạnh những kẻ quá thừa thãi. Một bữa tiệc, một buổi « cocktail » của một ông chủ ngân hàng, một ông chủ thầu khoán hay một cô đào hát bóng có thể nuôi được vài gia đình trong cả năm. Theo sinh-viên thì họ tính nhầm rằng nếu khi học xong, họ thu được

bằng cấp kỹ-sư hay thương-mãi, thì một là họ được đồng lương khá (3000 quan mới mỗi tháng), nhưng trong lúc đó họ làm giàu cho tay chủ hãng cả trăm triệu quan, như thế họ thuộc vào hạng « bị bóc lột ». Hai là họ toại chí, có xe hơi nhà lầu biệt thự, vợ đẹp, con khôn, được chữ hậu đãi, thì họ cùng với chủ ra tay « bóc lột » đám thợ thuyền, như thế họ sẽ ở vào phái « người bóc lột người », và họ sẽ là người đồng phạm với chủ. Ba là việc học « cao quí » của họ không ích lợi gì cho đám dân nghèo, cho nhân quần xã hội. Cái chí hướng cao cả của tuổi trẻ đã thu hẹp vào vài ba quyền lợi vật chất nhỏ nhen.

C) — Khía cạnh thứ ba, tức là là họ đòi hỏi cải tổ luôn xã hội hiện hữu, và bất phục tùng quyền thế, bất cứ là quyền thế nào nhà chức trách, thầy dạy và cha mẹ.

Chính cái khía cạnh thứ ba đã làm hại cho phong trào cải tổ đại-học, vì họ đã quá hăng hái, quá theo các người vô trách-nhiệm, và trên con đường « cải tổ » họ đã bỏ lại sau mục đích chánh và đã hoạt động

không trật tự, không quy củ. Hơn nữa họ đã đeo mào hỗn-loạn (anarchie), đã mở cửa phong trào cho những bọn người không dính-lu gì với đại học cả, và đã đề tràn vào đại-học Sorbonne trang nghiêm, cổ kính, những căn-bã của xã hội, chẳng hạn như bọn « đánh giặc thuê » (mercenaires) ở Congo, hay bọn thất nghiệp lêu-lổng nằm ở gầm cầu (clochards). Họ đã ra những khẩu-hiệu « bất tuân luật pháp », thì họ cũng không còn uy tín để ra mạng lệnh khác.

Trên các bức tường xung quanh đại-học và ở sân Sorbonne, người ta thấy bên cạnh những cảm nghĩ nghiêm-trang những câu ngớ ngẩn hỗn loạn và thô bỉ. Bên cạnh những lá cờ đỏ, cờ đen, người ta thấy hình của Karl Marx, của Mao Trạch-Đông, Fidel Castro, Che Guevara. Ai muốn viết gì cứ viết, ai muốn treo gì cứ treo, ai muốn vẽ gì cứ vẽ. Đã bảo không có quyền thế gì mà ! Họ tranh nghị tất cả. Chính vì sự lộn xộn trong tư tưởng của họ đã gây nên sự lộn-xộn trong hành động và rốt cuộc không còn ai có chủ quyền trong phong trào nữa !

Và đó là một lý do chính làm sụp đổ mộng tưởng của họ.

Trong tháng Mai, juin, Kinh-thành Paris đã sống trong không khí điên-đảo, bạo ngược. Vì thế, đa số dân chúng bất mãn với sự hỗn loạn, e sợ những cuộc xô sát ở các nẻo đường, và khát khao đi tìm trật tự và an ninh. Bởi vậy, trong cuộc tổng tuyển cử bầu quốc hội, một đa số dân chúng, chưa từng thay, đã bỏ thăm nhiệt liệt cho phe chính

phủ, và gây sự thất bại nặng nề cho phe tả đối lập.

Dân chúng đã bỏ phiếu đúng theo câu nói của Thiếu tướng De Gaulle: «La Réforme OUI, la chienlit NON!»

(Cải cách thì Được, lộn-xộn thì Không.)

Thân mến gửi lời thăm các bạn, và xin hẹn Bức Thư Paris Kỳ sau)

NGUYỄN VĂN CÔN



* ĐÀN ÔNG MUỐN LÀM ĐÀN BÀ.

□ Hoàng-đế La-Mã Héliogabab chán giống đàn-ông, nhất định muốn làm đàn-bà, và cứ nằng-nặc đòi thiên. Viên ngự-y từ-chối. Nhà Vua cương-quyết lấy con dao bén từ thiên lấy bảo-vật của mình.

Rốt cuộc, ông vua không còn là đàn-ông nữa, nhưng cũng chẳng phải là đàn-bà nổi!

□ Trong Thần-thoại Hy-Lạp, Esculope, ông Tò Y-Khoa, đã tự tay cầm chiếc rìu chặt đứt dương-vật của ông, để tránh khỏi phải si-mê những quyến-rũ quá... mê-ly rừng-rợn của Hoàng-hậu xứ Phénicie !...

CẦN - XA MARIJUANA

● LÊ . HUƠNG

Gò đầu hạ. Vào tù một vài tháng, họ trở ra tiếp tục bán nữa và cho đến ngày nay (1968). cần xa tràn ngập Việt nam như thuốc diều bán khắp hè phố.

Cần xa là gì ?

Cần xa là gì ? Dùng cần xa nguy hại như thế nào ? Đó là một loại ma túy gây cho người ghiền một trạng thái hôn mê, thần kinh bị kích thích, thường có những hành động điên dại và có thể tự hủy hoại thân thể.

Cần xa là một loại cây có gai, người Mỹ, Gia nã đại, Mỹ tây gọi là MARIJUANA, người Ấn độ và Trung Đông gọi là CHARAS hoặc DAWAMESK, người Cao Miên gọi KANH-CHXA, Cây cần xa bề cao lối 2 thước, lớn rất mau và chín trong vòng 3 tháng kể từ ngày gieo hạt giống. Thân cây thường có khía hoặc góc

Cần xa là một loại ma túy, sản xuất ở Cao Miên. Gần đây loại này du nhập vào Việt nam qua ngã chợ trời biên giới như chợ trời Thường Phước ở quận HồngNgự, tỉnh Kiến phong; chợ trời Tịnh Biên tỉnh Châu đốc, chợ Trời Gò đầu hạ và Phước Tân, tỉnh Tây ninh. «Phong trào» mua bán loại độc được này bắt đầu từ cuối năm 1965. Người phát giác được là một vị cố vấn Hòa Kỳ tên Ludwig. Ông này gặp lính Mỹ mua cần xa ở các quán rượu, ông báo cho Cảnh sát và sau đó hàng chục người bán, bị bắt với đủ tang vật. Người nào cũng khai mua của người Miên, hoặc ở Nam Yang, hoặc ở Châu đốc, hoặc ở

4 cạnh và mọc thẳng, có những chùm từ 5 đến 11 lá, trông giống như mu bàn tay và những lá nhỏ vươn ra như ngón tay. Trái hoặc hạt cần xa giống như hạt lúa mì lớn, nhưng có vẻ tròn hơn, khi chín có vết lõm dẹt, màu sắc vàng, xám hay nâu. Thân cây tiết ra một mùi đặc biệt, khi đang đến ta có cảm tưởng như bị dính vào tay.

Hút cần xa rất dễ, không tốn nhiều công, không mất nhiều tiền. Người ta có thể trồng một vài cây trong vườn, hoặc trước sân nhà như một loại kiếng, khi nào muốn dùng bẻ vài lá thái nhỏ phơi khô trộn với thuốc lá vẫn lại hút! Ở Hoa Kỳ, người ta « *hà tiện* » hơn, xác nhỏ tất cả cây cần xa từ lá, nhánh, hoa, trái phơi khô, tán nhỏ trộn với thuốc lá. Số lượng cần xa nhiều hay ít tùy theo người hút ghiền nặng hay nhẹ.

Những triệu chứng khi bị ghiền không được đồng nhất, thường thường trong giai đoạn đầu, con người luôn luôn cảm thấy kích thích, muốn hoạt động liên tục, trong thân thể thấy khỏe khoắn hơn bao giờ hết. Nhưng sau đó, nạn nhân nói

hiều, nói như đang ngủ mê, không có mạch lạc, làm những cử chỉ lố lăng và phát cười như điên, cười hoài đến khi chất thuốc tan hết mới tỉnh.

Tác hại của cần xa

Khi bị ghiền nặng, gân cốt nạn nhân mất dần sự linh hoạt, trí óc thích nghi đến ảo ảnh, thị giác yếu kém và không còn ước đoán nổi nữa. Có kẻ bị kích động thái quá có thể tự tử vì không còn tự kiềm chế nổi hành động của mình và luôn luôn ở trong trạng thái tê mê. Thường thường gân cốt ở đầu, vai, ở tay hay bị giựt. Lúc thiếu thuốc, nạn nhân bị đau bụng dưới, đầu nhức liên miên, tinh thần căng thẳng, hay nổi giận vô cớ và bị kiệt sức. Da nạn nhân xanh mét, trông mất sức phòng như sắp bị lột ra ngoài. Có người thiếu thuốc nhiều ngày có thể tự hủy hoại thân thể.

Người ghiền á phiện có thể dùng cần xa thay thế được, và khi đã ghiền cần xa rồi thì không có cách nào cai nổi. Chất độc của ma túy ngấm vào tạng phủ mỗi ngày một ít không có thuốc nào tống khứ ra được,

người ghiền bị suy nhược dần dần đến ngày chết. Có người hút nhiều quá các ống xương mất chất nước sanh ra đau khớp xương và khi khiêng vác vật gì cũng có thể bị gãy xương bả vai và bỏ mạng.

Một điều hại kinh khủng nhất là khi xác cần xa rũ rớt một cái móng tay vào thì người hút nhằm sẽ chết tức khắc. Đây là lời truyền khẩu cũng như ta thường bảo ăn măng cụt với đường cát sẽ chết, nhưng chưa ai ghiền thử xem có đúng như thế thật không và tại sao?

Ở Cao Miên, người bốn xứ hút cần xa trộn với thuốc lá như một ý thích cầu kỳ giống như người Việt thoa dầu gió, dầu thơm trên đầu thuốc vì cần xa dễ trồng, người nào cũng có sân nhà hoặc có thể xin vài lá xóm giềng.

Ở Việt Nam một số người ghiền á phiện phải dùng cần xa cho đỡ tốn, rẽ, tiện gọn ghẽ hơn. Ngoài ra, một số binh sĩ Hoa Kỳ rất thích loại ma túy này, do vậy, phong trào mua cần xa từ Cao Miên qua ngã Chợ Trời biên

giới thanh hành hơn bao giờ hết.

Cần xa vượt tuyến

Từ ngày Việt Nam và Cao Miên thu nền độc lập, hai quốc gia không còn giao thương như trước. Sự cấm đoán ấy làm xáo trộn sinh hoạt của giới thương mại Việt cũng như Miên, do đó, mới nảy sanh ra những ngôi chợ trời ở dọc biên giới để tiêu thụ những loại hàng hóa mà hai sắc dân cần bán đi và mua lại. Sống cạnh nhau hàng ba thế kỷ, người Việt và người Miên có nhiều thói quen không thể nhất đán bỏ hẳn được, bên này thích dùng những món bên kia và ngược lại. Trên thị trường thì sản phẩm của hai quốc gia cũng cần trao đổi số thặng dư, thế nên dù Chánh phủ hay chánh quyền địa phương có ngăn chặn, bắt bớ, bỏ tù, tịch thu tang vật, dân chúng hai vùng biên giới vẫn tìm đủ trăm phương ngàn kế để tiếp tục buôn bán. Từ những nhóm bạn hàng ngồi chồm hồm hai bên vệ đường đến những chòi lá cất sọt sài trên thửa ruộng, chợ trời biên giới đi vào lịch sử vào cuối năm 1954 và đứng vững đến

ngày nay. Chánh quyền mỗi vùng không khuyến khích, nhưng không triệt để thi hành luật pháp, để yên cho đồng bào tự do tìm cái sống.

Cần xa là một trong những loại hàng sản xuất ở Cao Miên. Trước kia, Việt kiều ngu dốt bán không mấy người thích dùng loại ma túy này, không phải vì sợ chất độc của nó. Có người cho nó quá tầm thường, rẻ tiền, có khi không mất tiền cũng hút được mà sức mạnh không bằng á phiện! Vì thế, ở miền Nam ít người biết đến cần xa, hoặc có nghe tên thôi.

Ngày nay cần xa nhập cảng vào đất Việt là do sự đòi hỏi của một số quân nhân Hoa kỳ, nhất là mấy ông Mỹ đen, cố nhiên các ông đã dùng rồi từ bên cố quốc và có lẽ đã ghiền, không có không chịu được.

Chớp được miếng mồi ngon, các tay buôn mừng như trúng số... đuôi, đồ xô lên biên giới đặt hàng. Người Miên có sẵn hàng tấn cần xa, muốn mua bao nhiêu cũng có, mua lúc nào cũng có. Họ bán từng gói 1 kilô thái và phơi khô, người mua

đem về trộn với thuốc lá, vắn lại từng điều bỏ vào bao, nguy trang là thuốc thơm! Mỗi ki lô ma túy làm được hàng ngàn điều thuốc. Có người đề sẵn cần xa trong điều thuốc bán với giá khác nhưng kẻ mua không thích bằng loại nguyên chất pha trộn tiện hơn, với hiệu thuốc mà

khách hàng thích dùng. Mỗi gói cần xa một ki lô cột lại gọn ghẽ có thể bỏ vào túi quần hoặc trong ngực, rất dễ dấu nhân viên kiểm soát dọc đường từ các chợ trời về thủ đô Saigon. Lúc đem bán, với khách quen thì màu mè giới thiệu, với người lạ thì con buôn dỏ trò «nhử mồi» bằng cách hút một hơi, đứng trên gió phả khói cho bay vào mũi con mồi. Ông nào là đệ tử của cần xa thì nhảy dựng lên ngay, dáo dác tìm nơi xuất xứ. Con buôn càng làm già bằng cách tắt điều thuốc một lúc mới đốt lại phả khói lần thứ nhì và đi gần lại con mồi ra dấu. Bấy giờ thì bao nhiêu một điều con mồi cũng chịu mua từ 30đ đến 1 đô la, tùy theo trường hợp! Ban đầu cần xa xuất hiện ở Saigon lần đầu nó theo chân quân đội Mỹ chu du khắp các nẻo đường đất

nước. Có thể nói chỗ nào có binh sĩ Hoa Kỳ đóng là có cần xa. Phải thấy cảnh anh em «Dăng Ky» tận hưởng cái thú rít cần xa mới hiểu cái sung sướng của kẻ ghiền.

Trong quân đội và ngoài đời có lệnh cấm dùng chất ma túy nên người hút phải lén lút. Mỗi lần định làm một điều, người anh em lén ra chỗ vắng ngồi dựa vào vách hay gốc cây hút một hơi dài, nhắm mắt lại thả hồn bay bổng tận chín tầng mây. Lúc ấy người anh em không còn biết gì xung quanh mình nữa, không thấy, không nghe gì cả. Giá như cấp chỉ huy có đến bắt phạt bao nhiêu củ cũng bất cần. Vài phút sau, người anh em «mãn» thêm hơi nữa, lần lượt đến hết điều.

So về giá cả thì chắc chắn ở Việt Nam rẻ hơn ở Hoa Kỳ nhiều vì từ phương Đông lén lút đem sang, tiền chuyên chở đắt hơn.

Cần xa trồng ở VN

Nhận thấy cần xa là một món lợi to tát không khác á phiện, ở Việt nam có người đã trồng trong vườn để khỏi mua từ nước

ngoài! Người có sáng kiến này là một đồng bào ở vùng Suối Dầu thuộc xã Suối Cát, quận Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Ông vào Saigon nhờ người mua hột giống ở Cao Miên qua ngã chợ trời Gò dầu hạ đem về trồng xung quanh nhà vào khoảng giữa năm 1967, đến nay đã bán được nhiều lứa rồi. Ông tiếp tục trồng thêm ở khu vườn bên cạnh và đang tổ chức mở rộng phạm vi như các vườn thầu ở Ai lao.

Bất chước theo ông, một số đồng bào ở Suối Dầu đi dài đến Ba Ngòi thuộc thị xã Cam Ranh đua nhau trồng, có người đã vun quén đến mấy công đất. Như thế, trong tương lai, con buôn cần xa ở Saigon khỏi mua lén ở các chợ trời biên giới vì đã có sản phẩm nội hóa. Và sau này người Việt sẽ có dịp tập thưởng thức món độc được đề luyện thành những bộ xương bọc da những bộ óc nửa ngày nửa đại! Và biết đâu Việt Nam sẽ nổi tiếng khắp năm châu về môn sản xuất ma túy, vượt hẳn xứ Lào về món á phiện!



Hoa băng khuâng

Nhớ một loài hoa dáng mộng-mơ
Màu hoa tím-tím ánh nhung tơ
Băng khuâng chờ, ngóng, trông ai đó
Đề dạ tôi buồn, thương ngần-ngơ.

Nhớ một loài hoa nhỏ đáng yêu
Cỏ-đơn trên lá nét yếu-kiều
Vương vương từng cánh mong-mạnh ấy
Theo gió bay bay mỗi buổi chiều.

Vào những hôm, mai trời đổ mưa
Đang khi xuân hạ đến giao mùa
Phương băng khuâng thuở vừa lên tám
Mưa nắng hai mùa ôi chốn xưa.

Gió vẫn miệt mài, mưa vẫn mưa
Quay cuồng biển nhớ mộng xa xưa
Băng khuâng, tìm mãi mà không thấy
Trên lối đi về khi sớm trưa.

Có phải giận-hờn, hoa không thương
Nên không thềm mọc ở bên đường
Cho tôi được ngắm màu tím-tím
Thấy mình buồn và thương quá là thương

Buâng-khuâng nho-nhỏ mà xinh
Cheo-leo ngành-ngọn một mình trên cao
Ong không đến, bướm không chào
Không hương nên đứng trên cao một mình
Im lìm các dáng xinh-xinh
Màu tím-tím khuất trong tình nước non
Thương chi ? chữ hết hay còn
Đề băng khuâng ngóng mãi-mòn buồn chưa.

NHẬT-HUYỀN-THANH
PLEIKU

Đoạn-thiên

ĐANG CAY

Nếu đọc được những dòng
này, X. hãy tha thứ cho tôi

● LAN

(Tiếp tiếp P.T. số 211)

Thời gian qua dần. Tôi sống
với chị Hiền được 2 tháng. Cuộc
sống rất đầm ấm. Chị Hiền
thương tôi, như em ruột. Tôi khám
phá ra những câu chuyện trong
cuộc đời của chị Hiền. Ba má
chị đã qua đời cách nhau 2 ngày
về bệnh dịch tả. Chỉ có chị Hiền
còn nhỏ và là con út rất được
cha mẹ nuông chiều. Không đề
cho chị tủi thân, người chị cả đã
đem chị Hiền về nuôi. Người
con gái mồ côi trưởng thành với
thời gian. Theo những dòng nhật
ký thì tôi biết rằng chị thầm yêu
một người, nhưng ngang trái sao
đó ! Nên chị đành rời Tân Thạch
và cũng đề cho con tìm bớt chuyện
yêu đương.

Tôi thương chị Hiền thật nhiều.
Hoàn cảnh của chị nào có khác
tôi đâu ? Cũng không cha, không
mẹ, cũng bỏ xứ đi. Tôi tìm được
một ý tưởng hay hay « chỉ có
những người cùng cảnh ngộ mới
cảm thông nhau »

Mùa tựu trường đến. Lúc đó
tôi vẫn còn ham học. Nhìn những
đứa học trò trạc tuổi tôi đi học,
tự nhiên tôi buồn quá. Phải chi
tôi đừng bỏ nhà đi, có lẽ bây giờ
tôi buồn quá. Phải chi tôi đừng
bỏ nhà đi. Có lẽ bây giờ tôi cũng
được đi học. Tại sao tôi lại
không có tánh chịu đựng. Những
mối hờn nhỏ đủ là nguyên do để
tôi bỏ nhà đi. Tôi hơi hối hận.

Tuy muốn đi học nhưng tôi không dám nói với chị Hiền, tiền nhà, tiền cơm, đôi khi lại tiền áo quần làm chị Hiền bận trí quá nhiều.

Vì tôi đi giữa những ngày thi đề thất, nên đi học lại, tôi phải học trường tư. Thêm một khoản tiền làm chị Hiền bận lo. Việc đó làm tôi ngại.

Mỗi buổi sáng, mỗi buổi chiều nhìn những chiếc áo học trẻ bay trên đường. Tôi đứng trong khung cửa và cứ ngỡ rằng—Đó là tôi—

Những đám mưa mang mỗi lo âu cho chị Hiền, Chị không sắm quần áo nữa. Tất cả tiền lời đều lo cho miếng ăn của chị và tôi. Có lúc chúng tôi ăn trái cây cả ngày, đó là những cái gì làm tôi nhớ nhiều nhất.

Gần đến Tết. Tôi tìm được nụ cười trên môi chị Hiền. Chị bán dưa hấu và quýt hai thứ trái cây thông dụng trong ngày tết. Tôi cũng có áo mới nhưng tôi không được « mừng tuổi » ai và không ai « lì xì » cho tôi. Tôi nhớ nhà với hình ảnh trái dưa hấu màu đỏ trong ngày mừng một tết. Mừng hai tết, bánh mứt năm quá nhiều trên đĩa. Mừng ba tôi được ăn cháo gà. Mừng bốn tết bác tôi

cũng tết nhà với thật nhiều bánh tết bánh ít. Làm sao nói được tâm trạng của tôi lúc ấy. Tôi muốn trở về với bác tôi, rồi tôi muốn ở lại với chị Hiền. Chị Hiền có mang tâm trạng của tôi không? Sợ tôi buồn chị Hiền kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện đời xưa và ngày nay. Tôi thương chị Hiền nhiều quá. Những lúc ấy gia đình của bác tôi chỉ là vì sao lúc gần sáng.

Năm sau chị Hiền có chồng chị là một người lính Hải Quân. Chị vẫn thương tôi nhưng tôi thấy tôi là hình ảnh thừa trong ngôi nhà của chị. Hôm sau tôi lên chị Hiền đi tìm một chỗ « ở ». Người ta bảo với tôi nhà ông Sáu Tâm ở đường lên chợ vòng nhỏ đang cần một đứa bé giữ em. Tôi tìm ngay đến nhà ông Sáu Tâm. Sự thật không như tôi tưởng tượng. Vợ chồng ông Sáu Tâm còn trẻ khoảng 30 tuổi.

— Em tìm ai?

— Dạ nghe nói ở đây có mướn người ở nên em đến đây đề...

Người vợ trẻ nhìn tôi từ đầu đến chân:

— Em ở đâu?

— Tân An.

— Bà má em còn không?

— Má em chết rồi. Sống không nổi với mẹ ghê, nên em đi.

Bây giờ em nói đó là 1 cứu cánh. Nó khiến cho người ta thương tôi.

— Bây giờ em ở với chị nha. Gọi chị bằng chị Sáu.

— Nhà của chị sáu bé nhỏ quá lại đến 5 đứa con trai. Chị rất ham con gái. Chị xem tôi như con. Tuần sau chị sáu bảo với tôi:

— Em muốn đi học không? Như con chim đuổi cánh tìm được tổ. Tôi trả lời.

— Em muốn lắm. Mấy bữa nay em tính nói với chị mà không dám.

— Mai này em sẽ được đi học.

Đi học, không gì làm tôi vui mừng hơn. Chị sáu lo cho tôi tất cả. Từ chiếc áo dài đến cuốn tập. Chính tay chị mua viết, mực cho tôi. Tôi muốn khóc vì cảm động khi thấy chị săn sóc cho tôi quá. Từ trước đến nay có ai lo cho tôi đâu? Ai săn sóc tôi được như thế. Tôi cứ ngỡ rằng tôi là con của chị sáu. Một ý nghĩ bắt đầu từ hành động của chị sáu.

Tôi học ở trường tư thực trên chợ vòng nhỏ. Không hên nhưng tôi gặp lại chị Hiền.

— Xuân, em...

Chị Hiền không nói nên lời.

— Chị...

Tôi cũng ghen ngào. Bao nhiêu hình ảnh êm đẹp ngày nào sống lại. Tôi cố ngăn nước mắt chảy trào ra.

— Em đi học!

— Dạ.

— Bác (ba tôi) xuống ở Mỹ Tho?

Một bài toán buộc tôi phải giải thật nhanh.

— Không. Chị bà con đem em về nuôi. Cho em đi học.

— Sao em không cho chị hay?

— Em không muốn làm chị buồn.

— Và em không nỡ nói tiếng xa chị phải không?

Tôi cúi đầu, mặc cho hai dòng nước mắt tuôn. Tại sao tôi lại khóc?

Nhà trường buộc tôi phải nộp khai sanh. Đó là một việc làm tôi lo nhưng không làm tôi phải nghỉ học.

— Bây giờ em làm sao ? Ba em ở xa lắm hả.

— Tân An. Ngày mai em về Tân An.

— Chị cho em tiền xe.

Ngày hôm sau tôi về nhà cô năm bằng gỗ sau. Tìm tôi pháp phòng. Tôi gặp ngay chị hai.

— Xuân

— Chị nói nhỏ một chút

— Sao em bình tĩnh quá vậy. Hai năm nay em ở đâu ?

— Đề sau này em nói. Bây giờ chị cho em mượn khai sanh để em đi học.

Chị hai mừng rỡ :

— Em được đi học.

— Em học đệ Thất ở Mỹ Tho. Chị cho em mượn khai sanh để cô năm xuống đây bây giờ

Không đề tôi chờ lâu. Chị hai

trao khai sanh cho tôi không luyến tiếc. Tôi trở về Mỹ Tho với tình thương của chị.

oo

Nguyễn kim Thùy từ nay nó là tên của tôi. Chị Hai đã hy sinh cho tôi nhiều quá. Lúc đó tôi không nghĩ đến những rắc rối sau này cho chị hai. Tôi ích kỷ quá, chỉ biết lo cho tương lai của mình.

Sống với vợ chồng chị sáu Tâm hơn 3 năm. Bao nhiêu kỷ niệm còn ở lại với tôi ? Chị sáu rất tốt. Nếu Anh chị lớn tuổi thì đã là ba má của tôi. Ngày xưa chị đã đi học đến bậc Trung Học nên rất thông cảm với tôi. Mỗi khi tôi giữ em. Chị hét đứa con trai ?

— Long, bỗng em cho con Xuân nó học bài :

Tôi tưởng chị giận :

— Không sao em học bài được.

Đợi cho Long đi khỏi. Chị đưa cho tôi 50đ

— Em cắt đi, đề đi chơi với bạn có mà ăn. Chị biết hoàn cảnh của em.

Còn tôi, tôi biết rằng chị không dư dả gì.

Những ngày đầu ở nhà chị sáu rất ngỡ ngàng. Dần dần tôi quen được nhiều người. Trong số đó có chị Liên. Năm tôi học Đệ thất. Chị Liên đã học Đệ Tam. Dầu hơn tôi 5 tuổi, nhưng giữa tôi và chị Liên không có sự cách biệt. Chúng tôi là đôi bạn thân nhất. Chúng tôi kể cho nhau nghe những gì bí ẩn. Với tôi, tôi phải nhớ và kể rằng mẹ tôi đã chết. Còn chị Liên, ba má đã qua đời từ nhỏ. Hiện tại chị đang sống với anh và chị dâu. Tại sao tôi lại gặp những người mồ côi, chị Hiền chị Liên. Những chị ấy thương vì hình ảnh người con gái nhỏ mồ

côi được thể hiện ở tôi. Tôi đáng thương hay các chị đáng thương ?

Rồi một buổi chiều. Tôi nghe tiếng chị Liên ho một cách nặng nhọc. Tôi chạy qua nhà chị nhận xét đầu tiên của tôi là chị Liên đẹp. Đẹp như một một cô gái liêu trai. Với mái tóc chạy dài xuống vai, dáng người gầy yếu và nước da trắng xanh. Tôi chỉ nghe nói đến vẻ đẹp liêu trai, nhưng tôi chẳng hề thấy chị Liên. Lúc đó trời vừa dứt mưa. Chị ôm ngực chạy ra mương ở hè nhà. Tôi thấy máu đỏ hòa trong nước mương thành màu ghê rợn, Tôi kéo chị vào nhà, Chị Liên bảo :

— Bây giờ Xuân về đi. Tôi nay không có ai ở nhà, Xuân qua.

Buổi tối tôi thấy chị Liên nằm ở trên giường. Tôi ngồi cạnh chị, chị Liên thều thào hơn bao giờ. Người ta bảo rằng kẻ linh cảm

Dùng midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐPDC

Dùng midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐPDC

sắp chết thương hay trời. Còn chị Liên... chị Liên tâm sự hay trời?

— Xuân bao nhiêu tuổi?

— 14 tuổi

— Năm nay chị 19 tuổi. Đời của chị không lắm hoa mộng. Chị đã sống trong cô đơn và buồn nhiều lắm. Chị ao ước một căn nhà nhỏ ở vùng ngoại ô. Chị sẽ sống cuộc đời thật êm đềm bên chồng con. Đó là giấc mộng của chị. Nhưng không ngờ chị lại yêu Huy. Huy là một giáo sư với nếp sống phóng túng. Lúc đầu vì chị học giỏi. Huy chú ý đến chị có lẽ vì cái học. Chị đã hỏi lòng chị và chị đau khổ với chị. Không ai nghĩ rằng chị lại yêu một giáo sư dạy hay. Hút thuốc rất nhiều, mê nháy mắt, cờ bạc lại uống rượu. Mỗi chiều cuối tuần Huy đều trở về với Saigon, với vũ trường. Tại sao chị lại yêu nếp sống cuồng nhiệt ấy, Chị biết rằng Huy chỉ xem chị như một người học trò giỏi hay là một người bạn. Nhưng chị

không cần được con tim. Chị chỉ biết tâm sự với em. Ngày nay tâm sự ấy chị gởi lại cho em vì chị linh cảm chị sắp rời xa tất cả.

— Chị đừng bi quan quá.

— Còn gì nữa. Buồn phiền đã giết lẫn chị. Em kéo cái ngăn tủ trong bàn học của chị. Em sẽ thấy 1 mảnh giấy của Bác sĩ. Ông ấy ghi gì chị không biết nhưng chị biết ông ta thất vọng về bệnh tình của chị.

— Chị, có ai làm chị buồn đâu?

— Em đâu có biết. chị rất đau khổ khi sống với chị dâu.

Anh lại không ngó ngang đến chị.

— Chị đừng tuyệt vọng. Tự chị làm chị khổ mà thôi, cứ nghĩ là chị đang sống trong hạnh phúc, chị vui với hạnh phúc. Chị sẽ hết bệnh. Em nghĩ rằng không có gì làm cho người ta mau lành bệnh bằng niềm tin.

(còn tiếp)



ÔNG TÝ



● K. T.

Ông Tý đứng đầu trong 12 con giáp, không biết từ ngàn xưa, có phải vì khôn ngoan, xảo trá mà được người trọng không. Nếu thế là đúng thì tại sao người ta lại không chú ý đến cái phận vô cùng xấu xa của nó?

Trong thế gian, thật chưa có một con vật nào phá phách, gieo dữ như tai họa cho loài người bằng ông Tý hay nói nôm na con chuột.

Đông và tây, cổ kim đã gặp nhau ở chỗ nhận xét về nó như thế, và sách vở nói về nó cũng không ít. Tất cả đều kết tội nó nặng nề nhưng cũng không khỏi

thật tình phục nó sát đất về cái khôn ngoan lanh lợi của nó.

Khó có con vật nào khôn bằng chú chuột

— Một ổ gà ấp ở xa chuồng heo hay chuồng trâu là đất hoạt động tốt nhất của nhà chuột. Đợi cho đêm khuya, vắng lạnh, hai chú lò mò bò đến đánh cắp trứng. Nếu trứng nằm bằng mặt đất, thì chuyện quá dễ! Một con năm ngửa, ôm quả trứng, con kia ngậm đuôi kéo về hang. Chuyện như thế này thông thường đến nỗi bất kỳ ai, ở nước nào cũng biết.

Dũng midol

1350/ĐNT/ĐĐC

Vị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Nhưng rũi trứng ở trên giàn cao thì sao ?

Một chú leo sắn nằm trên ổ. Một con ở dưới tha rơm rạ, lá khô v.v... đến phía dưới ổ gà, rải ra thành một lớp nệm êm. — Làm như thế, là chúng đã từng biết trứng là một vật dễ vỡ. — Khi lớp nệm đã lót xong, con chuột bên trên đẩy nhẹ một quả trứng rơi xuống. Con chuột dưới ôm vào. Quả trứng rũi bề chẳng? Chúng chia nhau ăn rồi làm kéo khác.

— Sục sạo trong nhà, chú gặp một lọ mật chẳng? Đánh mùi, biết được là thứ quý, chú gặm cho nát cái nút lọ, đoạn bỏ lên miệng chai, thò đuôi vào lọ chầm mật rồi rút lên mút sạch, làm như thế cho đến lúc « động ổ » hay no say rồi thì thôi.

— Bảo rằng chuột bạ gì ăn nấy là sai. Nó ăn nhiều thật nhưng « biết ăn » chứ không phải « tham ăn » và cũng nhờ thế mà nó bảo tồn được nòi giống lâu dài.

Đi kiếm ăn giữa đồng chẳng hạn. Nếu gặp một con mồi chết, khác món ăn của chú ta hằng ngày thì không khi nào chú mó đến. Trước hết, vì chú

đánh được mùi khác lạ — ví dụ như con vật bị thuốc độc — và thứ đến là vì chú không cần phải nôn nóng. Chú cứ đề yên đó năm ba ngày, thỉnh thoảng lại ghé thăm, và khi đã quen thuộc rồi, chú mới bắt đầu nhấm sờ qua một chút. Nếu có thuốc độc, thì ăn vào chừng ấy, không đủ hại gì đến chú, chú dứt khoát bỏ đi, và không quên ngăn đón bạn bè hay quyến thuộc sờ đến, bằng cách dãi tã chung quanh và trên con mồi kia.

— Bạn sơ ý để chú rúc vào hòm áo quần hay vật thực chẳng? Bạn nghe sột soạt liền thức giấc rón rén lại quyết bắt cho được chú. Ngay cử động đầu tiên của bạn là chú đã đoán biết bạn sắp làm gì rồi và chuẩn bị kế hoạch đối phó với bạn. Bạn mở nắp hòm thì chú đã kiểm chỗ nằm yên không cựa quậy, dù tay bạn đã có lúc quơ ngang trên mình chú. Tuy chú nằm im nhưng con mắt lão liêng, theo dõi đôi bàn tay bạn như nhà đấu võ theo dõi đôi tay của địch thủ. Chờ cho tay bạn qua phía bên kia hay bạn sơ ý một chút là chú phóng mình vọt lên trốn thoát, dù bạn có nắm mười bàn tay cũng không sao chụp kịp.

— Chuột còn là một con vật sáng kiến dồi dào hơn hết, và tùy hoàn cảnh mà có kế hoạch làm ăn khác nhau.

Một quan tòa nọ ở Đảo Tân Ghi Nê, một đêm nọ buộc phải ngủ lại trên đảo Trobriand, một đảo toàn bằng san hô, không có dấu vết một sinh vật cây cối hoa quả nào. Đêm ấm, trăng thanh nhưng không sao ông nhắm mắt được. Hàng bầy chuột bò qua bò lại trên mình ông.

Sáng hôm sau, ông đi quan sát lại lần nữa : quả thật không một món gì, kể cả sâu bọ, có thể cho chuột ăn được. Ông tìm một móm đá ngồi rình.

Bỗng có mấy chú chuột đôi bò lần lại bờ bề, và đến mặt nước, chúng quay đầu thò chiếc đuôi rụng cả lông lõi thịt đỏ chói xuống nước. Bộ dạng trông thật buồn cười, đôi mắt lão liêng, cái mông cử động chùng chùng — dường như để cho cái đuôi cử động theo.

Thình lình một con nhảy chồm lên cao cả thước và phóng vào bờ... cái đuôi lõi theo một con cua bề, càn cấn riết vào móm đuôi. Chú chuột chỉ cần

quay mình lại, làm bữa tiệc sáng lót lòng rồi trở về chỗ cũ, ngồi lại như trước.

Nhất người nhì chuột. —

Nói thế không có gì là quá đáng. Giữa con người và con chuột, dường như có một liên quan mật thiết, tuy rằng bên nào cũng muốn hại bên kia. Chỉ tính sơ qua, những bệnh nguy hiểm mà chuột đem đến cho loài người, đã giết nhân loại hơn tất cả mọi cuộc chiến tranh.

Nơi nào có người là có chuột. Người ăn gì, chuột ăn nấy, và nó quen với người hơn cả con bò hay con ngựa. Nó sinh ra một lần với loài người. Trong lúc bao nhiêu loài vật khác biến cải hay tiêu diệt thì họ nhà chuột vẫn thung dung phát triển, bất chấp thời gian, không gian.

Từ Bắc đến Nam băng dương, từ những vùng sa mạc nóng cháy cho đến rừng sâu núi thẳm, từ đồng ruộng vườn tược đến nhà cửa và cả cung điện nhà vua, đâu đâu cũng có chuột, không những một vài loại mà đến 550 giống khác nhau.

Tại Tây phương, vào thời

Trung cổ, loại chuột đen bắt đầu tràn ngập Âu châu từ phương tây qua một loại khác đông đảo hơn: loại lông xám tràn về phía đông vào khoảng năm 1727, sau khi vượt sông Volga. Sau đó, chuột từ Na-Uy tràn sang Anh quốc.

Cả hai loại này chắc đoán biết thế gian còn lắm đất đai — đã đáp tàu thủy qua Mỹ. Loại chuột đen đổ bộ Mỹ năm 1620 và chuột xám vào 1775.

Chú chuột xám coi bộ nguy hiểm hơn chuột đen. Thân nó lớn hơn, tai nhỏ, đuôi ngắn hơn thân, nặng đến nửa ký và dài đến 23 phân không kể đuôi. Còn loại chuột đen nhỏ hơn, tai lớn, đuôi nhỏ mà dài, không mấy khi nặng quá 350 gờ ram.

Cuộc cạnh tranh giành đất sống giữa hai loại chính này kéo dài hàng thế kỷ. Chuột đen bị thua, chỉ còn được chiếm cứ các vùng ven sông hay bờ và rút dần về phía Nam.

Tuy nhỏ và yếu đuối, chuột đen cũng tạo ra được một uy thế khá vững chắc.

Nhờ nhỏ mình — «Mèo khen mèo dài đuôi. Chuột khen chuột nhỏ mình dễ chạy» — chuột đen

có thể bò hay leo trên một sợi giây thép nhỏ để thâm nhập vào nhà cửa, chui rúc xó nào cũng được và nhờ đó mà phá phách gieo họa cho người.

Chuột xám tức chuột cống không lành lẹ bằng nhưng cũng không nhượng gì chuột nhất. Nó chuyên môn đào hang, phá ngạch. Thân mình to bự như thế mà nó có thể rúc qua một cái lỗ rộng độ 4 phân vuông. Cũng có thể bơi bốn năm trăm thước trong các hệ thống cống rồi tìm đường vào nhà người ta.

Xã hội có căn bản của nhà chuột. —

Chuột sống theo đoàn thể, có tổ chức hẳn hoi.

Người ta đã thí nghiệm đức tính này bằng cách bỏ một con chuột đực «lạ mặt» vào một lồng nhốt một đàn chuột. Liên đó chú khách lạ bị tấn công ngay. Tuy nhiên, với chuột tấn công không có nghĩa biểu dương đám đả, quyền chưởng v.v... như ta tưởng. Trước hết chú chuột đầu bầy đứng im thủ thế, hướng về kẻ xâm lăng rồi thỉnh linh nhảy đến trước mặt kẻ kia, nhưng không đụng vào

người nó, còn hai chân sau thì rung lia lịa, Con chuột lạ vẫn ngồi yên trong lúc con kia biểu diễn đủ thế.

Sau hai ba lần tấn công như vậy, chỉ trong vòng mấy giây thôi, nó ra vẻ mệt nhọc lắm. Nó nằm dài xuống đất, hơi thở dồn dập và có nhiều khi không sao tìm ra được vết thương tích gì hay xuất huyết bên trong. Con chuột lạ mặt kia xem như không được đàn chuột này chấp nhận cho «sống chung hòa bình» vậy.

Chuột sống không lâu. Nuôi đàn hoàng trong lồng thì may ra nó sống được 3 năm. Sống tự do bên ngoài «tự thực kỷ lục» thì trung bình không quá 9 tháng thỉnh thoảng lắm mới có chú sống được vài năm và chừng ấy lông nó sẽ rụng hết, tương mạo xem ghê tởm lắm.

Tháng nào chuột sinh sản cũng được. Mỗi lứa sinh từ 5 đến 10 con hay nhiều lắm là 17 nhưng rất hy hữu.

Với điều kiện thuận tiện (nơi ở, mồi ăn v.v.) một đôi chuột có thể sinh sản 350 triệu con cháu trong 3 năm.

Người ta đã dùng không thiếu thuốc độc hay phương pháp nào để trừ diệt chúng nhưng khi một địa phương nào đó đã thanh toán được 95 phần trăm thì chỉ một năm sau đã trở lại như cũ.

Hiểm họa chuột không kém gì bom nguyên tử.

Cái mà họ nhà chuột buồn, thú vị ruột là bộ răng. Mọi công việc hằng ngày của nó kể cả cái ăn cũng chỉ vì bộ răng mà thôi.

Mấy răng cửa nó như hình lưỡi đục. Sinh ra được 8 ngày là răng cửa bắt đầu mọc theo mức độ 12 phân trong 1 năm. Vì thế chuột phải luôn luôn gặm khởi để răng mòn bớt. Rủi một chiếc răng gãy hay mọc xéo, thì răng đối diện ở hàm kia tự do vươn mình lên. Nếu là răng hàm dưới thì lắm khi cái răng ăn xuyên lên hàm trên và ăn sâu vào óc.

Ở nông thôn ta, khi nghe chuột gặm sục sạo cả đêm gặm đẽ mà gặm như cột nhà, vách đá v.v. người ta thường bảo là chuột phá để trả thù vì bị giết hại. Đó chính là lúc nó mài răng vậy.

Ở thành phố, diện thường bị tấn công do chuột gặm vỏ chì ở

các dây đồng cao thế. Trong một kho thực phẩm, vắng vẻ, một con chuột trong 1 giờ có thể soi lông vài ba chục bao lúa, bột, cà phê v.v.

Chuột đi đến đâu là mang họa đến đó. Ngành Y-tế cho rằng hiểm họa chuột bằng cả bom nguyên tử. Riêng một mình nó đã đem đến cho ta 35 chứng bệnh:

Vào thế kỷ 14, trong 3 người dân Âu châu, đã có 1 người chết về dịch hạch. Cây dịch này còn lan qua Viễn đông và Phi châu nữa.

Tại Việt Nam, từ ngày quân Hoa kỳ qua tham chiến, đã có hơn 4.000 người chết vì dịch hạch. Trận dịch vĩ đại nhất trong lịch sử tại Marseille cách đây không lâu vẫn còn được nhắc mãi.

Rận chuột gây ra nhiều chứng bệnh truyền nhiễm (Typhus) Trong 4 thế kỷ qua, chứng này đã giết độ 200 triệu người.

Tuy nhiên hai chứng bệnh trên chưa phải là hết. Chuột thường chui rúc trong cống rãnh hầm hố nhớp, rồi bò vào đồ ăn, chỗ ngủ của người bỏ lại không biết bao nhiêu thứ vi trùng. Đã thế nó bọ đầu dài là độ làm cho

đồ ăn dễ nhiễm độc. Vì trong máu và ruột của nó chứa đựng nhiều vi trùng gây ra bệnh kiết lỵ, a míp, thương hàn nhập lý, bệnh vàng da và nhiều chứng bệnh nguy hiểm khác.

Chỉ riêng về phân và nước đại chuột, tại Hoa kỳ đã phải hủy phá hết 190 tấn thực phẩm vào năm 1966.

Tại các quốc gia thiếu phương tiện trừ chuột, hiểm họa này còn nặng nề hơn nữa.

Tại Ấn-độ, trên 25 phần trăm họa màu ngoài đồng và 30 phần trăm lúa trong vựa bị chuột phá. Tại Việt-Nam, ở các vùng ven núi hay dọc duyên hải, có nhiều năm lúa ngoài đồng mới trở đồng đồng đã bị chuột phá sạch. Nguy hiểm hơn là chuột không mấy khi cắn lá hay bông lúa mà cắn ngang thân cây lúa làm cây lúa chết luôn. Theo thống kê chung mỗi năm, một phần năm thực phẩm trên thế giới bị chuột ăn hay phá.

... Nhưng cũng có phần ích lợi cho nhân loại. —

Một nhà sinh vật học, ông G.B. Hamilton cách đây 50 năm đã chê con chuột hết chỗ nói, là con vật làm hại cho loài



người, hơn bất kỳ một con vật nào khác, và không có một điểm tốt, nào có thể chuộc phần nào tội lỗi tày trời ấy.

Nói như ông, có một phần không đúng. Thật ra, loài người không chinh phục được chuột nhưng đã chiêu dụ được một loại chuột để dùng cho khoa học. Đó là loại chuột trắng, mắt đỏ, nhỏ bé trông rất dễ thương, dùng trong mọi việc thí nghiệm

về Sinh vật học. Biết bao người nhờ chuột mà được sống lại và biết bao cuộc giải phẫu khó khăn đã thành công, nhờ đã thí nghiệm trên mình chuột.

Chút đỉnh công ơn đó cũng giảm được một phần lòng phần nộ của loài người đối với họ nhà chuột trong mấy mươi thế kỷ nay vậy.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

232 - 233, Phạm Ngũ Lão — SAIGON

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI

Gửi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mme Bưu-điện

Saigon số 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Ngoài bãi tập

★ Tặng Đoàn-hữu-Mỹ

gió rừng thổi ngọn tre thưa
mật mờ tung cuốn bến bờ nước xưa
tiếng hô « sát, sát » vù vù
vỡ tan vách núi bên trời hư không
cánh chim thềm thiếp trên đồng
bỗng nghe hoa cỏ trở hồng quanh ta.

1

1 cơn gió thoảng qua
1 cơn buồn bay mất
1 buổi tối ngồi xa
1 cơn sầu đối diện.

NGUYỄN-PHÁT
(Quản trưởng Thủ-Đức)

Dấu vết

Em về đây với dáng sầu lá úa
Vòng tay buồn và mắt lạnh mưa thu
Nhánh lộc non nguyên thủy kém xanh rồi
Mắt khô uá lên màu tươi cỏ rạ

Em còn lại dăm nụ cười nắng hạ
Để cho ánh lặn ánh sáng dầu hao
Uớt tim khô ngấn lệ máu đừng trào
Để hồn khỏi vương gió mùa hoang đảo

NGUYỄN-PHƯỚC-ĐẠI

K.B.C 4324

(Ban Huấn-luyện Phi-Hành)

HOA-KỲ

Không muốn chấm dứt chiến tranh V.N. bằng giải pháp quân sự?

(Trích tạp-chí Science, Mechanics)

★ ĐĂNG-DOANH

Cuộc hòa đàm giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt tại Ba-Lê vẫn chưa mang lại kết quả nào trong khi chiến cuộc tại Việt Nam không giảm bớt. Người ta nhận thấy BV cũng lợi dụng thời gian ngưng oanh tạc của Hoa Kỳ để dồn dập chuyển quân và vũ khí vào miền Nam nhằm tạo nên một vài chiến thắng về quân sự.

Nhận định về những thay đổi lập trường quá đột ngột như là sự lùi bước của Hoa Kỳ trước một địch thủ hung hăng là Cộng-sản Bắc Việt, chúng ta có quyền nghi ngờ phải chăng Hoa Kỳ đã cảm thấy thấm mệt trong cuộc chiến từ nhiều năm nay ? Tại sao Hoa Kỳ giấu mạnh vũ khí tối tân như vậy cũng đành bó tay không giải quyết được chiến tranh « du kích » này ?

Thực ra, nhận xét trên đây không hẳn phát xuất từ bản chất bi quan của người VN chúng ta mà đã có ít nhất 12 cựu tướng lãnh Hoa Kỳ nguyên là chủ tịch Ủy Ban Tham-mưu Liên-quân, Tham mưu trưởng Lục-quân và Tham mưu phó Không-lực, trong số đó có cựu Đại-sứ tại VN Maxwell D. Taylor chỉ trích gắt gao chính sách của Hoa Kỳ tại VN. Đối với họ, muốn chiến thắng Cộng Sản Bắc Việt, Hoa Kỳ phải áp dụng những biện pháp sau đây :

1) — Hoa Kỳ chính thức tuyên chiến với Bắc Việt.

2) Phong tỏa hải cảng Hải phòng là nơi tiếp nhận 70% chiến cụ của các nước CS viện trợ cho Bắc Việt.

3) Đổ bộ lên lãnh thổ BV qua vĩ tuyến 17.

4) — Hủy diệt mọi cơ sở quân sự tại Bắc Việt.

5) — Cảnh cáo Trung Cộng và Nga-sô về sự tiếp tay của họ đối với BV trong cuộc xâm lăng miền Nam VN.

Về chủ trương đổ bộ lên miền Bắc qua vĩ tuyến 17, một số người nhận định biện pháp đó khá hữu hiệu và có thể giải quyết được chiến tranh trong 6 tháng. Đánh rằng, với chiến thuật như vậy Hà-nội sẽ phải dồn mọi nỗ lực về miền Bắc để đối với lực lượng Đồng Minh và QLVNCH nhưng liệu Việt cộng tại miền Nam có chịu buông súng không?

Tất nhiên V.C. chưa chịu đầu hàng ngay nhờ vào nhân lực và vật lực sẵn có ở miền Nam vẫn đề quan trọng là phải cắt đứt mọi nguồn tiếp tế cho V.C. nhất là từ Lào và Cam bốt vào, đồng thời phá hủy mọi cơ sở có thể nuôi dưỡng và phục hồi sinh lực của chúng.

Đề hoàn tất kế hoạch này, chính phủ Hoa kỳ trông cậy phần lớn vào khả năng của không lực và Hải quân, lực

lượng bộ binh lại được đưa xuống hàng thứ yếu.

Ngay trong vấn đề đặt lại vai trò của lực lượng không chiến tranh cũng đã gây nên nhiều cuộc bàn luận sôi nổi. Hồi đó, khi tổng thống Eisenhower chấp thuận việc tách rời lực lượng không quân khỏi hệ thống chỉ huy của lực lượng, chính Đại tướng Maxwell D. Taylor (hồi đó là TMT Lục quân) đã phản đối quyết liệt ý kiến của T T Eisenhower mà ông cho là một hành động làm giảm uy tín của lực lượng. T T Eisenhower trái lại quan niệm rằng chiến tranh ngày nay không còn thu hẹp trong phạm vi một quốc gia, hơn nữa đối với loại địch thủ liều mạng như Trung Cộng, HK không chắc đánh thắng TC nhờ vào bộ binh nên phải nhờ vào sức mạnh của không lực. T T Eisenhower còn nghiêm khắc cảnh cáo Đại tướng Maxwell Taylor đừng nhắc tới vấn đề này nữa. Từ đó, Đại tướng giữ thái độ yên lặng cho tới khi thượng nghị sĩ John F. Kennedy lên làm tổng thống. Đại tướng lại trình bày ý kiến trên với tổng thống Kennedy và yêu cầu được sang VN thực hiện chủ trương của ông

là dùng bộ binh trong nỗ lực chính tấn công v.v.

Tiểu rằng hồi đó Tòa Bạch Ốc lại sợ việc đưa quân sang VN chiến đấu có thể gặp phiền phức với TC và Nga Sô (trước năm 1963 Quân đội Hoa Kỳ có mặt tại VN với tư cách cố vấn quân sự) nên kế hoạch của Đại tướng Maxwell Taylor không được Bộ Quốc phòng chấp thuận và nó đã theo ông bỏ hưu.

Hoa thịnh Đốn, cơ quan đầu não của chiến tranh

Cựu Đại tướng không quân Nathan F. Twining cũng chủ trương tuyên chiến với Bắc Việt phong tỏa hải cảng Hải phòng và đánh đắm tất cả tàu bè chở chiến cụ cho BV. Ông không quan tâm tới Nga sô hay TC mà chỉ muốn tìm mọi cách chấm dứt chiến tranh càng sớm càng tốt. Lời nói của Đại tướng đối BV là như thế này : « Các ông hãy cho dân chúng tàn cư xa các cơ sở quân sự để chúng tôi thả bom » Đại tướng tin rằng chiến tranh sẽ kết thúc mau nhất bằng cách đó.

Nhận định về những cuộc oanh tạc với những mục tiêu bị hạn chế trên lãnh thổ BV, Đại

tướng Nathan F Twining tuyên bố : « Chiến tranh kiểu đó không khác nào một trận túc cầu mà các cầu thủ chỉ được quyền xử dụng quả banh trong một phạm vi nhỏ hẹp trên sân cỏ. Ông mĩa mai cho rằng thật vô lý khi Hoa Kỳ nói với Hồ chí Minh : « Các ông yên chí, chúng tôi không chủ trương tiêu diệt chính thể cộng sản BV và chúng tôi sẽ không phá hủy các cơ sở quan trọng tại Hà nội và Hải phòng. »

Đại tướng Twining cũng không mấy thiện cảm với một số cố vấn dân sự tại tòa Bạch Ốc và Bộ Quốc phòng. Ông nghĩ họ quá ngây thơ cho rằng việc Hoa Kỳ « tụt » thang chiến tranh sẽ khiến đối phương giảm bớt hành động khiêu khích của họ trước một tình trạng hầu như bế tắc đối với cả hai phe làm trận. Không những thế, các cố vấn dân sự này còn cho rằng số phận VN hoàn toàn tùy thuộc vào Hoa kỳ, rằng hòa bình thế giới sẽ được duy trì nếu Hoa Kỳ chịu giảm bớt nỗ lực quân sự cùng với Nga Sô.

Về điểm này, Đại tướng Twining quả quyết : « Tôi không sợ việc gia tăng lực lượng của

chúng ta có thể gây nên chiến tranh. Bởi vì tôi tin rằng chúng ta không sử dụng lực lượng đó như một hành động gây hấn mà chỉ dùng để ngăn ngừa hành động gây hấn của một cường quốc khác».

Niềm hối tiếc của Đại tướng Twining vẫn là sự hạn chế khả năng của không lực trong chiến cuộc VN. Một sự thực chưa chút nữa là mọi diễn biến tại VN đều do Hoa Thịnh Đốn điều khiển, ngay cả đến việc chọn những mục tiêu để oanh tạc. Các cấp chỉ huy trên chiến trường chẳng quyết định được gì.

Chỉ có trời hoặc ông Menamara là hợp lý.

Đồng quan niệm với Đại tướng Twining là Đô đốc Aleigh A. Barke Đô đốc chủ trương gọi thêm quân trừ bị và đốc toàn lực tấn công dồn dập trên mọi mặt trận khiến đối phương không kịp trở tay. Ông nói trong lịch sử chiến tranh chưa có trận nào thắng nổi nhờ sự hạn chế tối thiểu về khả năng, vậy mà điều đó chúng ta vẫn làm tại Việt Nam khiến đối phương tưởng rằng họ có thể thắng nổi chúng ta. Tất nhiên chiến tranh

toàn diện sẽ phi tổn nhiều nhưng thà như vậy để có đủ người và vũ khí còn hơn không giải quyết được gì. Đô đốc Barke cũng nhận xét Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara chỉ đánh giá khả năng theo đồng Mỹ kim, Đối với Ông Mc Namara thì kết quả thực tế phải thấy ngay sau khi đồng Mỹ kim được mang ra khỏi kết, dù ngay trong lãnh vực quân sự cũng vậy. Thực ra ông Bộ trưởng đã quá chú trọng vào những chi tiết nhỏ nhặt mà quên đi cả một vấn đề trọng đại. Phải chăng, ông Bộ trưởng chỉ công nhận thắng lợi theo tỷ lệ xác chết giữa ta và địch. Theo ý nhà quân sự, điều đó không đúng. Vấn đề quan trọng là phải làm thế nào cho đối phương hiểu rằng họ không chiến thắng là họ sẽ mất tất cả.

Không riêng gì Đại tướng Twining hay Đô đốc Barke mà ngay đến Đại tướng George H. Decker cũng chủ trương tuyên chiến và đổ bộ lên Bắc Việt. Còn đối với Nga sô và Trung Cộng, Đại tướng nhận định rất giản dị. Nếu vũ khí cỡ điển không đánh bại được hai quốc gia này thì Hoa kỳ sẽ dùng tới vũ khí hạch nhân». Cứ đặt giả thuyết là

chiến tranh thực sự bùng nổ tại Châu giữa Hoa kỳ và Trung Cộng. Rất có thể Trung cộng sẽ dồn quân sang Bắc Việt để đối phó với Hoa kỳ nhưng ngay khi đó, gần nửa triệu quân THQG từ Đài Loan cũng sẽ đổ bộ lên lục địa để giải phóng dân tộc họ.

Cựu Đại tướng không quân Thomas S. Power thì cương quyết với chủ trương phải tiêu diệt mọi cơ sở quan trọng tại Bắc Việt. Đại tướng nói: «Kinh nghiệm trong Thế giới Đại chiến thứ II cho biết không bao giờ ta nên trở lại tấn công một mục tiêu lần thứ 2, một là để cứu sinh mạng của chúng ta, hai là để đánh đòn cân nảo đối với địch, làm cho địch thấy rằng chúng ta tấn công là họ phải bị tiêu diệt, không tiêu diệt được họ là họ sẽ khinh thường khả năng của chúng ta».

Người bị quan về chiến tranh VN có lẽ là Đại tướng không quân Frederic H. Smith. Đại tướng nhận định chiến tranh VN sẽ còn kéo dài nếu Hoa kỳ vẫn áp dụng chiến thuật như hiện nay. Chiến thuật đó là dùng pháo binh và phi cơ dọn đường cho bộ binh tấn công VC. Theo

Đại tướng Smit thì chiến thuật đó làm mất yếu tố bất ngờ, một yếu tố quan trọng để chiến thắng.

Bàn về việc dùng vũ khí nguyên tử cỡ nhỏ để tiêu diệt Cộng-sản Bắc Việt Đại tướng Smith cho rằng chiến tranh sẽ mau kết thúc nhờ loại vũ khí này nhưng mức độ phóng xạ sẽ ảnh hưởng tai hại đến dân chúng VN.

Khi những chính trị gia điều khiển chiến tranh.

Trung tướng không quân Ira C. Eaker tóm tắt ý kiến của ông về chiến tranh VN như sau:

1) — Chiến tranh VN do những nhà lãnh đạo chính trị điều khiển. Họ quyết định mọi vấn đề về thực lực quân số, về chiến thuật và chiến lược. Những người này không quan tâm tới ý kiến của giới chức quân sự mà chỉ tìm mọi cách thuyết phục Hà nội ngồi vào bàn hội nghị trong lúc đối phương vẫn tưởng rằng họ có thể thắng nên tỏ ra thờ ơ trước mọi đề nghị.

2) Những nhà lãnh đạo chính trị hành như chỉ chú trọng vào một trận chiến «mặt đất», là nơi đối phương có rất nhiều ưu điểm

và Hoa kỳ chỉ xử dụng Hải và Không lực trong một phạm vi bị thu hẹp.

3) Phe chính trị hơi «yếu» khi tiết lộ cho đối phương thấy chiến thuật của chúng ta, chẳng hạn nói thắng với Hà nội là Hoa kỳ thấy chưa cần đồ bộ lên BV. Sự thực thì dù chúng ta không định đồ bộ lên BV, ít ra chúng ta cũng làm cho BV thấy rằng việc đó có thể sắp xảy ra.

4) Hoa kỳ đã dành cho BV một khu vực an toàn dọc biên giới TC và vùng Hà nội Hải phòng khiến nên mọi khả năng phòng không mà BV được mang ra phòng thủ những nơi mà BV biết trước sẽ bị oanh tạc. Kết quả sự tổn thất về phi cơ của HK gia tăng: trong khi chiến cụ của các nước Cộng sản vẫn đều đặn chuyển vào hải cảng Hải phòng.

5) Việc thống nhất chỉ huy theo kiểu chiến tranh Triều-Tiên trong thế chiến II lại không được dùng tới trong chiến tranh Việt Nam.

6) Phe chính trị cố duy trì chiến tranh «tự vệ» tại VN.

7) Phe chính trị quá chủ quan khi chính thức tuyên bố họ

không muốn tiêu diệt nền kinh tế của BV. Có lẽ họ không nghĩ rằng quân sự phát triển là do kinh tế phồn thịnh hay sao. Nếu trong Thế chiến II người ta cũng nghĩ như vậy thì ngày nay có lẽ chế độ Độc tài Đức Quốc xã đã làm chủ cả thế giới.

Trên đây là ý kiến của một số tướng lãnh Hoa kỳ về một giải pháp để chấm dứt chiến tranh VN. Tựu trung những ý kiến đó vẫn là đánh mạnh và đánh dồn dập trên mọi mặt trận để chiến thắng Cộng sản. Mặc dù các vị đó chưa có dịp thi thố tài năng trên chiến trường VN nhưng nhìn vào chiến công của họ trong quá khứ chúng ta không thể cho rằng lời nói của họ thiếu thực tế. Còn tại sao chiến tranh chưa chấm dứt thì có lẽ nên hỏi thẳng Hoa thịnh Đốn là cơ quan đầu não chỉ huy cuộc chiến (theo lời cựu Đại tướng Nathan F. Twining). Người dân VN chúng ta, vốn bản chất hiếu hòa và nhàn nhục, chỉ biết trông chờ,

ĐẶNG DOANH

★ *Đó Đốc Barke kết-luận «Chỉ có trời hoặc ông Mc Namara là hợp lý.»*

CHIM



ĐẠI-BÀNG

★ **TÍN-KHANH**

Vua các loài chim

Đại-bàng có lẽ là con chim cuối cùng còn rơi rớt lại của giai-đoạn vàng son, thời tiền-sử khi loài chim đứng đầu trong 4 loài vật chính: nhất điều, nhĩ ngư, tam xà, tứ tượng.

Trong truyện Thạch-Sanh Lý-Thông xưa của ta có chuyện đại-bàng tha nàng công chúa về hang hay trong thần-thoại Pháp kể chuyện một bà mẹ nọ đã đánh rơi con đại bàng tha con mình, đến nỗi cuối cùng người và chim

đều chết...Tuy câu chuyện có vẻ hoang-dàng nhưng ít nhất người bấy giờ cũng đã từng biết đến đại bàng, loài chim to lớn, đủ sức mạnh xách nổi một con người. Từ ngày con chim, tàn «che kín cả mặt trời» cho đến nay hàng triệu năm đã trôi qua, con chim chỉ còn là con vật nhỏ bé mà con đại bàng còn giữ lại được phần nào vóc hình to lớn — lúc bay, đôi cánh còn tỏa rộng đến hai, ba thước, thì gọi nó là vua các loài chim chưa phải là quá đáng.

Với lại, có tướng mạo phương phi, đôi mắt dữ tợn, sắt bén như gươm, mỏ quặp, bén nhọn, tượng trưng cho sức mạnh, quyền uy, gan dạ đứng cầm và thêm vào đó, lại rất khôn ngoan



**Biểu hiệu cho Đế quốc
La Mã xưa**



Nã phá Luân Đệ nhất

tính xảo. Cũng vì những nét đặc biệt ấy mà xưa nay loài người đã mượn nó làm biểu hiệu cho quốc gia hay cho riêng mình.

Theo thần thoại, đại bàng ngự tam sét của Thần Jupiter. Thời cổ La-mã, đại bàng tượng trưng cho thần Chiến thắng. Gần đây, Vua Nã-phá-Luân, Đế quốc Áo-Hung, các Nga-hoàng hay quốc gia Tây Đức và cả Hoa kỳ cũng dùng hình đại bàng làm biểu hiệu cho mình hay trong các loại huy chương.

Cái oai của đại bàng khó mà diễn tả cho rõ. Đôi cánh vĩ đại tung ra rộng 2 thước 75, mạnh như vũ bão, bay thẳng như đường chỉ gạch với tốc độ 100 cây số giờ cao tít mây xanh rồi bất thình lình bổ đứng xuống lạnh đến 150 cây số tận các hố sâu âm u, hóc hiểm, bay sà cách mặt đất 3 tấc rồi bất thình lình chụp lấy con mồi. Hai chân gấp con vật, lăm khi nặng gấp hai

minh nó, bay lạnh lên các mỏm cao tới 5.000 thước, nơi vợ và chú con đang tựa cửa chờ trông.

Giờ phút hành hình lạnh như chớp. Mấy ngón chân nhọn vát nắm chặt đầu con mồi, nó lấy mỏ mổ 2 cái là 2 tròng con mắt bay ra ngoài, còn chân kia chỉ rạch một cái là bụng con vật đồ xóa ra bầy cả lục phủ ngũ tạng và bữa tiệc chấm dứt một vài phút sau.

Đại bàng khoái ăn đủ thứ mọi sống. Con vật gì vừa tầm nó điều không chừa, kể cả rắn, dê cừu ở đồng-bằng.

Lối bắt mồi có tổ chức.

Hai con đại-bàng đang quàng trên một vực sâu không khác 2 chiếc phi cơ tìm mục tiêu, lúc đầu vòng còn rộng rồi thu hẹp dần dần lại.

Một con xem bộ già, con kia non trẻ hơn, có lẽ là cha hay mẹ và con. Thỉnh thoảng chúng kêu lên mấy tiếng và bay chậm lại.

Bên dưới sườn núi, một chú thỏ đầu bầy đang lo việc canh phòng nhận thấy nguy cơ liền báo động liên hồi và mạnh ai nấy rúc vào hang.

Hai con đại bàng vẫn quàng, vẫn kêu nhưng lần lần bay xa đi. Khi

tiếng kêu kia chỉ còn nghe vắng vắng, bầy thỏ mới hoảng hồn, nhưng vốn biết thân phận quá nhỏ nhen, tính mạng lúc nào cũng như chỉ treo chuông chúng còn rúc rẻ thỏ đầu khỏi miệng hang nhìn tứ phía.

Một lát sau xem chừng không còn gì nguy hiểm nữa, vài con gan dạn nhất mới chạy ra ngoài ngồi trên mỏm đá, thung dung nhìn trời mây và hít ngọn gió lạnh mát rượi... Ngay trong lúc đó, một con đại bàng thứ ba từ phía sau bay đến, lạnh như chớp hạ xuống và gắp một chú thỏ bay về hướng cặp đại-bàng khi đang còn quàng ở xa xa chờ đợi.



Hoa kỳ

Con vật có thủy chung.—

Đại bàng sống có đôi cho đến khi đầu bạc, không bao giờ « phượng chạ loan chung, hay có kẻ bạc tình đi ôm cầm thuyền-khắc ». Rồi một con có bất phước qui tiên, con kia lẽ bóng, ôm sâu nuốt thắm một thời gian rồi mới rời tổ ra đi về một phương trời mới, tìm bạn tri âm

lập lại cuộc đời.

Thường thường, nên câu duyên nợ là do con đại bàng mái quyết định. Nơi đèo núi nào thuận tiện bao nhiêu mà không có đại bàng trống thì có đem đến bao nhiêu con mái, chúng cũng không chịu ở. Cho nên ở các thảo-cầm-viên muốn gây giống này, người ta phải nuôi trống lẫn mái cho sống chung chạ. Mấy con mái tự chọn lấy bạn lòng, theo tiêu-chuẩn tình ưa ý muốn, rồi mới dẫn nhau đi lập tổ uyên-ương ở một nơi biệt lập trong thảo cầm viên.

Cứ 2 năm một lần, vào mùa khi trời ấm áp, đại-bàng mới làm lễ giao-duyen, trên đỉnh những ngọn núi cao vút mà không một con vật nào quấy rầy được.

Đôi bạn bay song song, quàng tròn, thỉnh thoảng chạm nhau dữ dội, không phải để tặng nhau những « cái hôn nồng cháy » mà là một cuộc thử hùng thử tài nhau... Chúng bầu xé, đá nhau cho đến lúc lông rụng bay tung trong gió, máu rơi thành giọt mới biết tay nhau và từ đó cuộc tình duyên bắt đầu.

Qua hôm sau, đôi vợ chồng mới chung sức xây dựng lại tổ, phần nhiều là sửa lại một tổ cũ của đôi khác bỏ lại. Trường hợp không có tổ cũ, chúng mới xây tổ mới, một

phần giống đại bàng ít quen làm tổ mới, phần nữa vì tổ cũ này có đủ điều kiện an - toàn, chúng không cần mất công tìm kiếm địa điểm khác.

Tổ đại-bàng thường ở mức cao 3.000 thước trên những mỏm đá bất khả xâm phạm, chỉ là một đồng cảnh khô, giữa lòng đắp rêu, là thông và lông ửng con đại bàng mái, hình thức không một chút mỹ quan.

Đại bàng thường đẻ 2 trứng, có khi một, tròn, to gần bằng trứng ngỗng, màu đà nhạt, nhiều bột nhỏ màu sẫm hơn.

Trứng đặt trên lớp lông rụng kia để giữ trung bình nhiệt-độ 42 độ trong suốt thời kỳ ấp trứng.

Trong thời gian từ 30 đến 35 ngày, không mấy khi con đại bàng mái rời khỏi tổ.

Thường vào tháng năm, đại bàng con phá trứng rúc ra, mình đã đủ lông trắng như tuyết.

Trong suốt thời kỳ vợ nắm bếp anh chồng có nhiệm-vụ canh chừng nghiêm nhặt, đánh đuổi mọi khách lạ lại vắng trên cả một khoảng núi rừng lớn, và hằng ngày lo miếng ăn cho vợ.

Đưa con vô đạo

Đại-bàng con là mối lo ngại lớn nhất của cha mẹ nó. Mới ra,



Đế quốc Áo Hung

Đời được 7 ngày, là mỗi con phải ăn từ 2 ki đến 3 ki thịt mỗi ngày. Mạnh ăn và ăn ầu, không chừa một thứ gì, kể cả lông lá v.v... nên chóng lớn.

Chỉ 10 tuần lễ sau, con đã bằng mẹ, nặng từ 5 đến 7 ki và bắt đầu tập bay.

Thường thường trong tổ, con nào nhỏ bé hơn lại mạnh hơn. Do đó, nó chiếm được phần ăn nhiều và được bố mẹ chăm sóc hơn. Lắm khi vì hứng lên hay vì quá đói, cha chưa kịp đem đồ ăn về, nó chụp lấy anh phân thây nuốt luôn. Mẹ nó đứng đó, hay cha nó về có thấy cũng làm ngơ không có cử chỉ gì trừng trị. Có lẽ đây là luật của tạo hóa để giới hạn mức sinh sản của đại-bàng chăng?

Đại bàng con lớn nhanh như thổi, mỗi ngày mỗi thêm nhanh, tập đập cánh, xữ dụng móng vuốt bén nhọn, tập gấp cánh cây, sạn đá và chuẩn-bị hạ sơn.

Qua tháng 8, con đủ điều kiện

tranh sống với đời, mẹ nó mới bắt đầu truyền nghề. Bài vở lòng chưa có gì gay cấn. Nó đang được chấp chửng trên miệng tổ cao năm, ba ngàn thước, bỗng bị mẹ nó đẩy ra ngoài, làm nó mất thăng-bằng, chơi voi muốn rớt. Bị mẹ « chơi ác » thỉnh thoảng nó phải buộc lòng đập cánh lấy được lấy để miễn sao khỏi rơi xuống vực thẳm.

Vài ngày với trò nguy hiểm này trôi qua, pha rừng rợn hơn mới bắt đầu. Xuất kỳ bất ý, mẹ nó cũng như lần trước đây mạnh nó ra khỏi tổ. Bên dưới là vực sâu không đáy, nó cố đập cánh một cách tuyệt vọng nhưng liền đó mẹ nó bay theo, hừng dơi mình nó, lấy lưng đỡ để phụ sức cho đôi cánh còn yếu đuối chưa quen. Hai mẹ con bay trong thế ấy độ 100 thước, rồi bất thỉnh linh mẹ nó lách mình ra cho nó rơi lần nữa, và bay bên cạnh xem chừng, đợi khi nào đưa con đuối sức mới đưa lưng vào hứng đỡ như trước.

Đến tháng 10, con đủ điều kiện hạ sơn, vợ chồng nhà đại-bàng mới đưa gia-đình xuống định cư ở các vùng thấp hơn để phòng mùa rét mướt, dễ kiếm ăn hơn.

Gia-đình sống êm ấm mãi cho đến ngày đại bàng mái chuẩn-bị đẻ lứa khác. Từ đây, tình mẫu tử chia lìa, đưa con bị trục xuất khỏi tổ.

Nó ra đi như đứa con hoang, không còn biết đến quê cha đất tổ, lưu lạc giang hồ, tìm kiếm khắp nơi một tiểu giang sơn vô

chủ, lương thực dồi dào và xâm chiếm làm của riêng. Tự xưng « khai quốc công thần » xong, chú đại bàng ta mới bắt đầu « gieo cầu » tìm bạn trăm năm và xây tổ ấm.

Đầy vào khoảng chú được 5 tuổi, Lông chú lúc ban sơ từ màu trắng chuyển dần qua xám, rồi đậm, và càng già, lông lại càng đậm thêm.

người, kẻ thù số một của Đại bàng

Đại bàng không làm hại gì người cho lắm nhưng không hiểu sao loài người lại thù ghét nó đến thế! Họ xua đuổi, bắt giết, phá tổ đến nỗi giống đại bàng gần đến tuyệt chủng.

Hàng bao nhiêu thế kỷ trôi qua, nhân loại từng cho nó là con vật nguy hiểm nhưng may đâu mới gần đây thôi, vào năm 1961, các nước Pháp, Ý, Tây ban Nha đã ra pháp-đạo-luật bảo vệ nó.

Hiện nay trên lãnh thổ Pháp, ước chừng còn độ 50 đôi. Tại dãy Pyrenées độ 10 đôi, Đảo Corse, vài đôi, 2 hay 3 ở dãy Massif central; còn bao nhiêu tại dãy Alpes.

Ở Trung-quốc, Bắc Ấn-độ v.v. còn một số ít. Tại Việt-Nam ta, có lẽ vì khí hậu không thích hợp nên thỉnh thoảng lắm mới gặp đôi con ở Miền Bắc thôi.



Tây Đức

Một áng văn

du-ký của thời Minh-Mạng

«Hoa trình tiệp lãm khúc»

Của Cụ Lý-văn-Phức
kể chuyện đi sứ sang Tàu

● AI-LAN

CỤ Lý văn Phức, Tham tri, Phó sứ trong phái đoàn ngoại giao của nước ta đi sứ qua Tàu. Cụ người Huyện Vĩnh-Thuận, một văn thần triều Minh-Mạng—Thiệu-Trị. Ngoài Hán văn, cụ còn có thơ văn về chữ nôm, cụ cũng là tác giả bản ca «Nhị thập tứ hiếu» bằng quốc văn.

Trên đường đi sứ Yên-Kinh cụ Lý-văn-Phức làm thiên du ký sau đây trong khi đi qua các tỉnh,

phủ, châu, huyện và được xem di tích, phong cảnh, các việc làm của phái bộ, và sự tiếp đón của người Tàu v.v... đều được cụ ghi vào thiên ký sự bằng thơ song thất lục bát này.

Bản văn này lâu nay ít thấy phổ biến. Chúng tôi tìm được trong cuốn «Tập-lục», xin chép ra đây cống hiến đọc giả. Có lẽ đã lâu ngày, tam sao thất bản nên có vài chỗ đáng ngờ là sai sót, mong được quý đọc giả bổ

MỘT ANG VĂN

khuyết và hiệu chỉnh cho, nếu bạn nào còn giữ nguyên bản. Đây cũng là một việc cần ích cho ai muốn sưu khảo văn-học-sử sau này.



Đây, Hoa Trình Tiệp Lãm Khúc

(Khởi sự đi từ Huế ra Hà-nội)

«Năm Thiệu-Trị rồng bay Tân-sửu (1)

Vàng Thánh-triều giữ đạo giao-lân.

Điện phong ban xuống chiếu-văn.
Hành-tùy mười bảy, sứ-thần ba viên. (2)

Đồ thường-tứ ơn trên nuần-thấm.

Linh quốc-thư vật phẩm chính-tề.
Tháng hai bái mệnh dân trì,

Gió xuân đưa tới vó kỳ nhẹ thênh.

Tháng ba tới Hà-thành đình-trú.
Chiếu việc quán theo bộ văn truyền.

Từ nghe nội địa đưa tin,
Hoàng-cung bái vọng biểu tiên đạt trình.

Lễ tế đạo (3) thần linh trợ thuận.
Ngày mồng ba tháng nhuận bước ra.

Ngon cờ tiếng trống xa xa,

Chèo lao đưa mái Nhị-Hà như tên.

Sang bắc ngạn ghéch thuyền lên bộ,

Quan Bắc-Ninh tiếp bộ rõ-ràng.
Dần-dà điểm Mỹ, điểm Thương,
Đạo qua Phủ-Lạng đến làng Cầu-doanh.

Cùng vào miếu Điện-linh chúc lễ.
Qua Bắc-câu (?) Tiên-lệ, Bắc-giang.

Kìa kìa suối Rắn bên dâng,
Đồn rằng dưới suối có hang giao-thần.

Sự linh-ảo khôn phân hư thật.
Khách đi đường cần mật là hơn.
Bắc-hòa tới quí-môn-quan,
Lời rằng thập khứ nhất hoàn là đây.

Khí mù xuống ban ngày muốn tối,
Hơi nước bên ngọa khói đường bay.

Chi-lăng thứ nhất bầu này,
Linh-tử đem tắm lòng ngay đảo kỳ.

Kìa Hồ lao cũng vì linh miếu,
Qua Lạng-giang tới kháo Mẹ, con.

(1) tức năm thứ 22 vua Đạo-quang nhà Thanh (1841).

(2) Các quan tùy tùng theo sứ bộ.

(3) Khi đi, tế thần đạo lộ.

MỘT ANG VĂN

Nhìn xem lớn nhỏ hình non,
Lại qua giếng Ống tới đồn Lạng-mai.
Quan tỉnh Lạng đón mời vào tỉnh,
Việc sứ trình lo tới vạn vánh,
Biện đồ lễ miếu Thành-Hoàng,
Nhân rồi dạo bước ngắm tường
cảm thanh.
Tam-Thiên-động thiên thành như
tạc.
Vọng-phu-sơn ai mặc cho nên.
Hãy còn dấu cũ tiền hiền (4)
Nền danh Lộc-Mã cảnh triều
Tam-thanh.
Rồi chỉnh-bát quan binh thượng
lộ.
Qua Kỳ-băng với phố Khảo-lừa.
Đồng-dăng lịch sử tiếng xưa,
Dừng xe tạm nghỉ đưa tờ thông
danh.
Rồi thấy thiếp Thái-bình Tri-phủ,
Định mừng mười, giờ ngo khai
quan,
Tỉnh-quan cùng hậu mệnh quan,
Cùng nhau vóng giá một đoàn tới
nơi.
Sửa mũ áo bên đài Ngưỡng-đức,
Sắp quan quân Nam Bắc hai
đường.
Đến giờ sung phát sấm vang,
Mặt giáo tân chủ lễ thường tống
nghênh.
Đài Chiêu-đức lễ thành tham yết,
Cửa Nam-quan bái mệnh phân
kỳ.

Rời Hà-nội sang Tàu
Tang-bồng là chí nam-nhi,
Non sông ngoảnh lại, bước đi lại
dừng.
Qua tiền-ải trông chừng Mạc-phủ,
Khởi Thiên-tân đến Thụ hàng-
thành.
Đến đầu đường, tấn qui nghênh.
(5)
Hặng ngày cung ứng nặng tình
địa quan.
Ninh-minh giang chực thuyền đi
thủy,
Vật thường hành chinh bị chu-
toàn.
Hiệu cờ cho đến biện đèn,
Đủ trong mười bảy chiếc thuyền,
tiêm tân.
Lại biện lễ giang-thần đảo cáo.
Rồi kéo cờ phát pháo khai hành.
Giòng sông khúc thẳng khúc
quanh,
Sông êm nhẹ lái, gió thanh nhẹ
buồm..
Núi ai nhuộm đỏ lờm sắc đá,
Đủ tướng cờ, nhân mã, binh đao..
Sườn non ai vẽ được nào..
Truyền rằng binh mã Hoàng-Sào
phải không? (6)
(4) Ông Ngô-thời-Sĩ đời Lê.
(5) Chế độ nhà Thanh, dọc các
sông có chia từng nơi đặt
quân canh giữ gọi là đường
phòng, tấn phòng.
(6) Người đời Hy-Tôn nhà
Đường, nổi loạn xưng đế.

MỘT ANG VĂN

Kìa Sa-mao (7) nọ chồng Bút-
giá (8)
Khéo khen ai xếp đá chênh-vênh,
Bên sông ba mặt quanh thành,
Nhìn xem phủ-trí Thái-bình rất
đồng,
Đưa một lá thiệp hồng vấn hào,
Vật thờ-ngôi lấy thảo dâng
thành.
Một niềm bích tạ (9) ninh minh.
Tống đồ thực vật vẹn tình chủ
nhân.
Kể sai dịch liệu phần đã phát,
Cứ lệ thuyền đêm bạc (10) ngày
khai, (11)
Đá đầu xây sẵn núi dài,
Phải chăng tục gọi thành người
Hoàng-Sào?
Qua Hường thủy ào-ào tiếng suối,
Vừa ba ngày tới cõi Tân-ninh-
Ché thuyền đưa bàn chân-thành,
Chủ tân chiếu lệ nhân tình lại đi.
Kìa sơn động Kim-kê tiêu cảnh,
Dấu Lã-tiên du-vịnh từ xưa.
Thành đầu chất ngất bên bờ,
Huyện là Tuyên-hóa, phủ là
Nam-ninh.
Xem phố-xá thị thành đô-hội,
«Tiểu Nam Kinh» tiếng gọi xưa
nay.
Ung-châu cờ hiệu là đây,
Địch-Thanh truyện cũ ghi ngày
non Côi,
Lại lần lửa từng non lớp suối,
Qua Vĩnh-thuần mới tới Hoành-
châu.

Khai-thôn tích cũ đã lâu,
Nghe còn thuyền xác chìm đầu
chốn này.
Than Ngủ hiềm đá cây sồng loan,
Khách hành-chu tóc rợn mắt hoa,
Chức-văn đảo miếu Phục-Ba (12)
Chuồn bầu cùng rót bạn ta khuyên
mời.
Ấy, từ đó qua nơi than thắc,
Có địa phương chực rước than
phu (?).
Qua Quý-huyện, tới Tân-châu.
Giang-sơn bát cảnh (13) bức đồ
thiên nhiên.
Non Bạch-thạch động thiêng điển
viển.
Quế Kinh-sơn thổ sản gọi là,
Huyện Nam-bình cách chẳng xa.
Tướng quân Đào-Khản (14) quê
nhà ở đây.
(7) Sa mao : hình núi như cái
mũ bằng sa.
(8) Bút-giá ; hình núi như cái
giá gát bút.
(9) Trả lại vật tặng và tỏ lời
kính tạ.
(10) Bạc : thuyền đồ bến,
(11) Khai : thuyền nhỏ neo đi.
(12) Mã-Viện đời Đông-hán được
phong Phục Ba tướng quân
đem quân sang đánh với
Trung-vương.
(13) Tám cảnh đẹp thiên nhiên.
(14) Một danh tướng đời Tấn.

Đời Nam-hán nhớ thầy Lương-
Trang. (15)

Từ miếu đường về đường từ
Thần.

Lộc triều cấp thuế phương-dân.
Miếu thờ một quận cảm ơn đến
rày.

Qua Đẳng huyện là nơi tiêu ấp,
Phủ Ngô-châu tấp nập như tuôn,
Vui thay phố bán thuyền buôn.

Thu đồ bát cảnh hợp nguồn tam
giang. (16)

Nhớ Đông hán. Sở-vương (17)
quê cũ,

Nhận Nam-giao Thái-thứ cõi
ngoài-

Văn minh mở một phương trời,
Một phen công đức, muôn đời
khởi hương.

Dấu vua Thuần trắc phương còn
lại. (18)

Lối nam tuần nào nội Thương-
Ngô,

Cửu-nghi (19) non quanh sương
mù,

Ngàn xanh đã ngã bóng ô vàng-
vàng.

Nghe hành-thứ có Lương tuần-
phủ,

Xin hỏi âm bầm rõ thiếp danh.
Sáp phong một tập tử đình,

Ngàn trùng non nước tốc thành
tôi con.

Sông Than thủy theo dòng nước
ngược,

Một ngày đi mấy thước đường
xa.

Dấu xưa để lại bao giờ,
Tiên ông kỳ-cục (20) Dương-gia
bát đài (21)

Chiêu-binh huyện kia nơi cò miếu,
Nhà họ Lưu trình biểu nhất môn.

Một hần, một vợ, một con,
Tòa bia tam liệt, biển son trăm
đời.

Từ Chiêu-binh tới nơi Bình-lạc,

(15) Lương Trung đồ Trạng
nguyên cáo quan về nuôi
mẹ già.

(16) Trước phủ Ngô châu có ba
con sông hợp lại.

(17) Sĩ-Nhiếp đem thi thư dạy
dân Giao châu, dân lập đền
thờ.

(18) Vua Thuần đi tuần phía
nam, đến Thương Ngô thì
mất.

(19,20-21) ba cô tích: cuộc cờ ông
tiên, đài sủng nhà họ-Đường.

Đường xa xôi hết thác thì ghềnh.
Kia là Dương sóc huyện thành.

Dương-công nón sắt rành rành
chân non.

Động Cửu Mã chín con in dạng
(22)

Dấu danh-nhân vịnh thường còn
lưu,

Tiên Nham đời Tống họ Lưu,
Hình tu luyện, cảnh thanh-u vẫn
còn.

Kia Đẩu-Kê (23) với con Tượng-
tị. (24)

Lại Thất-tinh (25) Bát Quế (26)
kéo quanh,

Đò thuyền lên trạm Ân-đình.
Quảng-tây tỉnh lý phủ thành Quế-
lâm.

(Còn tiếp)

(22) động có 9 phiến đá như
hình chín con ngựa.

(23) núi hình gà chọi.

(24) núi hình voi voi.

(25) Bảy ngọn núi nằm một hàng
như bảy ngôi sao.

(26) Tại thành Quế-lâm có tám
cảnh đẹp gọi là Bát Quế.



* CHUYỆN ĐIÊN

Hai bệnh nhân của một dưỡng trí viện cặp tay nhau rong
chơi trong vườn hoa. Ngang qua con suối trong mát, lúc lên giữa
cầu, một chàng chợt bảo:

— Mày biết tao là gì không?

— Không.

— Tao là cá -- Nói xong chàng ta nhào ngay xuống nước
nhưng vì không biết lội nên chàng ta suýt chết đuối nếu chàng kia
không nhào xuống vớt lên kịp thời.

Bác sĩ Quản Đốc hay tin trên, tìm gặp chàng điên cứu
bạn để khen tặng và dặn anh ta vào buổi sáng hôm sau lên văn
phòng nhận giấy tờ trả về gia đình vì xét thấy anh ta hoàn toàn lành
bệnh.

Sáng hôm sau anh ta lên văn phòng. Bác sĩ Quản Đốc
buồn bã cho biết:

— Tôi rất buồn báo tin anh rõ, sự cứu bạn của anh đáng
khen vô cùng nhưng hoàn công vì chiều qua bạn anh đã treo cổ lên
cây tự tử chết rồi. Đó chẳng qua là số mệnh cả.

— Đâu phải số mệnh thừa bác sĩ... chính tôi đã treo nó lên
cây đề — phôi khô — vì thấy nó ướt loi loi tội quá.

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/047/200C

TRUYỆN NGẮN

«DIỄM HỒNG»

● THU-MAI

Nguyễn yêu !

Cùng với lá thư này, em xin gởi tặng anh một ngàn triệu chiếc hôn dài âu-yếm và một tình yêu ngàn triệu năm vẫn nồng thắm như hôm nay.

Nguyễn-ơi ! Khi anh trở về đây thì em đã đi rồi. Anh ơ ! còn gì đau đớn hơn khi mình phải từ-biệt người yêu mà mình vẫn còn mãi mãi yêu tha-thiết, yêu say-mê, để ra đi không hẹn ngày về. Chắc anh cũng thừa hiểu rằng, chính vì quá yêu anh mà em mới phải làm chuyến hành-trình chia ly đau-khổ này ! Vì yêu anh nên em muốn anh có hạnh-phúc, một hạnh-phúc hoàn-toàn. Ước vọng duy nhất của em từ lúc em yêu anh là đem lại cho anh một hạnh-phúc tuyệt-vời. Em đã cố gắng làm đủ mọi việc có thể làm anh hài-lòng, cả những việc không

thích-hợp với em. Em đã đóng vai một người yêu, một người vợ khả hoàn-hảo. Nhưng với những người đàn ông khác kia, chú với anh thì em vẫn là một người đàn bà tầm thường, quá tầm thường, không làm anh vừa ý.

Anh Nguyễn ! Tại sao trời lại sinh anh ra để làm thi-sĩ, mà không là người thường như những người bình-thường ? Em ích-kỷ, em muốn anh chỉ của riêng em, của riêng một mình em thôi. Em không thích anh làm thi-sĩ, vì thi-sĩ là người của muôn người, không ai có thể độc chiếm làm của riêng được. Dù vợ hay người yêu ! Tại sao thế hở anh ? Từ trước đến nay, có biết bao nhiêu người đàn bà đã đi qua trong đời anh, nhưng vẫn chưa có một người đàn bà nào làm anh vừa ý hoàn toàn.

DIỄM HỒNG

Tất cả chỉ là những làn gió thoảng-thoảng hương đêm, nhưng khi bình-minh trở về ngự-trị trên vạn vật thì mùi hương kia đã mất hút trong không gian vô-tận.

Anh ! Em cũng mang chung thân-phận như những người đàn bà đã đến với anh trước em, nghĩa là em vẫn không phải là người yêu của anh như em đã mơ-tưởng.

Chẳng lẽ trên đời này, anh lại không tìm ra được một người yêu lý-tưởng hay sao ? Anh chưa tìm gặp, hay sẽ không bao giờ gặp ? Em không quyết đoán được chuyện đó. — Nhưng có điều mà em tin rằng không sai bao nhiêu, là anh khó mà tìm được một người yêu, người vợ, một người đàn bà thật diệu-huyền đúng như anh đã tạo dựng để sống trong mơ-tưởng với nàng.

Anh ạ ! Đàn bà thì muôn đời họ vẫn là đàn bà — một thứ người có nhiều tính-xấu, nhưng không có nghĩa là chẳng có tính-tốt. Trong mỗi người đàn bà chúng em, mỗi người đều có một sắc-thai nổi bật riêng. Người nào có được ưu-diễm

này thì lại thiếu mất ưu-diễm kia. Đời không bao giờ có một người nào có thể gọi được là hoàn-hảo — kể cả anh, cả những danh-nhân mà loài người kính-phục. Anh cũng thừa hiểu rằng, chúng ta kính-phục họ cũng chỉ ở một khía cạnh nào đó thôi chứ đâu phải tất cả ?

Một viên ngọc đẹp đến đâu đi nữa thì nó cũng vẫn có một thứ tí vết nho nhỏ, thì bọn em làm sao tránh khỏi có những nhược-diểm hở anh ?

Bọn em không trách anh, anh là một loài bướm đa-tình thì làm sao chúng thủy mãi với một nụ hoa ?

Có điều bọn em buồn là anh tạo ra chỉ một nhân vật, một mẫu người đàn bà quá lý-tưởng, quá toàn-mỹ, để rồi anh say mê nàng, yêu quý nàng, tôn nàng lên ngôi thần-nữ — nhưng rồi anh lại đau đớn, khổ-sở bởi nàng. — Vì nàng không có trên trần đời thực-tế ! Chúng em sợ rằng anh sẽ không bao giờ tìm gặp được một «Diễm-Hồng» như anh tưởng-tượng.

Anh Nguyễn ! Em biết anh vẫn còn yêu em, chưa bao giờ anh có một hành động nho nhỏ nào

làm em phát ý. Anh vẫn yêu chiều em, anh vẫn làm đầy đủ bổn-phận một người chồng, một người yêu — em không có lý do gì để trách anh được — Nhưng, — tất cả mọi biến đổi đều khởi điểm bằng một chữ «*nhưng*»! — em cũng như anh, em cũng có một mẫu người đàn ông lý-tưởng.

Lần đầu gặp anh và yêu anh, em cứ tin tuyệt-đối rằng : anh là người yêu lý-tưởng mà em hằng mơ ước.

Nhưng bây giờ mọi việc không đúng như mình mong đợi. Anh không tìm được ở em một «*Điểm-Hồng*» mà anh đã tạo dựng thành một nhân-vật hoàn hảo trong mơ. Cũng như em, em không chịu đựng được việc, dù là đã có em, anh vẫn còn say mê nhân-vật giả-tạo mà anh đã phác-họa, tô-điểm, làm cho linh-động trong văn-chương và tư-tưởng của anh.

Nói rõ hơn nữa, là em ghen với người đàn bà trong giấc mơ đó của anh. Vâng, em ghen với người đàn bà vô-hình đó. Em chỉ muốn anh là của em là của riêng em, từ thể-chất lẫn tinh-thần. Em không muốn và không chịu được người yêu của em

đem tình yêu của mình chia năm xẻ bảy cho nhiều người đàn bà khác, cho cả một người đàn bà trong tưởng tượng! Em ích-kỷ và đòi hỏi nhiều quá, phải không anh?

Nhưng em tin rằng trên quả địa cầu này người đàn bà nào cũng đều có ý nghĩ như em. Đều ích-kỷ như nhau về vấn-đề tình yêu. Vấn-đề chồng-vợ! Cho đến cả người đàn bà tưởng-tượng kia cũng thế, anh thấy không?

Chẳng phải em không có ý định kéo níu anh thoát khỏi ảnh-hưởng của người yêu ảo-tưởng của anh — nhưng em thấy rõ là việc làm đó của em không có kết quả. Khó thực-hiện vô cùng. Giải pháp duy nhất của em bây giờ là trả lại tự-do cho anh, để anh tiếp tục là cánh bướm đa-tình, để anh yêu thật nhiều rồi sống cô-đơn với cái bóng một «*Điểm-Hồng*»... huyền-diệu! Chỉ có cách đó thôi, em không còn giải pháp nào hơn nữa — Dù em thừa biết là xa anh em sẽ đau-khổ — nhưng đau-khổ ấy vẫn ít hơn là thấy tận mắt anh đau khổ vì em không phải đúng là người yêu trong ảo-mộng của anh.

Anh! Em đi đây — nhưng không bao giờ em xa anh, linh hồn em mãi mãi gọi về anh. Chân trời góc biển nào, anh cũng vẫn là người yêu duy nhất của em.

Em tha - thiết hy - vọng rằng với những Thanh, Như, Hương, Ánh, Thùy, v.v... và với những người yêu thơ-mộng khác của anh rải-rác khắp bốn phương trời Việt-Nam, anh sẽ tìm thấy một người, ít nhất là một người, thích-hợp hoàn-toàn với hình-ảnh cô «*Điểm-Hồng*», người yêu lý tưởng mà anh luôn luôn ôm-ấp trong giấc mơ.

Em cầu nguyện anh sẽ được toại-nguyện và tràn đầy hạnh-phúc với người đàn-bà huyền-diễm ấy. Để anh không còn cô-đơn và khổ-sở-mãi, mặc dù đã có em.

Anh yêu! Sau cùng, em xin thành thật cảm ơn anh đã cho em được sống hoàn-toàn hạnh-phúc trong 3 tháng ngát hương yêu bên cạnh anh.

Những gì anh tặng em, em xin gọi lại anh tất cả. Em chỉ xin anh cho em mang theo một món : đó là tấm ảnh chụp chung của hai đứa mình.

Hôn anh lần cuối say-mê như lần đầu.

Người yêu anh.
PHƯƠNG-THẢO



Nguyễn ngồi cô-độc, nhai-chấm chấm bức ảnh bán thân của Phương-Thảo còn để trên bàn viết. Hai giọt lệ nóng chảy dài trên má Nguyễn.

Anh thấy Phương-Thảo mỉm cười với anh, nhưng rồi nàng lại khóc nức-nở. Nguyễn móc túi lấy khăn tay lau nước mắt cho nàng, nhưng anh bàng-hoàng đau xót khi chợt nhận ra mình đang lau một bức ảnh được lồng trong khung kính.

Phương-Thảo ngồi đó, trước mặt anh, bất-động, vẫn nét mặt hiền-lành, nụ cười chúm-Chím nửa-miệng, duyên-dáng, hiền từ. Đôi mắt mơ màng quyến-rũ, làn môi hồng thắm như trái nho tươi, sẵn sàng dâng trọn vẹn cho anh.

Anh run run gọi khẽ :

— Thảo !

Phương-Thảo không dạ êm-ái dịu dàng như những hôm nào, bóng nàng vẫn ngồi bất-động trong khung ảnh, nhìn Nguyễn như trách móc, như buồn than.

Nguyễn gục mặt xuống tập giấy-làm bầm :

— Lại một vết-thương nữa trong tim ta !

Và anh cầm cúi viết, viết, viết, những vần thơ nào-nùng.



Như ghen-ngào, hét lên :

— Anh là một con người kỳ lạ nhất, anh hiểu chưa ? Hạnh-phúc đem dâng tận tay anh, anh không nhận. Anh đi tìm kiếm một hạnh-phúc ảo-ảnh, mơ-hồ ! Anh điên mất ư anh Nguyễn ? Anh có còn nhớ rằng «Diễm-Hồng» của anh chỉ là một nhân vật «tiểu-thuyết» do anh tự tạo ra không ?

Trời ! Có thể như thế hay sao ? Anh đã bỏ rơi bao nhiêu người yêu anh say-mê thật sự, để ôm-ấp mãi một người yêu tưởng-tượng. Đến cả em bây giờ, em yêu anh tha-thiết như thế nào.

đam-say như thế nào, anh đã biết chứ ? Thế mà anh vẫn cứ mơ-tưởng đến «Diễm-Hồng», một «Diễm-Hồng» huyền-diệu nhưng vô-hình !

Như gục mặt vào hai lòng bàn tay khóc nức-nở.

Mặt Nguyễn buồn rười-rượi, anh lau nước mắt cho Như, vuốt tóc nàng âu-yếm.

— Anh xin lỗi em, đừng khóc nữa em nhé. Anh hứa chỉ yêu mỗi một mình em thôi. «Diễm-Hồng» là một nhân-vật tưởng-tượng của anh như em biết. Nàng vô hình. Em ghen với nàng làm gì ? Nín đi em, Như của anh ngoan lắm,

Như đã hết khóc, nàng gục đầu vào vai Nguyễn nhắm nghiền mắt lại, lim-dim muốn ngủ. Nguyễn khẽ hôn lên đôi mắt người yêu và để cho nàng ngủ.

Nhưng 10 phút sau thì Như chợt đứng bật dậy. Nàng bình-tĩnh và cương-quyết.

Như đi vô buồng lối trên đầu tủ chiếc va-li nhỏ xuống. Như sắp tất cả những vật-dụng cần thiết của mình vào va-li. Xong

nàng lấy chiếc áo dài đen mặc vào người. Nguyễn vẫn ngồi yên lặng hút thuốc, hết điếu này đến điếu khác.

Như đề hành-lý trước mặt Nguyễn, nàng ngồi xuống chiếc ghế nhỏ :

— Anh Nguyễn, hai đứa mình tuy đã yêu nhau và sống với nhau như vợ chồng, nhưng vẫn chưa có gì ràng buộc. Em thì lúc nào cũng vẫn yêu anh, nhưng em không thể chịu đựng được chuyện anh say-mê một người đàn-bà ảo-tưởng. Đến giờ này thì sự chịu đựng của em đã lên đến tột độ rồi. Sống với nhau trong một hạnh-phúc giả-tạo thì sống làm gì ? Càng yêu anh, em càng thấy đau khổ mà thôi. Rất tiếc em không phải là «Diễm-Hồng» !

Tốt hơn là ta nên xa nhau. Em

không bao giờ dám oán trách gì anh, vì anh đã cho em biết trước chuyện này, anh đã sống trong mộng nhiều hơn trong thực tế. Chỉ lỗi tại em đã xem thường trường-hợp phi-thường ấy. Bây giờ thì em đành chịu, tự biết tình yêu của em không xứng đáng với lý-tưởng «huyền-diệu» của anh.

Như đứng dậy, lại gần Nguyễn và hôn âu-yếm lên mắt, trán, má, và môi Nguyễn. Dư hương nụ hôn còn ướt đọng trên môi. Như đã xách va-li chạy vụt ra ngo như bay như biến. Nguyễn nhìn theo, mắt đọng hai ngấn-lệ !

Lại một vết thương nữa trong tim ta !

Anh lại cầm cúi viết, viết những vần thơ tuyệt-tác nào-nùng.

□



Dũng midol

1360/BYT/ĐDDC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

AI ???

Sẽ lên cung trăng trước

★ VÕ-QUANG-YẾN

(Tiến sĩ Khoa học, Paris)

CUỐI xuân qua hè 1968, tình hình chính trị rối beng khắp thế giới, từ Châu Á (Việt-Nam), Châu Âu (Tiệp-Khắc, Pháp) qua Châu Phi (Biafra), Châu Mỹ (Hoa-kỳ, Mec-xit) cho nên báo chí ít bàn tán đến cuộc chạy đua lên cung trăng giữa Nga và Mỹ mà cách đây một, hai năm người ta thường mong ngóng tin tức và đánh dấu từng điểm thắng lợi của đôi bên. Tuy nhiên, cuộc kháo cứu không gian, đặc biệt chương trình gởi người lên cung trăng, vẫn được đều đều thực hiện, mặc dầu khó khăn ngày càng tăng thêm.

Eo hẹp tài chánh

Trong một số tuần báo khoa học vừa qua (từ Science, rất có tiếng bên Hoa-kỳ và khắp thế

giới), bác sĩ James Van Allen, một trong những người tiên đạo trong ngành kháo cứu không gian, có công trạng tìm ra được vòng đai quan tuyến bao quanh quả đất, đã không ngần ngại tỏ vẻ bi quan : « Hoa-kỳ đang bỏ cuộc chinh phục các hành tinh cho Liên-xô. Qua năm 1970, tất cả những kháo cứu viên của ta đều sẽ đi kiếm làm ở các phòng thí nghiệm tư và sẽ khó lòng triệu tập họ lại nếu cần ». Bác sĩ Van Allen không phải đã bức tức một mình ; phần lớn các nhà bác học Hoa-kỳ kháo cứu trong chương trình không gian, đều đồng ý với ông ta. Duyên cớ rất đơn giản : chỉ trong vài tháng, phần lớn các kế hoạch đều bị hủy bỏ hoặc đình chỉ vô định kỳ. Chỉ những kế hoạch đã thi hành quá

xa mới được tiếp tục. Trước sự đòi hỏi ngày càng lớn ngân sách chiến tranh ở Viễn-đông và sự thiết lập một hệ thống phòng thủ chống hỏa tiễn, nghị viện Hoa-kỳ đã hy sinh hầu hết các chương trình không gian.

Sở NASA (National Aeronautics and Space Administration) năm 1964 gồm có 23.000 nhân viên. Ngày nay thực ngạch ấy chỉ còn có 15.800 mà cuộc thải hồi vẫn tiếp tục lanh chóng. Riêng trong kế hoạch JPL (Jet Propulsion Laboratory) ở Pasadena, 550 chuyên gia đã được mời đi làm chỗ khác. Năm 1966, 421.000 người đã cộng tác trong kỹ nghệ không gian với các chương trình dân sự ; năm 1967 số ấy rơi xuống 325.000 và đến cuối năm nay, người ta phỏng chỉ còn độ 260.000.

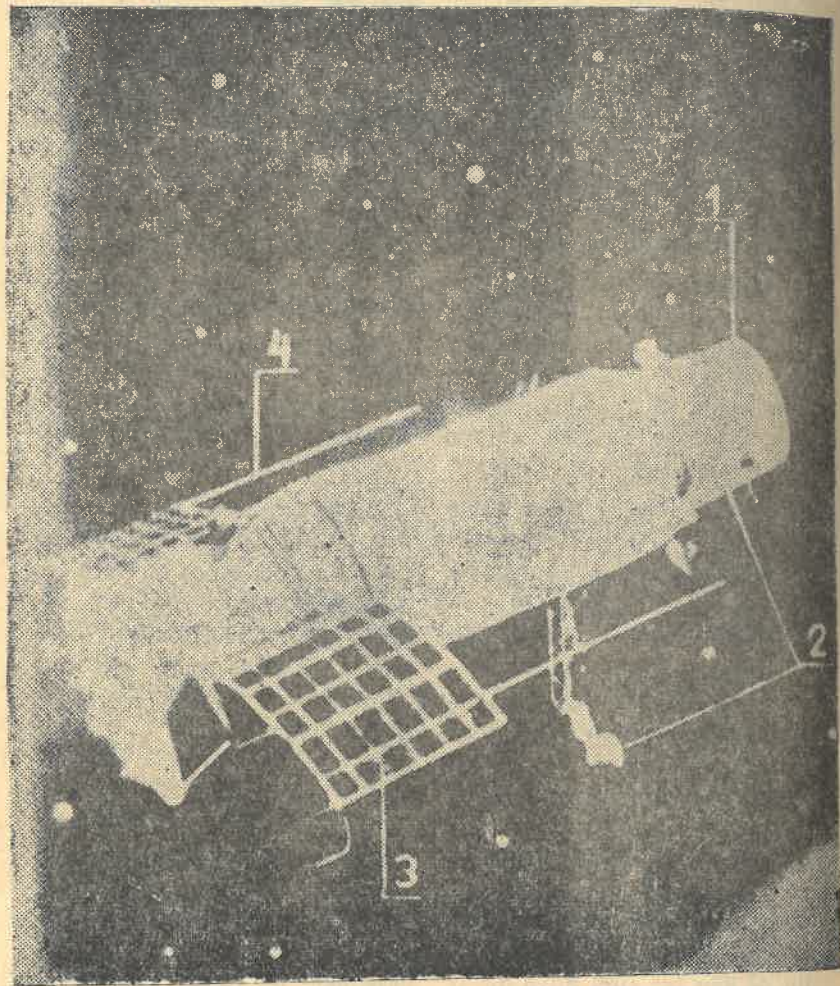
Ngũ-giác-dài đòi 10 tỷ đô-la cho năm 1968 ; nghị viện chỉ cho có 2 tỷ. Với số tiền này, may ra chỉ tiếp tục được kế hoạch MOL (Manned Orbiting Laboratory) nhằm đặt lên quỹ đạo một đài thông tin chiến lược mà Tổng thống Johnson đã cho là tối khẩn. Còn những kế hoạch khác như những vệ tinh thông tin đề liên lạc giữa quân đội ở

Việt-nam (Tacsatcom), những vệ tinh hàng hải để hướng dẫn những tiềm thủy đình phóng hỏa tiễn, đều bị gát lại một bên.

Lẽ tất nhiên chương trình kháo cứu dân sự còn bị cắt xén hơn nữa. Sở NASA dự liệu khó khăn, chỉ đề cập một ngân sách 5 tỷ đô-la ; nghị viện cho 4,5 tỷ. Nhưng riêng kế hoạch Apollo nhằm đưa hai phi hành gia Mỹ lên cung trăng năm 1970 (trọng kế hoạch 23 tỷ đô-la) năm nay cũng đã nuốt hết 2,4 tỷ rồi. Hiệu quả tức thì : kế hoạch kháo cứu bộ máy hạch nhân Nerva năm nay rồi chẳng tiến bộ được chút nào.

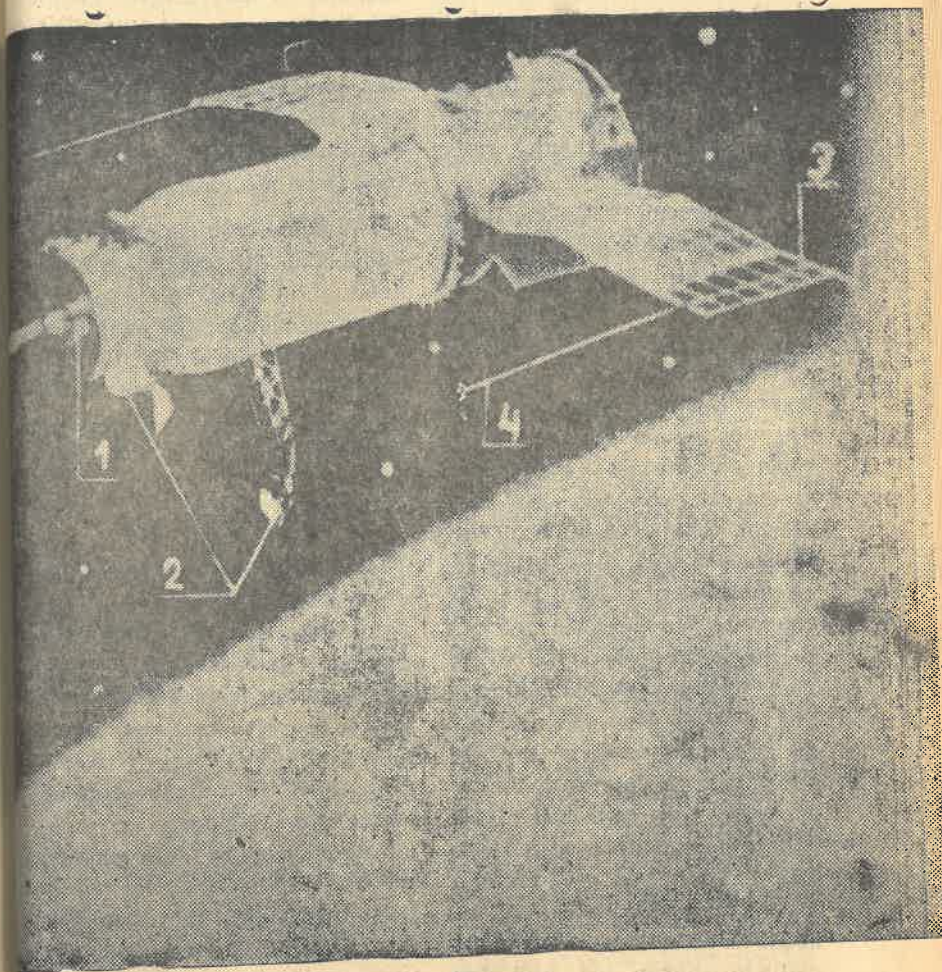
Vì vậy, chương trình thám hiểm các hành tinh bị bỏ rơi. Chỉ có hai chiếc vệ tinh Mariner đến nay đã tỏ ra đắc lực, sẽ được phóng lên Hỏa-tinh năm 1969. Kế hoạch Voyager dự định đặt nhẹ một vệ tinh lên Hỏa-tinh bị triển kỳ. Đề bắt đầu cuộc học hỏi cần phải 72 triệu đô-la ; nghị viện chỉ cho có 36 triệu. Bây giờ đây, ngay một phòng thí nghiệm với phi hành gia cũng chẳng đặt lên được quỹ đạo. Bác sĩ William Pickering, giám đốc kế hoạch JPL ở Pasadena, đã không khỏi than

Cuộc gặp gỡ giữa 2 phi thuyền



1) Hệ-thống tiếp xúc tự động — 2) An-ten điều-khiển hệ-

Cosmos 186 và Cosmos 188



thống ấu — 3) Pin điện mặt trời — 3) An-ten vô-tuyến-điện

phiên sợ bị Liên-xô bỏ xa. Thật vậy, Nga đã bỏ ra 200 triệu đô-la để đóng chiếc Venus-4 thành công hạ nhẹ xuống đất Thủy-tinh, còn bên phía Mỹ thì các chuyên gia chỉ nhận được có 37 triệu để hoàn thành chiếc Mariner-5.

Nhờ lại năm 1963, Tổng thống Johnson, lúc bấy giờ còn là phó, đã tuyên bố: «Trong nhiều thế kỷ, cuộc chinh phục không gian sẽ là phương tiện hiệu nghiệm nhất để hoàn hảo kiến thức con người. Lịch sử Hoa-kỳ đã từng ghi một loại sai lầm trong cách phân giải những khả năng tương lai của sáng chế này hay sáng chế nọ. Phải chăng Woodrow Wilson đã mất nhiều thì giờ để chê bai xe hơi? Chúng ta chẳng cần những cơ hội nhắc nhở một bài học mà chúng ta đã thuộc lòng». Và ông cũng không quên nhắc tiếp sai lầm của Hoa-kỳ đã không biết lợi dụng tức thì dùng ngay Werhner von Braun cùng 120 chuyên gia Đức bị bắt ở Peenemunde để cho tiếp tục khảo cứu hỏa tiễn, vệ tinh. Sau đó, từ năm 1945, mặc dầu kế hoạch Rand ra đời, nhằm đặt một phi thuyền lên quỹ đạo quanh quả đất, Hoa-kỳ vẫn chần

chừ cho đến năm 1957, chiếc Sputnik — 1 của Liên-xô khánh thành kỷ nguyên không gian, làm đau khổ biết bao các nhà bác học Mỹ. Chính với kỷ niệm chưa xót này mà các chuyên gia Hoa-kỳ đang chạy vạy để xin tăng thêm ngân sách.

Tuy nhiên, nếu cuộc khảo cứu không gian Mỹ đang lâm vào khoảng khó khăn, như tưởng các hạn đặng nghiệp Nga cũng than phiền thiếu tiền vì liệu Liên-xô có đủ sức chịu đựng nổi nhiều năm một sự cố gắng phi thường về tài chánh như đã làm đến nay?

Kỹ thuật tế nhị.

Mặc dầu cũng phải hủy bỏ nhiều kế hoạch không gian, các chuyên gia Nga vừa mới đạt được một giai đoạn quan trọng trong chương trình du hành ra vũ trụ: gặp gỡ tự động giữa hai phi thuyền Cosmos 186 và Cosmos 188. Với cuộc thành công này, người ta đã đoán ngay con đường mà các phi hành gia Nga sau này sẽ theo để lên cung trăng: từ quả đất, họ sẽ lên một nóc bằng đặt quanh quả đất rồi từ đấy mới tiến lên cung Quảng.

Ý kiến dựng một nóc bằng để

làm trạm trung gian giữa quả đất và vũ trụ không phải mới có. Từ năm 1923, nhà tiên khu người Lô-ma-ni Hermann Oberth (sau này cộng tác với von Braun làm V2 rồi qua Mỹ tiếp tục) đã từng miêu tả những trạm không gian kiểu này. Sau đấy, nhiều tác giả khác bồi bổ thêm thất và các chuyên gia Nga quyết định thực hiện nóc bằng không gian. Phương pháp này không giống với giải pháp «đường thẳng» của Mỹ để lên cung trăng: lên, về một mạch không có kỳ cặng không gian. Muốn thực hiện kế hoạch này, các chuyên gia Mỹ phải thành công chế đóng một hỏa tiễn 5.000 tấn (nghĩa là nặng gấp bốn một chiếc tàu lửa), cao 110 thước, có khả năng đưa lên cung trăng một phi thuyền 130 tấn trong ấy có chiếc cap-suyn Apollo. Giải pháp này gặp rất nhiều khó khăn khổng lồ: không một bộ phận nào trong số hàng triệu của chiếc tàu có quyền được hư hỏng; số lượng nhiên liệu dành cho các phi hành gia để trở về quả đất rất bị giới hạn; mỗi một cuộc tiêu thụ bất ngờ nhiên liệu ấy có thể gây ra đại nạn từ đấy ngăn trở chuyến bay về...

Nhờ nóc bằng không gian, phi thuyền có thể là rất lớn (độ 500 tấn) và bộ phận rời tách dễ đổ xuống cung trăng thế nào cũng lớn hơn chiếc LEM (Landing Exploratory Module) của Mỹ. Nếu lớn hơn thì tất nhiên đem theo được nhiều hơn, nào là nhiên liệu, dưỡng khí, nào là vật liệu điện tử, và nhất là rất nhiều dụng cụ đo lường, dò thám. Sau đấy, cap-suyn thậm hiem có thể trở về lại phi thuyền vẫn luôn chạy quanh cung trăng để cùng về lại nóc bằng đặt quanh quả đất.

Các chuyên gia Nga từ ngay lúc ban đầu đã nhắm theo một con đường. Ta dễ ý thấy mọi vệ tinh khoa học mẫu Cosmos đều có một kiến trúc chung, chỉ thí nghiệm và thuyền cụ thay đổi theo mục đích. Tất cả những cap-suyn phóng lên cung trăng hay các hành tinh khác đều được xây dựng quanh một bộ phận chung. Những Venus-3, Venus-4 và các Luna đều thật là giống. Tinh chất đồng nhất về mặt vật liệu h n vào những chế biến tài tình bên phải kỹ thuật đã giúp các chuyên gia Nga tiết kiệm được rất nhiều phi tiền. Để so sánh ta thấy lúc Mỹ thực

hiện 8 vệ tinh hoàn toàn khác nhau, Nga chế tạo được 8 phi thuyền, cùng mẫu với thuyền cũ khác nhau.

Về mặt hỏa tiễn đề phóng phi thuyền, Nga cũng luôn theo một lý luận khoa học : ở cuộc triển lãm ở Bourget, Nga đã trình bày những mẫu Vostok và cho biết phần lớn các hỏa tiễn đều do một bộ máy dựng : RD107, có điều số máy và cách sắp đặt thay đổi tùy theo vệ tinh sẽ phóng lên. Bên Mỹ, người ta đếm có gần ba chục máy khác nhau để vận dụng hỏa tiễn. Vostok chẳng qua chỉ là một phối hợp của máy RD107 và tất cả các chuyên gia đều đồng ý những hỏa tiễn hiệu năng khác nhau đã được các kỹ sư Nga thực hiện quanh một mẫu độc

nhất. Tiết kiệm biết bao thời giờ và tiền bạc !

Nếu Liên-xô thành công trong kế hoạch này, các phi hành gia Nga sẽ lên cung trăng và về lại quả đất với nhiều an ninh hơn các bạn đồng nghiệp Mỹ. Nhưng ai dám cam đoan Nga sẽ lên cung trăng được trước Mỹ? Trước đây, Mỹ đã từng thành công trước Nga trong một cuộc gặp gỡ hai phi thuyền, lúc mà ai cũng cho là kỹ thuật Nga đã rõ ràng lần bước kỹ thuật Mỹ. Thật ra, trong một cuộc chạy đua nào cũng có người được cho trước là sẽ ăn cuộc, nhưng phải chờ chạy xong mới biết chắc được ai thắng.

VÕ-QUANG-YẾN

(Tài-liệu : M.Gilbert và J.Pietrasik)



Dùng midol

1360/BYT/50DC

Trị các chứng đau nhức
● và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Một năm sau

Lòng anh thắt mấy đoạn sầu
Yêu em từ thuở gặp nhau buổi đầu
Thế rồi cách một năm sau
Vận đời ngang trái = anh vào cửa không
Khoát lên lớp áo nâu sòng
Mà lòng thồn thức = đoạn trường lắm em
Tình nay ngát mấy thiếu-quyên
Vẫn không phai nhạt lời nguyện năm xưa.
Lạnh lùng nghe gió thoảng đưa
Nghe u uất lệ = tình xưa lở làng



Còn chi ! thôi những còn chi !
Đời hai cuộc sống = phân ly mất rồi
Cúi đầu xin tạ từ thôi
Nửa vòng hoa tím tặng người mến thương



Cửa thuyền tuy lắm hoang liêu
Nhưng lòng anh vẫn còn yêu em nhiều.

THẾ-LAN

(Thiền Am nơi Thành-Đô)

DIỆT THƯƠNG TRỊ HẠ của THƯƠNG - ỬƠNG

★ LINH-GIANG

★ Thương-Ửơng tuy bị diệt-thân vì cái chánh-sách tàn-bạo, độc-tài, nhưng cái chính-thuật của ông rất độc đáo

BÀN cái chính thuật của Thương-Ửơng thời Đông-Chu hôm nay, chắc nhiều người sẽ chê-dè là chúng tôi đã bàn một việc không đâu, cũng nên! Người ta sẽ nói rằng: Thương-Ửơng là một người bất-thức, chẳng biết nhìn xa đề-tiên-liệu cho mình một cái thể an-toàn, lại đề cho đến nỗi phải bị diệt thân. Thương-Ửơng đã áp dụng một chính-sách độc-tài, phi dân làm mất lòng người để phải bị giết vì cái chính-sách của Ửơng đã đưa ra, tại giữa chợ Hàm-Dương 1 cách thê-thảm, thi với các tư-thế của một chánh-

sách như vậy, mà hôm nay còn bàn-luận đến nữa, chẳng là điều vô bổ và điên-rồ lắm ư?

Không hẳn như vậy đâu! Người ta chỉ chê-hai cá nhân Thương-Ửơng là một kẻ bất-trí-thức, bất-tiên-liệu, không cấ-tạo lại một chính-lệnh cho phù-hợp với giai-đoạn chính-trị, cho nên Ửơng mới bị giết. Chứ thật-ra, không ai chê chánh sách cai-trị của Ửơng cả. Đáng lý, Ửơng nên dùng chánh-sách cai-trị giai đoạn kh tạo xong các thể đứng vững mạnh cho nhà Tần, Ửơng nên thay-đổi lại chính lệnh mới, để cho dân tình bớt

khô, bớt nghiệt-ngã. Nhưng ở đây, Thương-Ửơng đã không tri thức, vì lão đã quá tự-mãn cho cái sự thành-công của mình mà quên hết hậu-quả tai-hại ở tương lai một khi lòng dân căm thù vậy. Cái dở và cái bất trí của Ửơng là ở chỗ đó, chứ không phải cái chánh-sách của Ửơng dở.

Nếu chánh sách của Ửơng dở thì làm sao Ửơng có thể tạo nên Bá nghiệp cho Tần và dựng một nước Tần giàu mạnh? Ta phải hiểu như vậy! Đừng vì cái sự diệt thân của Ửơng, mà chê chánh sách Ửơng là dở.

Ở đây, chúng tôi cũng không phải tán dương gì cái chánh sách độc tài, khắc nghiệt của Ửơng cả, mà chỉ bàn đến một chính thuật lợi hại của Ửơng là cái thuật «Diệt Thương trị Hạ». Thương-Ửơng đã thành công trong cái chánh sách cai trị thời loạn, nước yếu, nhưng ông ta lại thất bại trong chánh sách cai trị thời bình. Chỉ tiếc một điều là Ửơng đã không tiên liệu nhìn xa trước sự việc, đề cấ tạo lại một thể cơ sắp vở nên mới bị diệt thân. Chánh sách cai trị thời loạn, lúc nước

yếu, khắc hẳn với chánh sách cai trị thời bình lúc nước mạnh

Trong thời loạn và lúc thế nước yếu, ta có thể dùng mọi chính thuật khe khắc trên mọi phương diện, để đưa nước đến chỗ mạnh, chỗ bình và thành công bất cứ giá nào, như trường hợp Thương-Ửơng đã tạo được Bá nghiệp cho Tần.

Nhưng đến lúc thời bình nước mạnh, ta phải thay-đổi lại chính lệnh, nếu không muốn diệt thân như Thương-Ửơng và nếu không muốn nước trở lại loạn như trước, bởi lòng dân không thể nào chịu đựng nổi cái ách hà-khắc của chánh-sách, họ phải nổi dậy. Ta phải tri có ở chỗ đó. Phải biết hòa-hợp 1 chánh sách nhu-mãnh tương tế trong việc trị dân trị nước. Không thể dùng cái «sách nhu» hoàn toàn, mà cũng không thể dùng cái «sách mãnh» tất cả. Bởi vì dùng cái sách nhu, thì dân khinh nhờn nước trở nên yếu còn cái sách mãnh, thì dân lại tàn, do đó cả hai chánh-sách đều không hợp. Phải dừng hòa thành cái sách nhu-mãnh tương tế để làm nước mạnh, dân giàu. Thương-Ửơng vì đã không dùng được chánh sách này, nên mới

bị thiệt thân vậy. Một nhà cai trị hay, hoặc dở là ở chỗ đó.

Trong cái chánh-sách của Thương Ưởng có vài chính thuật nổi bật là thuật diệt thương trị hạ, nhờ đó mà Ưởng mới thành-công trong việc thi hành chính-lệnh đưa Tần đến Bá nghiệp.

Thuật Diệt thương trị hạ hay dở thế nào ?

Thương Ưởng sau khi được Tần Hiếu-công hoàn-toàn tín-nhiệm, Ưởng được phong chức tể-thứ-trưởng như chức thủ tướng ngày nay. Nắm hết quyền thi-hành chính-lệnh của nhà Tần. Ưởng liền đưa ra một tân-lệnh cho quốc dân nhà Tần theo.

Dân chúng hoang-mang và nghị luận không ngớt người chê khen tuân-lệnh khắp vùng. Ưởng chẳng cần gì cả, liền thi hành quyền lực bằng cách bắt hết đám dân nghị-luận xôn-xao vào phủ và khiển trách rằng: «Chúng bây là dân, nhà nước đưa lệnh ra là phải tuân hành, chứ không thể bàn dỡ, khen hay gì cả. Kể nào nói bất tiện, dỡ là kẻ ấy nghịch lệnh. Còn kẻ nào nói tiện hay, đều là kẻ mị lệnh không phải là lương dân». Nói xong, Ưởng truyền quân biên tên họ

tất cả đám dân ấy đưa đi lính thú ngoài biên địa. Các quan Đại-phu là Tam-Long, Đỗ Chí cũng bị cách chức phát vân về làm dân, vì có tội tự nghị tân Pháp. Từ ấy ai đi ngoài đường cũng đều lấy mắt ngó nhau! chứ không dám nói chuyện, hoặc bàn luận gì cả. Ưởng đã gieo-rắc sự sợ hãi cho nhân-dân như kiểu Cộng-Săn một thứ, dân chúng không ai dám phản đối chính quyền cả. Ưởng cho đại phát quân-lính xây thành Hàm Dương và lựa ngày thiên đô. Thế-Tử Từ rất phật lòng, chê-bài tân lệnh là không tốt không hay. Vê Ưởng tức giận nói: «Phép không làm được là tại bề trên không nghiêm, nay Thế-Tử nghị tân lệnh là dỡ, Thế-Tử là con của Chúa-Công không thể gia linh trị tội, phải trị tội gián tiếp những người đã không dạy được Thế-Tử? Nói xong, Ưởng thưa với Hiếu-Công trị tội Sư Phó của Thế-Tử là 2 quan Thái-Phó Công Tử Kiên và quan thái-sur Công-Tân Cổ một người bị cắt mũi và còn người kia thì bị thích chàm lên mặt trăm họ nghe thấy đều xanh mặt sợ-hãi nghĩ rằng: Thế-Tử vì lệnh còn bắt tội tới Sư Phó, huống chi là ai khác! Lòng dân từ đó mới

định và mọi người đều cúi đầu vâng mệnh theo tân-lệnh.

Thương Ưởng đã dùng chánh-sách độc tài bắt dân phải nghe theo bất khả cần tư-nghị để đưa tân lệnh ra thi hành. Thế-Tử cũng bị gia tội vì đã tự nghị tân lệnh, đó là Ưởng đã dùng cái thuật «Diệt Thương Trị Hạ», để định lòng dân. Dân sợ bị tội hình, vì thấy Thế-tử còn bị gián tiếp gia hình qua các Sư, Phó, thì huống chi họ là người dân quen khổ rách, áo ôm. Cái thuật này cũng giống như cái thuật «trăm Tướng» của Tôn-Vô-Tử trong lúc ông huấn luyện nữ quân (Tôn - Vô-Tử trong lúc luyện đội nữ quân, trong số này có 2 ái thiếp của vua Ngô khinh lớn Tướng-lệnh, nên ông đã ra lệnh chém đầu, để trị ba quân. Quả nhiên lòng quân định ngay, không ai dám vi lệnh).

Ta đã thấy rõ rằng: Nếu trường hợp Ưởng không gia hình gián tiếp Thế-Tử qua 2 vị Sư Phó, thì làm sao Ưởng có thể thi hành tân lệnh cho nghiêm minh đưa sự thành công lại cho nhà Tần. Nếu trường hợp Ưởng không dám gia hình các quan Đại Phu Tam Long, Đỗ Chí, và 2 Sư Phó của Thế-Tử, thế tất

dân chúng sẽ không sợ. mà theo Tân lệnh được. Đó cũng là cái sách «Sát nhất nhân, vạn nhân cự». Ngay ở đây, CS cũng đã dùng cái sách này, đã giết 1 người có công lớn với kháng chiến để đổ tội cho người ấy là đã chủ trương sát máu trong cái phong trào đấu tố năm 1954,55. Sách này hóa thành cái sách «Sát nhất nhân, vạn nhân định» giết 1 người để vạn lòng dân được định.

Và cũng chính tại Saigon, cách đây 2 trào chánh-phủ, người nhà nước cũng đã có lần dùng cái thuật «Diệt Thương trị hạ» hay cái sách «Sát nhất nhân, vạn nhân cự» qua việc xây pháp trường cát xử bắn gian thương. Nhưng rất tiếc là chỉ bắn có mỗi một tên một, rồi êm ru luôn! Điều này lại hóa ra bất lợi chẳng nhỏ! Gian thương càng lộ: nhà nước chỉ có là n cho tắc trách lấy lệ, chứ không thực tâm muốn tiêu diệt gian thương. Bọn chúng chẳng hề sợ, mà còn đua nhau làm gian thương hơn nữa. Gian thương ở Saigon này hàng vạn tên, bắn có 1 tên, thì chẳng khác nào đi chặt 1 gốc cây trong 1

rừng cây, thì có nghĩa lý gì. Ngay ở điều đó ! Đã áp dụng 1 chánh sách, thì phải thi hành cho đến cùng và làm cho tận lực mới có hiệu quả mong muốn. còn trái lại là cái họa. Phải chỉ lúc đó, nhà nước thử chắc thêm vài chục cái đầu đại cá mập gian thương — chắc thực sự — thì ắc bọn gian thương cất ké, hoặc trung trung khác bị mất hồn, mà chưa thói gian hết rồi. **Thử dùng thuật « Diệt thương trị hạ » với bọn tham nhũng xem**

Chánh phủ Hương trong lúc nhận quyền hành cũng đã tuyên bố dành trọng tâm trong việc chống tham nhũng. Tại sao, trong lúc này. T.T. Hương không dùng ngay cái sách Bá-đạo này để ổn định cho tình hình xã-hội bớt đi cái nạn tham nhũng? Tuy cái sách có ác, nhưng 1 khi vì quốc gia, vì xã hội, nhân dân ta cũng phải bỏ những tiểu tiết để cứu lấy mọi người. Ta không thể vì cái thiện nhỏ mà bỏ mất cái thiện lớn của nhân dân, không dùng biện pháp mạnh đối với tham nhũng được. Giết 1 người, hay hàng chục người để cứu hàng vạn người 1 hoặc hàng triệu người, điểm nào lợi hơn? Đó cũng là 1 cái sách «Sát nhất mưu cứu vạn thử» vậy,

dùng Bá-đạo trong cái thuật « Diệt thương trị hạ » để ổn định cho tình trạng xã hội hiện nay. tưởng không có điều nào lợi hại bằng. Bọn tham nhũng càng lúc càng lộng hành cướp cơm chim của nạn nhân CS một cách vô lương, thật là một chuyện khốn nạn. Hãy thử làm như Thương-Ưng gia hình Sư Phó của Thế-Tử Tần và trị tội mấy quan Đại-phu trong cái sách « Diệt Thương trị hạ » xem có trị được nạn tham nhũng không. Cần đánh giá tham nhũng qua 20, 30 chiếc đầu của bọn tham nhũng gộc, nhiên hậu mới ổn định được tình trạng bị đất của xã hội hiện nay. Không biết chánh-phủ Hương có thể làm được chăng?

Hay là bọn tham nhũng gộc vì có góc dựa bự, nên không ai có thể làm gì hơn được chăng? Vấn đề còn chờ thời gian mới biết ! Nhưng nếu chánh phủ Hương có đủ bản lĩnh và đủ « công lực » mà thực hành cái sách « Diệt Thương trị hạ » qua việc chặt vài ba chục cái đầu bọn tham nhũng gộc, thì ắc dân chúng và xã hội sẽ được thanh thoi và vững chải vậy.

LINH-GIANG

HỒ - XUÂN - HƯƠNG

*Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho*
□ NGUYỄN-VỸ

(Xem P.T. từ số 202)

**VI— Không dâm - dục,
không lẳng-lơ, không tục-tĩu :
đặc-tính của thiên-tài HỒ-XUÂN-HƯƠNG**

(Tiếp theo P.T. số 211)

Thí dụ : bài thơ CÁI QUẠT

I

*Một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa,
Duyên em dính-dáng tự ngày xưa.
Phanh ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mắt mắt anh-hùng khi tắt gió,
Che đầu quân-tử lúc sa mưa.
Nâng-niu ướp hổi người trong trường
Phì-phạch trong lòng đã chán chưa ?*

II

Mười bảy hay là mười tám đây ?
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay.
Mỏng dày chừng ấy chành ba góc,
Rộng hẹp đường nào cấm một cây.
Thấy nóng bao nhiêu càng thấy mát
Yêu đêm chưa phải lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vì cạy,
Chứa dấu vua yêu một cái này.

TRƯỚC hết, người ta phải thần phục trí tưởng tượng sâu sắc và tế nhị của Hồ-xuân-Hương mô tả một cái quạt, với một sức ám thị mãnh liệt đến nỗi toát được đồng thời một ảnh tượng thực tế thứ hai hoàn toàn bất ngờ.

Phải có một thiên tài siêu việt mới sáng tạo được một hình thức khiêu gợi linh động như thế. Và khi nhận thấy rằng khả năng suy biến lưỡng thể của thi tứ Hồ-xuân-Hương tiến triển tích cực thiện mỹ và vô cùng phong phú trong tất cả văn thơ của cô, người ta không thể không kinh ngạc trước một trí óc vĩ đại kỳ diệu vô song trên thế giới.

Với một cái quạt bằng nan tre bởi giấy thô sơ, hừ thi hào Xuân Hương đã làm hai bài thơ ảo thuật, biến một vật rất giản dị, khô khan, tầm thường trong tay mọi người, thành một ảnh tượng đầy quyến rũ và thú vị.

**Quyển rũ hoàn toàn trên
bình diện thuần túy trí
thức, thanh thoát, đầy
ý nhị**

Không có một chữ, một câu nào là *tục tũu*, là *lãng lơ*, *dâm dục*, không kêu gọi cho người đọc và người nghe một cảnh tượng nào xấu xa, bỉ ổi, hay ghê tởm.

Trái lại người đọc cảm thông thích thú với nét thẩm mỹ kín đáo linh động, **nằm lỏa lồ**

khép nép trong ý thơ.

Hồ-xuân-Hương không phô bày trơ trên một thèm muốn nhục dục, không hề đá đụng cả đến ái tình. Nhưng cô dùng ngọn bút tài hoa phác họa một sáng tạo biến chế, từ một thực thể vật chất thành ra một thực thể ảo tượng, từ một vật vô tri vô giác thành một hình ảnh linh động của thẩm mỹ thiên nhiên.

Tôi mong bạn đọc lưu ý đến điểm đó. Chúng ta khám phá thiên tài của Hồ xuân Hương qua trí giác tế nhị thâm trầm. Đọc Hồ xuân Hương với khía cạnh tầm thường sơ đẳng của nhục giác, tức là không hiểu Hồ Xuân Hương.

Cũng như những kẻ nhìn một Venus của Praxitèle hay một lỏa thể của Velasquez, mà chê cười là tục tũu, là khiêu dâm, là lãng lơ, thì chỉ chúng tỏ một trí óc ấu trĩ nghèo nàn nghệ thuật.

Tim hiểu Hồ xuân Hương trên hai phương diện : Nghệ thuật và tư tưởng, người ta thường dễ bị hấp dẫn bởi những tiếng hai nghĩa trong thơ cổ,

hoặc những liếng lóng, hoặc những tiếng nói lái.

Chẳng hạn trong bài «Cái quạt» những chữ: *sâu sâu (xâu xâu) dính dăng, phành ra, khép lại, che đầu quân-tử, sa mưa, phi phạch, trong lòng, chán chưa* (nói lái : *chưa chán*), v.v...

Nghệ-thuật hành-văn của Nữ-Thi-Hào hai mươi tuổi ở Thăng Long, nói rằng táo-bạo thì quả thật là táo-bạo, nhất là ở thế-kỷ Đường-thi cổ-kính và Khổng-giáo khắt-khe. Nhưng bảo rằng *lãng-lơ, tục-tũu*, thì thật là không hiểu gì về thiên-chất kỳ-tài của ngôn-ngữ Việt-Nam.

Suốt qua Văn-học-Sử nước ta từ khởi thủy, Hồ-xuân-Hương là nhà thơ đầu tiên đã khai thác triệt-đề tất cả dồi-dào của tiếng nói quê-hương. Cô đã tận-dụng đúng mức những nét tinh-vi độc-đáo của Việt-ngữ, với một ý-thức trào-lộng vô cùng sắc-bén, uyên thâm.

Chỉ một đặc điểm đó cũng đã đặt Hồ-xuân-Hương trên một cao tầng của Văn-học-Sử. *Không dâm, không tục, không lãng, thiên-tài của tác-giả* những bài thơ *Cái quạt*,

Đánh đu, dệt cửi. tát nước, đèo Ba-dội, nổi bật lên trên bình-diện trào-lộng, một trào-lộng trí-thức vừa mĩa mai chua-chát, vừa quyến-rũ thanh-tao,

Bởi không tục, không dâm, cho nên giả sử đưa thơ Hồ xuân-Hương cho một cô gái dốt nát, hoặc một cô gái điểm lằng-lơ vô-học-thức, cô ả đọc sẽ không hiểu gì, và không biết thưởng thức ý thơ, như họ nghiền-ngẫm dễ-dàng các loại văn thơ khiêu dâm, tục tĩu. Vì rằng phải có một trình độ trí-thức nào đó mới đi vào trong tư-tưởng của Hồ-xuân-Hương, và phải tế-nhị hơn nữa mới đến tận cùng tâm-đề suy-tư của cô.

Trào-lộng của Hồ-xuân-Hương, như tôi đã nói, tiết lộ ra với ý-thức mĩa-mai cái giống đàn-ông, — giống người cứ coi rē phái nữ, nhưng bị cô hạ bệ xuống một công-thức phàm phu, đề-nâng cao phẩm-giá kiêu-hãnh của đàn-là.

Đó là một tác-phong ghê-gớm, — nhưng vẫn vô cùng khả-ái, — mà chúng ta không hề thấy trong bất cứ một áng văn-chương nào trên thế-giới,

Giảng-giải và phân-tách rành-mạch bài thơ «*cái quạt*» điển-hình, chúng ta thấy rõ thâm-ý kiêu-kỳ của cô nữ thi-sĩ duyên-dáng họ Hồ.

Một lỗ sâu-sâu mấy cũng vừa,
Duyên em dính-dáng tự ngày xưa

Tả cái quạt, cô Xuân-Hương có dụng-ý tài-tình chỉ ngay vào *cái lỗ* trước nhất. *Một lỗ* mà *xâu-xâu* mấy cái nan cũng *vừa*.

Dưới nhãn-quan của cô, cái quạt không phải là lớp giấy mỏng bồi lên mấy nan tre xòe ra kia đâu. Đó là ngoại-cảnh, không mấy quan-trọng. Chỉ có cái lỗ *một lỗ sâu sâu*, (lỗi chơi chữ của cô : *sâu sâu* gần đồng-âm với chữ *xâu-xâu*). Chỉ một cái lỗ ấy là đáng đề ý đến mà thôi. Cái lỗ *sâu-sâu* (hay *xâu xâu* mấy cũng *vừa*) là nguyên-thủy tạo-tác ra cái quạt,

Với lỗ đó, mấy que tre *xâu-xâu* vô cũng *vừa*, dính vào nhau thành cái quạt duyên-dáng. Và chính vì lỗ đó mà *duyên em dính-dáng* với duyên anh tự ngày xưa ngày xưa... Tự thời

khai thiên lập địa đã có đàn-ông và đàn-bà giao duyên với nhau do nơi cái lỗ này đây. Đó là ý-nghĩa thiên-nhiên của thượng-đế.

Tuy rằng :

Phành ra ba góc da còn thiếu,
Khép lại hai bên thịt vẫn thừa,

(Xin lỗi anh, hình-thức của cái quạt là như thế đấy : hở phành ra ba góc, phía trên có da, mà phía dưới trống rỗng, khép nó lại hai bên thì lại có hai thớ thịt dư), nhưng :

Mát mặt anh-hùng khi tắt gió

và :

Che đầu quân-tử lúc sa mưa.

(Anh thấy không ? Tuy rằng hình-thức của nó chỗ trời chỗ lũng, nơi thừa thịt nơi thiếu da, nhưng khi tắt gió nó lại quạt

cho mát mặt anh ! Dù là dăng anh-hùng chẳng nữa, khi gió lặn về đêm nhờ nó mà anh được mát mảy mát mặt. Có nó, mặt anh tươi lên rười-rượi, khoái biết bao nhiêu ! Hơn thế nữa, lúc sa mưa, cái quạt che được cả đầu người quân-tử. Anh là hiền-nhân, quân-tử, đạo-mạo ở đâu kia, chứ trời đổ mưa xuống xem có ướt đầu anh không ? Lúc bấy giờ... nó che được... đầu anh. Anh hiền em nói gì chứ ? Khi mưa sa, (như những lúc *đầm-đìa lá liễu hạt sương gieo*) chảy ướt đầm cả, dù anh là anh hùng, hay hiền nhân quân-tử. cái... đầu anh cũng dính ướt. Chính lúc mây mưa đó, nó che giấu... đầu quân-tử, ôm ấp... đầu quân-tử, tuy nó *phành ra ba góc da còn thiếu*, nhưng *khép lại hai bên thịt vẫn thừa* !)

○



*Uỷ các chứng đau nhức
và cảm cúm*

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BXT/BPOC

**Nâng - niu ướm hỏi
người trong trướng,
Phi-phạch trong lòng đã
chán chưa ?**

(Anh nằm ôm cái quạt trong
màn, cái quạt nâng-niu anh, và
ướm hỏi anh : phi-phạch
trong..., lòng, anh đã chán-
chưa ?)

Câu hỏi mĩa mai vậy ôi !
Người anh hùng, kẻ quân-tử,
khi đã *chứa-chan* thỏa-mãn,
nhờ cái quạt được mát mặt mát
mày, thì lại chán nó rồi. Cái
quạt biết thân-phận mình bị
khinh-khi như vậy, nên mới đặt
câu hỏi chua-chát, đó cũng là
câu hỏi trào-lộng của người đàn-
bà về phẩm-giá và địa-vị của
mình trong tập-tục xã-hội.

Đừng tưởng đấy là một chấp-
nhận thụ-động, mà trái lại, là

một phản-ứng ngạo-mạn, một
châm-biếm sâu sắc của người
phái Đẹp. Vì hai câu thơ trên :

*Mát mặt anh hùng khi tắt
gió,*

Che đầu quân-tử lúc sa mưa,

đã rõ ràng, theo nghĩa bóng,
ám-chỉ một liên-hệ nam-nữ
trong đó người Nữ ban-bổ gần
như một ân-huệ cho người
Nam thụ-hưởng.

Hồ-xuân-Hương luôn luôn,
trong hầu hết những bài thơ của
cô, nhấn mạnh trên đặc-điểm
vừa thực-tế vừa tâm-lý đó, để
chứng minh vai-trò chủ-động,
có thể nói là nhân-đức, đáng lẽ
phải được người đàn ông tôn
kính và tri-ân.

(Còn nữa)



Dùng

midol

1360/BYT/ĐDĐC

*Để các chứng đau nhức
và cảm cúm.*

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tôi nhắm mắt đi giữa dòng tội lỗi
Ôm điều tàn bi thảm đến nguy nga
Người có mơ đôi bàn tay tiên nữ
Nhưng trần gian đầy thô bạo kiêu xa

Tôi có thân nhân bên vùng hỏa tuyến
Trời bốn phương không nghiêng trút hòa bình
Mảnh đất khô cằn đường gân nhão nhuyễn
Quê hương này năm tháng nhuộm điều linh

Hãy lặng im chúng ta cùng nhận diện
Dù tâm tư ngăn cách mấy tường thành :
Thồn thức dâng lên... cuộc đời dâu biển...
Tôi cho người ôm lẽ sống mong manh !

Không luyện-dũa bàn tay tiên hóa tục
Đời cầm thù trong những bước chân đi
Vạn nước đổ ngàn mây tuôn mỗi lúc
Đạp cho nhào tâm thức vơi tư duy !...

Vàng ngả Màu, sắc son chừ đã đổi
Trắng vơi Đen vương chủ với nó tỵ
Thương yêu đó ! Người đã đầy tim phổi ? !
Cảm ơn người ! Rung động để làm chi ? !

MICH-LA-PHONG

Tiếng nói của Thế - hệ

□ Tiểu thuyết khiêu dâm

Chị Diệu-Huyền ơi, tụi em muốn yêu cầu chị viết một loạt bài đả kích loại văn-chương khiêu dâm hiện ngày nay tràn ngập thị trường. Chị có đọc những tiểu thuyết đăng trong hầu hết các báo đó không? Trời ơi, thật là cả một chợ trời dâm ô, trụy lạc phở bày trên khắp các mặt báo, không một chút tro-trên! Văn nghệ Miền Nam Việt Nam thối nát đến một mức độ ghê tởm thế sao? Thưa chị Diệu-Huyền, tiếng nói của bọn « nhóc con » này không có một gờ-ram nào đối với các hàng « Văn Sĩ, nữ sĩ » buồn dâm ấy, nhưng chúng em biết rằng một bài của chị sẽ có hiệu quả như một cái chưởng lợi hại, mong chị tung ra một « mé hồn trận » đánh nhào bọn đĩ bút của thời đại đó đi.

LÂM-HUYỀN-NGA

và nhóm nữ Sinh-viên Saigon
(đọc giả thân mến của chị Diệu Huyền)

□ Tình yêu hôm nay

Giữa lúc thiên hạ đang lên Vi-Ci, chuyện tổng động viên, ruột, kính gan vì lo ngay ngày đi lính và... trốn lính, mà nói chuyện tổng công kích đợt 3 của chuyện tình yêu thì thật là...

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

lính kinh và khốn lìn; chẳng xứng danh là đấng « tu mi nam tử » tí ti ông cụ tí nào hết.

Nhưng các bạn ạ. Nói chuyện đánh nhau, chết, ăn, ngủ, trốn lính, đi lính mãi mãi nó cũng đâm ra lười. Phải nói đến tình yêu, vì không có tình yêu thì cuộc đời này sẽ đi đứt đuôi con nòng nọc mất.

Chắc các bạn cũng công nhận rằng hai tiếng tình yêu nó mạnh gấp trăm ngàn lần bom H chứ? Nó mạnh khủng khiếp lắm bạn ạ. Mạnh đến độ người chết cũng phải lồm cồm đội mồ bò dậy khi nghe nói đến nó...

Nhưng các bạn ơi! Tình yêu của các bạn chẳng biết nó ra nằm thao, thơ mộng ra chẳng? Chữ tình yêu của thằng tôi nó âm ỉ, đáng vứt xọt rác lắm bạn ơi. Con gái bây giờ họ tiến bộ đáng... ghê lắm, đáng nể lắm, đáng cho những thằng lièn ông như chúng ta tôn làm bậc đại « sư phụ » lắm,

Đầu tiên, thằng tôi có một người yêu, nàng đẹp và bảnh ra phết. Hai đứa yêu nhau du dương ra rít kính khùng, cứ tưởng rằng trời có xập cũng chẳng tách rời nhau được.

Nhưng một hôm nàng-mếu máo khộc nói với tôi rằng « anh ơi chắc em chết mất. Ba mẹ nhứt định gả em cho lão bác sĩ già góa vợ. Anh xem, em thế thì làm vợ một cụ già 45 tuổi. Có khổ chưa? »

Mà khổ thật bạn ạ. Nhưng chẳng phải nàng khổ, mà lại là thằng tôi khổ. Ngày đêm lo bứt tóc, bệu tai lo tìm phương kế cứu vãn tình hình. Tôi đề nghị với nàng để tôi lay lục cha mẹ nàng xin ông bà rủ lòng thương hại một thằng con trai quá si tình con gái ông bà mà vui lòng nhận nó vào hàng nghĩa tử. Nhưng nàng gạt phắt đi bảo là không thể được, tôi điên đầu vì mọi giải pháp tôi đưa ra nàng đều ngoay ngoáy lắc đầu ra cái điều không bằng lòng.

Trong khi thằng tôi đang đau khổ đi lang thang «ôi ta buồn ta đi lang thang cũng vì ai» đấy mà, bỏ ăn, ngủ, học hành. Một bữa tôi đi ba tư lơ mơ thế nào chả hiểu mà đi ngang qua nhà nàng lúc nào không hay, chừng nghe pháo nổ đi đứng mới giật mình đánh thót, tưởng ở Hỏa tinh lạc bước xuống địa cầu. Các bạn có biết nhà nàng đang làm gì không? Đám cưới đấy. Đám

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

cưới to lắm, hai bên lễ đường xe hơi đậu hai dọc dài cái nào cũng đẹp, cũng xinh, chứ không như chiếc xe hai bánh cà khồ của mình, trông đến phát nóng lạnh.

Cô dâu lộng lẫy cặp tay chú rể đi ra xe hoa giữa hai hàng phù dâu phù rể, mặt nàng tươi như hoa hòe, hoa sồi, mắt cứ đong đưa liếc mắt đưa tình với lão chồng già. Bạn ơi. Trông gương mặt như khả ái của nàng lúc đó sao mà nó bần và tôi không chịu được. Thắng tôi chỉ muốn tát cho nàng mấy cái cho hả nư giận. Nhưng nàng chui vào xe hoa với anh chồng mắt rồi còn đâu. Tôi đành đứng ngẩn ngơ nhìn đoàn xe hoa chạy mau, tung bụi mù lại sau chười vào mũi thắng tôi.

Các bạn ạ. Sau này điều tra ra, tôi mới biết rằng nàng đêch có bị cha mẹ ép duyên ép nợ gì cả. Chính nàng đã chiếm lão bác sĩ góa vợ đó, cho lão vào trông bắt lão phải cưới nàng.

Các bạn đã thấy tình yêu hôm nay của con gái nó tiến bộ chưa? Chưa hết đâu bạn ạ. Còn nữa.

Bây giờ tôi đã là một thằng binh nhì, dù thù hận liền bà nhưng vẫn mơ có một người

yêu thứ hai nữa. Chẳng lẽ tất cả con gái đều như nhau sau ?

Và rồi tôi sung sướng có một cô em gái hậu phương. Em cũng ngoan và đẹp, tôi chỉ mong được về phép để thấy mặt nàng cho thỏa niềm mong ước, và ngày đó đã đến, sau bao tháng chờ mong. Nhưng, lại nhưng nữa, các bạn ơi, thật nhục nhã cho thằng tôi, khi thấy tôi chỉ là anh lính đơ dèm cùi bắp nàng đã phớt tình cười vào mũi tôi.

— « Chắc chú lắm nhà đấy, tôi đâu có quen với người nào tên Phùng »

Tay như bị trồng chuối vào lỗ mũi, ngán ngữ Tây phương bảo « không nên đánh đàn bà dù là bằng cành hoa hồng » chẳng lẽ tôi lại đánh nàng ư ?

Đấy, tình yêu của tôi nó như vậy đó các bạn ạ. Nhưng chắc không phải chỉ riêng tôi đâu nhiều bạn có lẽ cũng gặp trường hợp đó ? Thật là buồn cười khi một thằng con trai bị người yêu cho ăn bánh vẽ thì đau khổ khóc thầm, vội vã uống optalidon tìm đường về thăm Diêm chúa. Chết nhe rằng còn bị nàng chười là đồ ngu mà vẫn một mực tin

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

tuởng rằng nàng bị cha mẹ ép duyên thật.

Đáng buồn cho bọn liên ông ngày thơ ông cụ non chúng mình.

Nếu tình trạng này mỗi ngày mỗi được trau chuốt tình vi hơn. Chắc bọn mình không hy vọng gì kiếm được một bà vợ, dù bà

là một cô bé gánh nước mướn làm vợ đầu bạn ạ. Tôi có bị quan quá không hở các bạn ? (Những ông bạn như tôi)

PHÙNG
lính đơ dèm
KBC 4684

Đi lính

— « Đậu cũng đi Thủ Đức, rớt cũng đi Thủ Đức, chứ làm đêch gì được mà lo học cho mệt. Mò được vô Đại học đâu có dễ. Có lính tổng động viên rồi, sức mảy mà họ chấm cho mấy đậu để lên Đại học ? »

Trước ngày thi phần II, thắng bạn của tôi nói với tôi như vậy, khi thấy tôi đóng cửa ở nhà lo học gạo. Lúc ấy tôi không tin lời nó, chắc nó lười học nên kiếm cớ thoái thác, chứ Đại học đâu phải là một vùng bất khả xâm phạm, anh chị tôi thi vào Đại học đều đậu hết thì sao ?

Nhưng bây giờ thì tôi không còn nghĩ như vậy nữa, thực tế đã trả lời tôi rồi, Tuy đã đậu được phần II, nhưng chắc chắn là tôi sẽ không thể nào vô Đại học được rồi. « Trên 19 tuổi không được thi vô Đại học ».

Năm nay tôi vừa được 20 rồi mong gì được hoãn để thi lên Đại Học chứ ? Ồi, đau khổ cho những thằng con trai sinh nhằm thế hệ này. Đất nước cứ chiến tranh mãi. Ai gây ra cảnh chiến tranh huynh đệ này rồi bắt chúng tôi phải nhận chịu ? Phải chăng là những bậc đàn anh? Bao nhiêu.



1360/8x1/900C

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

những người tuổi trẻ chúng tôi đã ngã gục vì cuộc chiến này? Mỗi ngày bao nhiêu người ra đi và đã chết một cách phi lý.

Nếu tình trạng này cứ mãi mãi tiếp diễn, mới 18 tuổi đã bắt đi lính, học hành dang dở, bao nhiêu mộng ước, dự tính tương lai đều tiêu tan như bọt nước. Chẳng biết rồi đây nước Việt sẽ ra sao khi mới 18 tuổi đã phải

đi lính? Liệu sau khi chiến tranh chấm dứt, Việt Nam có đủ những người tri thức và chuyên môn để kiến thiết xứ sở hay không?

LỜI TÒA SOẠN: Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng những « Tiếng nói thế hệ » hoàn toàn vô tư của bất cứ một ý kiến nào của bạn trẻ hôm nay.

D.H.



• LỜI TRẺ

Bà mẹ bắt gặp cậu con trai lên chín tuổi đang nhòm qua lỗ khóa của chị Sen, bà mẹ kéo con đi tránh nơi khác và dạy:

— Này, con hãy còn bé không nên tập tành tò mò như thế xấu lắm đấy.

Đưa con trai phụng phịu trả lời;

— Nhưng... con muốn biết ba dạy chị sen học những chuyện gì mà lạ.

● Thều mới lạ ngày hôm nay sẽ cũ vào ngày mai—cái khó là biết cách duy trì điều cũ được mới mãi mãi.

VÔ KỶ.



midol

1560/571/300C

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

NGUYỄN - DU

CÀM GIẢ DẪN

Long-thành giai-nhân
Bất kỳ danh tự.
Danh độc thiên nguyệt cầm,
Cử thành chi nhân dĩ cầm danh.
Học đắc tiên triều cung trung
«Cung phụng Khúc»,
Tự thi thiên thượng nhân-gian
đệ nhất thanh.
Dư tại thiếu niên tăng nhất kiến,
Giám-hồ hồ biên dạ khai yển.
Thủ thời tam thất chính phương
niên.
Xuân phong yêm ánh đào hoa
diện.
Hoãn như trần phong độ tùng
lâm.
Thanh như chích hạc minh tại âm.
Liệt như Tiến phúc bi đầu toái
tích lịch,
Ai như Trang tích bệnh trung vi
việt ngâm.
Tích giả mỹ mỹ bất chi quyền.
Tận thị trung hòa đại nội âm.
Tây-Sơn chư thần mãn tọa tận
túy dao,
Triệt dạ tru hô bất chi bảo.
Tả đã hữu chuyên trang triển đầu.

Nê thờ kim tiêu thù thảo thảo.
Hào hoa ý khí lãng công-hầu.
Ngũ lãng thiếu niên bất túc đạo.
Tích tương tam thập lục cung
xuân,
Hoạt tố Trường An vô giá bảo.
Thủ tịch hồi đầu nhị thập niên,
Tây-Sơn bại hậu dư nam thiên.
Chỉ xích Long thành bất khả kiến,
Hà hưởng thành trung ca vũ diện.
Tuyên phủ sứ quân Vị dư trung
mãi tiêu,
Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu.
Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa.
Nhan sáu, thần khò hình lược
tiêu.
Lang tạ tàn mi bất sức trang,
Thùy trì tự thị dương niên thành
trung đệ nhất điệu.
Cựu khúc tân thanh ám lệ thùy,
Nhĩ trung tĩnh thính tâm trung bị.
Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên
tiền cự,
Giám-hồ hồ biên tăng kiến chi.
Thần quách suy đi nhân sự cải,
Kỷ xứ tang diên biến thương hải.

Tây-Sơn công nghiệp nhất đán
tận tiêu vong,
Ca vũ không lưu nhất nhân tại.
Thuần tức bách niên năng kỷ thì,
Thương tâm vãng sự lệ chiêm y.
Song nhãn chừng chừng không
tưởng tượng,
Khả lân đối diện bất tương tri.

Bản dịch của

HOÀI-CHÂN :

Thành Thăng-Long có người con
gái,

Chẳng ai hay tên tuổi là chi.
Cầm hay nổi tiếng một thì,
Tên Cầm đồn khắp một khi đã
nhiều.

Học được khúc tiên triều mọi
thuở,

«Cung-phụng» này khúc ở trong
cung.

Tiếng hay náo-nuột lạ lùng,
Nhân gian mấy khúc hẳn không
ví bằng.

Ta khi trẻ đã từng gặp-gỡ,
Bên Giám-hồ tiệc mở canh trâu.
Nàng vừa hăm một tuổi đầu,
Gió xuân thoảng mặt hoa đào
long-lanh.

Tiếng khoan tự ngàn thông gió
thời,

Tiếng trong như hạc nói dưới
non.

Tiếng mau sét đánh bia tan,

Tiếng buồn Trang tích thờ than
bệnh sầu.

Nghe náo-nuột biết đâu một mối,
Đều khúc ca trong nội đưa ra.

Tướng Tây mấy gã say sưa,
Suốt đêm hát xướng vẫn chưa
thỏa lòng.

Say châu hát, ôm bông, nghiêng-
ngã,

Vút bạc tiền nào xá vấp đầu.
Hào-hoa hơn bực công-hầu,

Ngũ-lăng công-tử dễ đầu sánh
bằng,

Thoáng dạo khắp cầm, trắng mấy
bực,

Bấm sáu cung náo-nức mùa xuân.
Rõ-ràng của quý Trạng-an,

Thanh-cao giá ngọc mười phân
vẹn mười,

Ngó tiệc ấy hai mươi năm trước,
Tây-Sơn thua, ta bước vào Nam.

Long-Thành gang tấc xa xăm,
Hướng chỉ tiệc hát mấy năm
trong thành !

Tuyên-phủ sứ nặng tình cố cựu,
Lại vì ta tiệc rượu mua vui.

Cô đầu trong tiệc hát chơi,
Trẻ thơ mấy à mảy ngài mặt hoa.

Cuối tiệc có một bà già cả,
Mình gầy mòn đầu nửa hoa râm.

Nét mày son phấn biếng chằm,
Ai hay là chính chị Cầm ngày
xưa.

Hát mấy khúc thăm đưa giọt lệ,
Tai lắng nghe, dạ tẻ ngàn-ngờ.
Cuộc vui sức nhớ ngày xưa,
Bên hồ từng đã bao giờ gặp
nhau.

Thành quách khác, đời mau biến-
cải.

Ngán bề đầu thay đổi nhiều nơi !
Tây-Sơn công-nghiệp đâu rồi ?
Chỉ còn sót lại một người hát
xưa.

Trăm năm cũng thoáng qua một
nhoáng,

Buồn việc xưa lại-lắng châu sa,
Mắt trông tường-tượng gần xa,
Gặp nhau mà chẳng biết ta với
mình !



Bài này, Nguyễn Du viết theo
lối hồi-ký, thuật lại câu chuyện
một ca-sĩ nổi tiếng danh-cầm đời
Lê mạt Nguyễn sơ, ngầm ký thác
tâm-sự hoài Lê của mình.

Khi nhà Lê chưa mất, tại
thành Thăng-Long có một nàng
ca-kỹ nhan-sắc tuyệt-vời. Nàng
tên là Cầm. Chị Cầm hát rất hay
và đàn nguyệt cầm nổi tiếng
«Nhân-gian đệ nhất thanh».
Nguyễn-Du đã từng gặp nàng bên
Giám-hồ, khi nàng vừa mới hăm
mốt tuổi. Nàng đàn khúc «Cung

phụng», một nhạc khúc trong
nội cung. Tiếng đàn náo-nuột làm
xao xuyến lòng chàng trai phong-
nhã đất Tiên-Điền.

Khi vua Quang-Trung chiếm
thành Thăng-Long (1787), vua
Lê Chiêu-Thống bỏ chạy sang
Tàu. Nguyễn Du lại được chứng-
kiến cảnh nàng Cầm đàn khúc
«Cung phụng» cho các tướng
Tây-Sơn nghe. Tiếng đàn của
nàng đã làm cho các tướng say-
sưa, nhưng mấy ai hiểu được tâm-
trạng của nàng ca-kỹ trước cảnh
tang-thương ? Rồi Nguyễn - Du
bỏ Long-thành, về Sơn-Nam lo
việc cần-vương. Thất bại, ông về
ăn-dật ở Tiên-Điền, lấy thú săn
bắn làm vui để chờ thời, đợi
mệnh.

Cuộc diện đất nước lại thay
đổi. Năm 1802, Nguyễn-Ánh gồm
thâu Nam Bắc, lên ngôi vua, đặt
niên-hiệu Gia-Long. Nguyễn Du
miễn-cường về làm quan nhà
Nguyễn, theo chiếu lục-dụng cựu-
thần nhà Lê của vua Gia-Long.
Ở Thăng-Long, nhân quan Tuyên-
phủ-sứ đặt tiệc có ca-nhi giúp-
vui, Nguyễn Du gặp lại nàng ca-
nữ ngày xưa. Nhưng má thắm,
môi đào dâu còn nữa. Ngày xưa,

«Gió xuân thoảng mặt hoa
đào long lanh» mà nay «Minh
gầy mòn đầu nửa hoa râm».

Thời cuộc đổi thay, hình hài
cũng thay đổi, nhưng tâm-hồn
người có thay đổi hay không?
Nhìn chị Cầm ngày xưa, nghe
giọng hát của nàng ca-sĩ về chiều,
Nguyễn Du cảm thấy lòng tê-tái,
ngần-ngờ.

Ông hồi-tưởng lại việc xưa,
ngao-ngán bao cuộc bề đầu biển
đồi. Còn đâu thời xuân-sắc một

bạc tài-hoa! Còn đâu công-nghiệp
Lê-triều! Còn đâu công-nghiệp
Tây-Sơn! Rốt cuộc rồi, chỉ còn
lại một ca-nữ cuối chiều và một
hàng-thần lơ-láo. Phải, Tố-Như
cho rằng mình ra phò nhà Nguyễn
chẳng khác nào một «Hàng thần
lơ-láo phận mình ra đầu».
Một hàng-thần bất-đắc-dĩ! Cũng
như nàng ca-nữ kia đã bất-đắc-
dĩ biến khúc «Cung phụng»
thành khúc «Hậu-dinh-hoa».

★ THẨM-THỆ-HÀ

★ HỌC SINH NGŨ

Câu chuyện xảy ra tại xứ sở của Đồng chí Vĩ đại Kossigyn.

Hai chú mèo rú nhau dạo chơi Công Trường Đỏ, bỗng một cô
mèo thoáng qua, một chú kêu lên:

— Miao... Miao...

Còn chú kia lại kêu:

— Mi... ao... Miao!

Ngạc nhiên chú mèo bạn hỏi:

— Ừa, sao hôm nay đồng chí kêu thứ tiếng nào lạ vậy?

Chú mèo thứ hai vội rí tai mèo bạn đáp: tiếng Tàu đấy. —
Suyt... đồng chí đừng nói ai biết nhé... Tôi đang học.

Dung nhân người tình



● Đoạn văn của TÔNG-MINH-PHỤNG

Nhà mai-tôi sẽ bỏ rơi thành
phố mà tôi thường quyến-luyến,
chuyến đi của tôi chắc Linh
buồn-lắm, nhưng biết sao hơn.
Tôi chỉ hy-vọng Linh hiểu tôi
điều này, vì người con gái nào
lớn lên cũng mong mình có một
người thương hay đúng hơn là
một người chồng cưới hỏi đàng
hoàng, gia đình được thơm lây.
Tôi biết đi như thế là phản bội
chàng, thà phản-bội còn hơn
sống những giờ phút chờ mong.
Trong khi Linh coi tôi như người
tình nhân không hơn không kém.
Linh không chịu hiểu tôi, tôi yêu
chàng tha-thiết, trái lại Linh
dửng-dưng, những lần tàu về cập
bến, Linh đưa tôi đi ăn với chàng

chúng tôi đi ciné, tôi đợi Linh
cười tôi. Tôi chỉ chờ bấy nhiêu
thôi cũng đủ yên tâm sống trong
hy-vọng, dầu cái hy-vọng đó
không thành sự thật đi nữa,
nhưng tôi muốn thế. Hăm hai
tuổi rồi còn gì, cá tuổi mà bạn
bạn lần lượt bước lên xe hoa.
Còn tôi, tôi cảm thấy già trước
tuổi, tôi đánh mất tuổi thơ của
một đời người con gái. Tôi hối
hận lắm, càng hối hận tôi lại càng
giận Linh.

Trước bao nhiêu cặp mắt người
bạn trai trầm trở và họ sẵn sàng
phục vụ những gì tôi ước muốn,
tôi để qua bên dành cho Linh
tất cả tình yêu thời con gái, nếu

có thể hiển dạng cả thể xác cho mỗi tình đầu.

Tôi sẽ rời thành phố này vào ngày mai để về miền Cao-nguyên sống bên Nguyên mãi mãi, tôi chưa biết phải nhắn gì với Linh đây...

Trời bây giờ vào hạ, nhìn những chiếc lá vàng rụng đầy sân và cơn mưa đầu mùa trút xuống. Quang cảnh mùa hè sao mà buồn quá, từ cánh Phượng rơi tan nát, từ tiếng ve sầu rả rỉ-tê, từ những tia nắng vàng lè-lói, tất cả đều gọi lên tôi một nỗi buồn mênh mang khôn tả. Linh ơi! Thời hoa mộng em dành dành cho anh đã mất rồi. Tôi gục đầu xuống quyền nhật ký khóc nức nở trong niềm đau tuyệt vọng...

Một cơn gió thoảng qua làm tôi rung mình, tôi đứng lên khép bớt cánh cửa sổ. Đèn đường bắt đầu chiếu sáng, một thứ ánh sáng bệnh hoạn. Từng cánh thư màu xanh được mùi nước biển của Linh gửi về trong những chuyến đi công tác, từng lời ngọt ngào như trái chín, tôi đem trái cả lên mặt bàn, đây là kỷ niệm của tuổi học trò và bây giờ nó sắp trở về dĩ vãng rồi đó anh Linh ạ!

Ngoài đại dương, anh có hiểu nỗi khổ tâm cho đứa con gái sớm yêu màu áo trắng và hiện tại nó sắp xảy ra những gì chính nó sớm yêu không? Trọn đêm nay tôi dành tất cả về Linh. Vì sao chúng mình sắp rời xa đi nơi khác. Tôi nghe chưa rõ làm sao những buổi hò hẹn không còn như ngày xưa nữa, tôi phải thay thế anh để đi song song bên Nguyên trên đường đời mà chính tôi không ngờ có cuộc đời thay như vậy. Nỗi khổ tâm của tôi rồi đây biết trả lời sao với Linh khi anh trở về đất liền. Mà không hẳn ích kỷ quá « Tình yêu đối với người đàn ông là một đoạn tình sử, nhưng với người đàn bà là một thiên tình sử » đây anh ạ. Tôi không thể sống bừa bãi vội vàng vì tôi không bao giờ bình tâm trước mọi biến cố. Tưởng rằng, với lòng thành và sự nuông chiều tôi sẵn sàng trao cho Linh tất cả những cái đẹp mà tôi đón nhận được trên thế gian này. Nhưng, chúng hiện đến rồi trôi nhanh để lại tôi bao ngờ ngàng thần thốt. Tôi đã lướt trên nhiều bất mãn để trước kia cũng như bây giờ vẫn mến Linh... Có lần tôi tự hứa sẽ ở mãi bên Linh vì chúng mình chẳng còn bé bỏng

gi, nhưng tôi không muốn là bến nhỏ giữa muôn ngàn bến lớn dọc bờ đại dương. Ngày Linh về, Linh có nuôi tiếc vì mất tôi chăng? Tại Linh mang nhiều mặc cảm quá, cái mặc cảm Linh đặt chưa đúng chỗ, Linh không dám nói thật lòng mình, người con gái không có quyền phát biểu mà chỉ ở vào thế thụ động mà thôi.

Những giọt nước mắt lăn dài không dứt, tôi khóc thật nhiều... Bao nhiêu đau buồn cứ thế mà tuôn tràn mãnh liệt. Ngày mai sống bên người chồng xa lạ, chẳng hiểu tôi có đủ can đảm nối tiếp đoạn đường dài sau này chăng? Đêm nay, tôi sống trọn vẹn cho Linh và nghĩ rằng đây không phải là một hành động liều lĩnh. Tôi phải đáp lại những gì không thể có với Linh trong một hoàn cảnh thật khó xử. Một sơ hở con con đã làm thế giới lý tưởng của chúng ta hoàn toàn sụp đổ.

Cái giá buổi đêm nay, trở lại nếp sống nội tâm, hình bóng Linh bao giờ cũng chấp chờn tâm nào. Giấc mơ về Linh thật giản dị... ngắn sau vẫn thế. Bao lần viết thư Linh là bao lần tôi oán

minh và thương Linh nhiều hơn đề rồi không buồn xua đuổi bao tuyệt vọng. Trước kia tôi không tin có số mệnh nhưng bây giờ phải cúi đầu sợ hãi. Tầm tay yếu đuối này đâu thể nào giữ lại được những định mệnh sẽ mang đi Linh ơi! Đêm nay làm sao có cuộc họp mặt cuối cùng của chúng mình đây! Sáng mai hết rồi, tôi không có quyền bước đến gần Linh thêm một bước nào nữa. Hiện giờ Linh đang nghĩ gì? Linh nào biết được những gì tôi đã và sẽ nguyện cho Linh. Bao nhiêu thôi cũng đủ rồi, đủ cho tôi thì thầm với Linh rằng những ngày bình yên của chúng mình đã chấm dứt. Mỗi chúng ta, ở cuối đoạn đường đi sẽ được những gì? Hay, phải mất những gì?

Con đường Cường-Đề quá quen thuộc, tôi sẽ giả từ ngày mai, con đường mà trước kia tôi thường nói với Linh, con đường mang tên hai đứa mình. Tôi thú thật trong lãnh vực yêu đương, tôi chỉ là một đứa con nít, tôi chưa đủ sức để làm người đàn bà đầy chịu đựng. Tôi muốn đòi hỏi ở Linh một cái gì khác hơn. Tôi còn nhiều mơ mộng,

còn nhiều ích kỷ. Linh hiểu tôi muốn nói gì không? Linh ơi? tại sao Linh không chịu hiểu tôi, tôi đòi hỏi ở Linh một khi đã cho tôi những gì thì Linh phải cho trọn vẹn. Tôi muốn như vậy.

Thời gian qua, tôi sống thật đầy đủ cho nỗi đam mê của mình, những lần tiếp chuyện với người khác tôi cũng có cảm tưởng như đã có lỗi với Linh. Tôi không muốn ai thay thế Linh trong giây phút nào, không để người khác chỉ phối tình yêu tôi dành cho Linh. Trong khi đó, Linh đã...

Linh ơi, tôi không thể chịu đựng được nữa khi tôi nhận thức được rằng chính do đó mà ngày lại ngày tôi đã phải đưa

đám quảng đường tình yêu... Thôi, tôi chẳng còn gì nữa cả. Dòng tình cảm ngày xưa sẽ không về với chúng mình, tâm tay tôi vụng về yếu đuối trong khoảng không vô tận. Tôi gọi tên Linh bằng nhung nhớ, bằng oán hờn. Hoài vọng về thiêu đốt niềm tin và hủy diệt nghĩa sống.

Bóng tối thay phiên xuống dần chậm chạp như người đi hoang, như con tàu lắc lư giữa trùng dương, như linh hồn tôi ngổ ngàng trước những đòi hỏi tội vạ.

Cuối đoạn đường còn gì nữa? Câu hỏi đặt ra với bao nghi ngờ không xóa được và tôi bắt đầu thiếp đi từ đó...





midol

1360/BN1/00DC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

★ Văn Thi-sĩ Tiền-chiến :

TchyA

Một vài nhà văn Tiền chiến bắt chước theo lối *anagramme* của Pháp, thích đảo lộn các mẫu-tự của tên mình để thành một bút hiệu.

Trần **Khánh-Giur** lấy chữ **I** ghép với **Khá**, thành **Khái** và đảo lộn những chữ còn lại : **h, ư, n, g**, thành **Hưng**. Đó là bút hiệu **Khái-Hưng** của tác giả *Hồn Bướm Mơ Tiên*.

Nguyễn-thứ-Lễ viết lộn lại thành **Thế-Lữ**. Chữ **Lễ**, đánh vần thành **Lê-ngã** để biến ra **Lê-ta** (Ngã=ta).

Lê (văn) Bái đổi thành **Leiba**, lại thêm chữ **J**. để trùng tên với nữ-sĩ Pháp **Jeanne Leiba** khá nổi danh ở Paris thời bấy giờ!

Anh thợ may **Cát-Tường** may áo cho nhóm *Phong-Hóa* lại đổi tên **Tường** ra danh-từ Pháp **Le Mur** (bức tường) để chế ra kiểu áo *Lemur* cho các cô «Tiểu thư tân thời» của những năm 1932—35. Một nhà buôn mũ, nón, tên là **Chu-Mậu** đổi tên ra **Ch. Mau's...** nửa Pháp nửa Anh! Một họa-sĩ khá lớn tuổi, thường vẽ cho các báo, ký bút-hiệu **NGYM** là *Người Yêu Mợ*, (*Cậu Mợ* là một lối xưng hô thông-dụng của vợ chồng ở miền Bắc).

Theo kiểu viết tắt này, ông **Tham-Tá** làm việc trong Phủ Toàn-quyền Pháp ở Hà nội, **Đái đức Tuấn**, thỉnh thoảng viết Văn, Thơ, đăng trong *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, dưới bút hiệu **TCHYA**.

Lúc đầu, Lan-Khai, Vũ-trọng-Phụng, và tôi, tưởng cái tên kỳ-cục này có nghĩa là : Tôi Chẳng Yêu Ai. Nhưng Lê-văn-Trương nói quyết rằng đây là : Tôi chỉ yêu Angélique, Vũ-dình-Long, Chủ-nhiệm Tiểu Thuyết Thứ Bảy lại bảo là : **Tuấn Chỉ Yêu Angèle**. Angélique, hoặc Angèle, có lẽ là tên một người yêu nào đó của Đái-đức-Tuấn, chứ không phải tên chị Tuấn.



Nhiều lần ở Saigon, tôi định hỏi anh về bút hiệu TCHYA, nhưng cứ quên. Mãi đến nay anh đã từ-trần, tôi vẫn chưa biết đích xác TchyA là gì. Tôi rất tiếc về sự quên lãng ấy.

TchyA viết văn và làm thơ theo lối tài-tử, trong lúc anh là một công chức của Chính-phủ Bảo-hộ, vào bậc trung-lưu.

Một tay hào-hoa phong-nhã khá nổi tiếng ở Hà-thành trong đám Tham-tá trẻ tuổi của Phủ Toàn-quyền. Thời chiến tranh trước kia, anh có ở trong quân-đội Pháp với cấp bậc Đại-úy. Di cư vào Saigon, anh được đề cử làm Tổng thư ký « Hội Cựu Chiến-Sĩ Việt-Nam » cho đến khi anh mệnh-chung, hưởng thọ 60 tuổi.

Trong *Tiểu-thuyết Thứ Bảy*, Hà-nội, anh có viết những chuyện đường rừng khá hấp dẫn, như chuyện « *Thần Hồ* », và có xuất bản tập thơ « *Đầy Vơi* » có nhiều bài duyên dáng, dễ thương.

Mấy năm trước, thỉnh thoảng anh có viết bài Khảo cứu Văn-ngệ trong *Phổ-Thông* tạp-chí, vẫn ký tên là TchyA, và giữ một mục Phiếm đàm trong một tờ báo hằng ngày, với bút hiệu *Mai-Nguyệt*.

Anh là một người bạn rất tốt, lịch-thiệp, vui-vẻ. Cái chết của anh để lại sự thương tiếc cho nhiều người.

NGUYỄN-VỸ

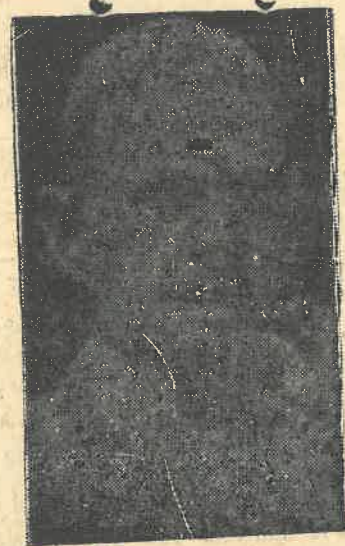


minh ơi!

ai sao
ông-diệp

ANAE VITAE

ức-Giáo-Hoàng



PAUL VI

Cám hạm-ohé sinh-đẻ



★ DIỆU-HUYỀN

Mình Ơi, sáng nay em đi chợ gặp má của cô Tám Hột-Vịt-Lợn. Bà than-thở với em rằng bà mới 35 tuổi, đã có tám đứa con, bà muốn thôi đẻ vì nhà nghèo không đủ nuôi một bầy con mà đứa nhỏ nhất mới biết đi chập-chững. Năm nay bà lại mang bầu nữa ! Bà hỏi em, có thuốc gì uống, hay là có cách nào khoa-học vẫn-minh để ngăn ngừa sinh đẻ được không ? Em nói để em hỏi mình...

Bà Tú vừa ừi đồ, vừa nói chuyện—ông Tú năm Vọng.

— Bào bà ấy áp-dụng *Family planning*. Ai bảo ham mang bầu!

— Bà đâu có ham ! Bà còn muốn xi-tốp đó chứ ! Nhưng bà đọc báo thấy nói ông Giáo-Hoàng La-Mã lại ra lệnh cấm hạn chế sinh đẻ. Bà hỏi em tại sao có lệnh đó ? Như trường-hợp của bà cũng như của muôn triệu người nhà nghèo, bình dân lao động làm không đủ nuôi nấng con, thì cấm hạn-chế sinh-đẻ, có phải là tăng-gia cảnh nghèo đói của nhân loại không ? Bà hỏi em như vậy đó, Mình à.

— Em trả lời bà thế nào ?

— Em hiểu bà tối ngủ riêng một mình, cấm chồng bà bên-màng tới gần. Thế là ăn chắc.

— Ông Giáo-Hoàng cấm hạn chế sinh-đẻ, chứ ông có cấm chồng ngủ chung với vợ đâu !

— Thế Đức Giáo-Hoàng ra lệnh cấm vụ đó hồi nào thế hả mình ?

— Mới hồi tháng Bảy dương lịch năm nay.

— Tại sao ông cấm ?

— Nói đúng ra thì vấn-đề hạn chế sinh-đẻ đã được ra thảo luận công-khai ở Tòa thánh La-mã từ 6 năm trước lận. Mãi đến bây giờ Đức Giáo Hoàng Paul VI mới gửi thông-diệp « Đời sống của Loài người » (tiếng La-tinh là *Humanae Vitae*) cho các Giáo-hội, — thông-diệp dài đến 7000 chữ, rõ ràng lập-trường cứng-rắn của Ngài theo đúng tín-điều của Thiên-Chúa giáo.

— Thông-diệp nói sao hả Mình ?

— Tóm tắt là Giáo-Hoàng chấp nhận sự hạn-chế sinh-đẻ bằng phương-pháp Ogino-Knauss, nhưng ngài triệt để kết án các phương-pháp khác,

như phá thai, uống thuốc trừ thai v.v...

— Phương pháp Ogino-Knauss là phương-pháp gì, hả mình ?

— Ogino là tên một ông bác sĩ Nhật, Knauss là tên ông bác-sĩ Áo (Autriche). Hai ông này nổi danh về sự phát minh phép tìm những ngày thụ thai và những ngày có kinh-nguyệt. Cái đó anh đã nói với em dạo nọ rồi.

— Mình giảng lại tóm-tắt cho em nghe.

— Bác-sĩ Ogino của Nhật đã khám phá ra rằng mỗi tháng, kể từ ngày người đàn bà bắt đầu có đường kinh, cho đến 10 ngày sau, là thời kỳ không thể nào thụ thai được. Vì buồng trứng chưa rụng. Từ ngày thứ 10, hay thứ 11, đến ngày thứ 13 : có thể thụ thai, nhưng không chắc. Ngày thứ 14 : chắc chắn thụ thai. Vì là ngày buồng trứng rụng, nếu gặp tinh-trứng của đàn ông là coi như ô-kê rồi. Từ ngày thứ 15 đến thứ 17, hay thứ 18 : còn có thể thụ thai. Nhưng từ ngày thứ 19 trở đi cho đến ngày có đường kinh, là chắc chắn không thụ thai.

— Như thế thì trăng một tháng, có đến 17, 18 ngày chắc chắn người đàn bà không sợ mang bầu hả mình ?

— Suyu rồi. Phương-pháp Ogino không hề sai lầm đối với những người đàn-bà có kinh nguyệt đều. Nhưng có nhiều bà áp dụng phương-pháp này mà vẫn bị mang bầu như thường, là tại vì kinh nguyệt của họ không đều, khi trời quá. Khi sứt quá, và họ tính ngày không dích-xác.

— Gặp trường hợp đó thì làm thế nào tránh khỏi... bầu bí ?

— Nếu anh là đàn bà, và kinh nguyệt thất thường anh vẫn áp-dụng phương-pháp Ogino để như chơi.

— Mình sẽ tính cách sao ?

— Anh sẽ tính : không kể từ ngày bắt đầu có đường kinh cho đến ngày sạch hết kinh, thí dụ là 3, hay 4 ngày, là những ngày rút đi. Bất khả xâm phạm. Từ ngày thứ 5 cho đến ngày thứ 10 là thời-kỳ... có thể cho người đàn ông đại tấn công người đàn bà...

— Quý nà !

— Cho phóng hỏa tiền 122 ly vào cũng chả sao !

— Quý nà ! Mình kỳ cục quá... Em không đùa đâu nghen. Em véo, đừng có khóc nghen !

— Rồi từ ngày thứ 11, cứ tốp miết cho đến ngày có đường kinh tái phát... Vợ chồng rán ăn chay năm đất, đừng có nhí-nhóe mà bị s !

— Thôi, em không nghe chuyện đó nữa đâu. Mình nói tiếp vụ Đức Giáo-Hoàng cấm cái gì đó.

— Ông Giáo-Hoàng Paul VI không cấm các cặp vợ chồng áp dụng phương-pháp Ogino. Ông chỉ cấm phá thai khi lỡ có thai ngoài ý muốn. Ông cũng cấm dùng các loại thuốc cho đàn bà uống để ngừa thai. Nhất là về vụ phá thai, ông kêu gọi các chính-phủ phải trừng phạt gắt gao, và kết án nặng nề. Chính thông điệp của Đức Giáo-Hoàng ra lệnh cấm đoán quyết-liệt đó đã gây ra những dư luận xôn-xao khắp thế giới từ hơn một tháng nay.

— Em tưởng chỉ những tín đồ Thiên-chúa giáo mới xôn-xao, chứ những người ở các tôn-giáo khác hoặc không theo tôn-giáo nào, việc gì mà xôn-xao.

— Ai cũng xôn-xao hết, vì chỉ có một, thiếu số quốc gia, vì nhiều lý do chính trị xã-hội kinh-tế, khoa học, chủ-trương công-

khai, hoặc bán công-phai, chính sách hạn-chế hoặc ngăn-ngừa sinh đẻ, như Mỹ, Ấn-độ, Nhật, Suède Danemark, Nam Mỹ, Thái Lan v.v... Chủ-trương *Family Planning* của Huê-kỳ (kiểm soát sinh đẻ) do Nữ Bác-sĩ L.W. Halle khởi xướng năm 1955. Ngoài ra, đại đa số các nước khác đều có pháp-luật triệt-đề cấm chủ trương ấy. Dù có theo đạo Thiên-chúa hay không, chính phủ đã cấm thì ai phạm tội sẽ bị ra tòa. Như ở Việt Nam ta chẳng hạn.

— Sao em đọc báo thấy nói dư luận phần đông tín-thế-giới đều chống lại quyết định của ông Giáo-Hoàng ? Cả trong hàng ngũ Thiên Chúa giáo cũng có rất nhiều vị Tổng Giám-Mục, Giám-mục, Linh-mục, phản đối thông-điệp của Giáo-Hoàng.

— Một số khá đông Chức-sắc các cấp giáo hội Thiên Chúa-giáo và đại đa số tín đồ Gia-Tô đã không chấp nhận mệnh-lệnh của Đức Giáo-Hoàng vì lý-do xác đáng là cảnh nghèo đói của muôn triệu người trên trái Đất. Ngay ở Mỹ là xứ giàu có nhất thế giới mà hằng năm có đến 300 000 phụ nữ nghèo túng được các bệnh viện giúp họ hạn chế sinh đẻ. Chính-phủ Mỹ hiện đang trợ cấp

một ngân-khoảng gần 28 triệu mỹ kim mỗi năm cho chương trình nhân đạo này. Không những thế, chính phủ Mỹ ăn viện trợ cho Nhật bản và Ấn-độ trên 30 triệu đô-la mỗi năm để hai nước ấy thực hiện chánh sách hạn chế sinh đẻ. Ở Ấn-độ và Nhật, sự phá thai được Chính phủ dung thứ và được áp-dụng công khai. Ngay ở Châu Mỹ Latinh là những xứ mà hầu hết dân chúng đều trung kiên với Thiên-chúa-giáo, chương trình hạn chế và ngăn ngừa sinh-đẻ vẫn được thực-hiện từ lâu. Đã có 172 thần-linh học giả của Thiên-chúa giáo tuyên bố rằng: thông điệp của Giáo-Hoàng có tính cách « hẹp-hòi và thiếu hiểu biết » đối với vấn đề sinh-lý và tình yêu của con người.

Ở Hòa - Lan có trên 12 triệu dân, 1 phần 3 theo Đạo Tin - Lành, 1 phần 3 Thiên-Chúa - giáo, 1 phần 3 không theo đạo nào hết. Thế mà toàn thể những người ngoại đạo, những người Tin-lành, cả những tín-đồ Thiên-Chúa và các Linh-mục đều chống lại thông điệp Giáo-Hoàng. Ở Anh quốc, hai phe ủng-hộ và đã đảo (trong Giáo-hội) đã gây ra cuộc xô-xát

ngay tại Giáo-đường Trung-Uơng Westminster.

— Ở Việt-Nam mình, thì sao hả Minh ?

— Ở Việt-Nam dưới thời các Vua chúa không có luật cấm hạn-chế sinh đẻ, nhưng đạo-đức và luân-lý gia-đình kết tội những kẻ phá thai.

Năm 1920, Chính phủ Pháp có ra đạo luật cấm phá thai. Năm 1933, Toàn-quyền Pháp ở Đông Dương ban-bố sắc-lệnh áp-dụng đạo luật cấm phá thai của Pháp.

Người ta còn nhớ một Nữ Bác-sĩ Việt-Nam dân Tây ở Sài gòn, con gái một bậc thượng-lưu trí-thức và một đại điền-chủ một « chính trị-gia » lừng danh của « Nam kỳ », đã bị Tòa Saigòn tuyên-án phạt tù vì đã phá-thai cho một sản-phụ. Đạo-luật Pháp 1920 hiện nay vẫn còn được áp-dụng ở Việt-Nam. Nhưng bằng một lẽ-lỗi không chính-thức, có lẽ vì chịu ảnh-hưởng của Chương trình Family planning của Mỹ, Bộ Y-tế Việt Nam đã cho thiết lập từ vài năm nay một Trung-tâm Thí-

điền tại Sài Gòn. Nơi đây, các bác sĩ áp-dụng một số phương pháp ngừa thai và hạn-chế sinh đẻ cho một số phụ-nữ Việt Nam.

— Có thật, hả Minh ? Ở đâu, sao em không biết ?

— Ở Chợ Lớn. Nhưng anh đã nói rằng người ta làm một cách dè-dặt...

— Mình nghĩ sao về cơ-quan đó ?

— Theo anh... chỉ nên áp-dụng chương trình hạn-chế sanh đẻ, và ngừa thai, cho các gia-đình nghèo-khổ và đông con — Đó là phù-hợp với nhân-đạo và nhu-cầu hạnh-phúc của những gia-đình bình dân, lao động, đã có đông con. Với lớp người này, là theo đạo nào, chủ-trương của thông-diệp Humanae Vitae của đức Giáo Hoàng Paul VI không còn thích-ứng với đạo người.

— Như vậy Minh biếu em bày cho má cô Tám Hột Vịt-Lộn

dùng phương pháp nào để si-tốp sinh đẻ ?

— Bà ấy nhà nghèo, đông con mà cứ liên-tục mỗi năm sản-xuất một tí-nhau thì quả thật là vô-ích. Con không nuôi nổi, thiếu ăn, thiếu mặc, kém sức khỏe, kém giáo-dục vì không được đi học, lớn lên sẽ thành dân thất nghiệp, rất có thể trở nên du-đăng, làm điều bất lương, chỉ có hại cho xã-hội mà thôi. Vậy, một là chị nên áp-dụng phương-pháp khoa-học Ogino — Knauss. Hai là dùng các loại thuốc Âu Mỹ mới phát-minh, theo toa Bác-sĩ, để ngăn-ngừa thai-nhén. Các thuốc ấy hiện được bán gần như công khai, hoặc trong chợ-đen, khắp ở Sài Gòn.

— Còn nếu lỡ mang bầu thì sao ?

— Thì rán chịu ! không nên phá thai. Nhưng chính phủ, hoặc các Giáo-hội Gia-tô, Phật-giáo, Tin Lành, các cơ-quan từ-

thiện tư-nhân, v.v.. nên lập nhiều viện mồ-côi để nhận nuôi, săn-sóc, và giáo-hóa những đứa trẻ vô-phước mà cha mẹ chúng lỡ sinh ra đời, trong hoàn-cảnh không đủ sức nuôi. Chỉ có biện pháp đó là hợp với Đạo-đức và nhân-phẩm.

— Được rồi, ngày mai em sẽ nghe lời Minh bảo má cô Tám Hột-Vịt-Lộn cứ việc chờ ngày sanh, rồi đem con gởi cho cô-nhi-viện nhá ?

— Chỉ khổ một nỗi là ở cái xứ Việt-Nam chậm tiến này, các trẻ em ở Cô-nhi-viện thường bị đánh đập, hành hạ, lợi-dụng, nhiều khi rất là tàn-nhẫn, vô nhân-đạo. Cho nên đa số các em ở trong đó một thời gian, đến khi lớn lên tìm cách trốn ra

các ngục-tù «phước-thiện» ấy. Nhưng anh chỉ nói một số cô-nhi-viện vụ lợi, chứ không vơ đũa cả nắm. Nhiều bà-phước rất tốt, và hy-sinh hoàn-toàn cho các em trọn đời, như một bà chị, một bà mẹ biết thương con.

— Tại thấy cảnh nghèo-khổ cùng-cực của gia-đình đông con, hèn chi cô Tám Hột Vịt Lộn chưa muốn lấy chồng ! Hay cô ấy còn kén chồng ?

Bà Tú véo một cái đau-điếng vào bắp đùi ông Tú rồi vội chạy xuống bếp, cười khúc khích.

Ông Tú nằm hít-ha trên võng...

□ DIỆU-HUYỀN



Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐDĐC

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐDĐC

Những nhận thức sai lầm

Của một số sử-gia HOA - VIỆT

Về cuộc khởi nghĩa của HAI BÀ TRUNG

● ĐÔNG-TÙNG

Việt-Nam là một nước nhỏ bé ở sát nách một đại đế quốc phong kiến khổng lồ Trung-Hoa rộng lớn gấp 26 lần nhiều hơn lại nặng óc Thực-dân đồng hóa những nước nhỏ yếu lân cận. Và cũng đã chiếm Việt-nam trước sau 5 thời kỳ gần một nghìn năm, và cũng đã tận dụng mọi ác sách đồng hóa, với ác ý xóa nhòa dư đồ nước Việt, đem đất nước này sát nhập vào lãnh thổ Thiên triều.

Nhưng trong trường kỳ lịch-sử, dân tộc Việt-nam luôn-luôn trời dấy chống lại bọn xâm lăng cường khấu, cuối cùng đã tổng cổ giặc Tàu về Tàu, giặc Tây về Tây hết. Đó là một chuyện — để quốc phong kiến Trung-hoa từ ngàn xưa cũng như Thực dân Pháp vừa rồi và bè lũ tay sai của chúng không tương thượng tới.

Trong những cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng cường khấu Tàu

của dân tộc Việt-Nam chúng ta phải kể đầu tiên là cuộc khởi nghĩa của hai chị em Bà Trưng vào thế kỷ I là trước nhất.

Tiếc rằng cuộc khởi nghĩa này, xưa nay các sử gia Hoa-Việt đã có một số nhận xét sai lầm đáng tiếc. Nay nhân ngày kỷ-niệm năm thứ 1924 Hai bà, chúng ta thử nêu lên và thẩm định lại.

I— các sử gia Trung-quốc

A) Các bộ sử của triều đại phong kiến Trung Hoa.

Các bộ sử ký phong kiến xưa của Trung-hoa, với cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng, họ không nói rõ nguyên nhân cũng như sự việc đã diễn tiến, mà chỉ chép một câu thộn lộn thế này :

« Nam man Trưng Trắc mạn, đế sử Mã-Viên bình chi :
(Đông-Hán thư)

NHỮNG NHẬN THỨC SAI LẦM

Nghĩa là : Rợ ở phương Nam tên là Trưng Trắc làm phản loạn, vua sai tướng Mã-Viên dẹp yên.

Thử hỏi mấy ông cầm bút viết sử người Tàu « Ai làm phản loạn ? » rõ ràng là sử quan và giọng lưỡi của quân cướp nước.

Tiếc rằng, những loại sử sách như rủa đó, mà trót 17 thế kỷ bọn Hủ Nho Việt-Nam học chữ Tàu chỉ biết cúi đầu học, chứ không có phản ứng.

Cho nên có kẻ nói rằng : Người Việt-Nam không phải sau này học chữ Tây mới có một thiểu số vọng ngoại, vong bản, mà thực ra óc vọng ngoại vong bản ấy đã có từ khi đang học chữ Hán kia lặn. Nói như vậy thiệt là không vu khốn chút nào.

B) Một số Sử gia Đài-Loan

Không biết có phải họ là « sử gia » hay không, chúng tôi chỉ căn cứ vào lời họ tự giới thiệu trên bài. Vào khoảng năm 1958, có một tờ báo ở Đài-Loan, tự mệnh là một số sử gia đăng một bài đề nghị với các nhà dạy sử ở Saigon nên sửa Lịch sử Việt-Nam lại vào những đoạn có liên quan tới người Tàu. Mấy ông « sử quan » này cho rằng : Chỉ có Trưng công đứng đầu là Mao-

trạch-Đông bây giờ mới là thôn-tinh miền Bắc, chứ đối với các triều đại vua chúa ngày xưa chỉ có hảo ý đem văn tự, văn minh của Trung-hoa sang khai hóa cho Việt-Nam mà thôi, ngoại trừ những trường hợp vì cá nhân,



hay sự hiểu lầm nhau mà có những cuộc xung đột Hoa-Việt, nhưng rồi sau đó vua Việt-Nam vẫn cứ cầu phong và xin cống hiến cho Trung-Hoa như không có việc gì xảy ra trước đó. Ví dụ trường hợp Hai bà Trưng là do

NHỮNG NHẬN THỨC SAI LẦM

sự sai lầm của cá nhân Tô-Định gây ra, và hành động của hai bà Trưng cũng chỉ là hành động « gà mái gáy » (Tận kê chi thần) cho nên đã bị bình định ngay.

Ngoài những câu ngược đời như thế, họ còn nói thêm một ý kiến này nữa, họ bảo rằng : Những người Việt-Nam xưa kia mà chống lại Trung-Hoa là đã làm sai ý Thánh hiền trong câu: « lấy nước nhỏ mà thờ phượng nước lớn là sợ mệnh trời vậy » (dĩ tiểu sự đại giả úy thiên dã)

Cái luận điệu thiệt là kỳ cục của mấy « Sử-gia » nói trên để lộ cho ta thấy mấy nét sâu đậm sau đây :

1) Tô-Định đâu có thể gọi được là cá nhân, vì họ Tô là hiện thân tham tàn vô đạo của đế quốc phong kiến Trung-hoa đối tiểu bang phiên thuộc, cũng như Hoàng-Thao, Thoát-Hoan, Thành-cát-Tur-Hãn, Hốt tất Liệt. Liễu-Thăng, Trương-Phụ v.v., cũng như Y-Đằng-bác-Văn là hiện thân của đế quốc phong kiến Phù-Tang, và Merlin là hiện thân của Thực dân Pháp. Cho nên việc làm của Hai chị

em bà Trưng, của Yên-Trọng-Cần (nhà cách mạng Triều-Tiên) cụ Phạm liệt-sĩ Hồng-Thái, đâu phải là vì tư thù cá nhân tâm thường mà là vì đại nghĩa quốc gia dân tộc.

2) Hành động của Hai bà Trưng mà họ gọi là gà mái gáy điều đó chúng tôi không ngạc nhiên, khi mà Đài loan cũng như anh em ông Diệm, cho thành lập lại hội Khổng học và cố làm sống lại cái mà họ gọi là đạo đức luân lý cổ truyền Đông phương, trên cơ sở trọng nam khinh nữ. Vì Kinh Thi có câu : « Tận kê vô thần, Tận kê chi thần, duy giá chi trách » nghĩa là : Gà mái thì không gáy, gà mái mà gáy, là một điềm sụi cho gia đình.

3) Nước nhỏ phải thờ nước lớn là sợ mệnh trời (dĩ tiểu sự đại giả úy thiên dã) mấy ông sử gia Đài-Loan nêu lên câu này không phải cố ý làm bôi bét cho chế độ phong kiến Trung-Hoa vì chế độ này đâu còn nữa. Nhưng vô tình họ đã giúp cho bọn phủ cường kiêu mới đang cố tình khai thác thuộc địa kiêu mới. Chúng tôi nói họ là vô tình vì chúng tôi không được biết

NHỮNG NHẬN THỨC SAI LẦM

rõ, chứ biết đâu là họ đã cố ý, vì lẽ này hay lẽ khác, cũng có thể là lẽ ĐOLA.

Bài báo nói trên, năm đó được một Hoa kiều ở Saigon dịch ra Việt văn đăng vào một tờ báo ở Saigon. Lúc đó ông Lê-phục-Thiện, một chuyên viên Hán văn ở viện khảo cổ saigon, một người trọng sự thật và khi tiết sĩ phu phản ứng lại một bài đăng lên hai tờ Tập chí Bách-Khoa và Minh-Tân.

Bài báo ông Thiện đã được nhiều độc giả hoan nghênh.

Tiếc rằng, bài báo ông Thiện có tính chất tổng quát, cho nên vấn đề Hai bà Trưng, ông nói không được rõ ràng lắm.

II) Những điểm sai lầm của các sử gia Việt-Nam

Có hay không vấn đề trả thù chồng ?

Từ trước tới nay, những người Việt-Nam viết Lịch sử, kể cả chữ Hán và chữ Việt. Ví dụ : bằng chữ Hán : Đại Việt Thông Sử của Lê-quý Đôn. Đại Việt sử ký của Lê-Văn-Hưu. Khâm định Việt sử thông giám cương mục của Quốc sử quán triều Nguyễn. Lịch triều Hiến-Chương loại chí (Nhân vật chí) của Phan-huy-

Chú và còn nhiều sách khác nữa.

Về phần tiếng Việt có : Việt Nam Quốc sử diễn ca của Lê-ngô-Cát, Việt Nam sử lược của Trần trọng Kim, Việt Nam Văn hóa sử cương của Đào-duy-Anh ... Tất cả đều nhận định chung cho là cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng động cơ chính là vấn đề trả thù chồng.

Đây là một nhận định sai lầm cần phải được tái thẩm.

Việc tái thẩm vấn đề ngày đầu tiên có lẽ là ông Phạm-văn-Son, vì trong bộ « Việt sử tân biên » của ông, quyển 1 trang 182 ông viết :

«... Nhiều sử gia chép sự nghiệp của hai bà Trưng đều cho rằng : động lực của cuộc khởi nghĩa Mê-Linh là việc trả thù chồng... Thiệt đã biến cải một hành động đại ái quốc ra một chuyện tư thù cá nhân nhỏ hẹp... »

Ông Sơn còn viết tiếp :

«Và, như vậy các sử gia kể trên đã vô tình phủ nhận ý thức và giá trị của cuộc cách mạng phản đế đầu tiên của Dân-tộc Việt Nam cũng như nghĩa khí

cao cả của Hai vị anh thư, nữ kiết đã lãnh đạo cuộc cách mạng đó».

Ý kiến nhận xét của ông Phạm Văn Sơn trên đây, có thể là rất đúng (?) mà cũng có thể là mới đúng vừa vừa (?)

Lời ông Sơn rất đúng với lập trường tự hào dân tộc. Nhưng đứng trên bình diện đề học người ta có thể bảo ông Sơn đã dùng những danh từ «Đại ái quốc, Cách mạng...phân để...v.v. để bình luận lịch sử Việt-Nam đầu thế kỷ 1. Như thế là gương gao, gán ép - gọt bót bàn chân cho vừa giày dép.

Khi bình luận như trên, người ta không quên nhắc lại ý kiến ông Đào-Duy-Anh trong Việt-Nam Văn hóa sử cương. Ở đây Đào quân viết:

«...Vào Thượng bán thế kỷ 1, tức là lúc Hai bà Trưng nổi dậy đánh đuổi Tô-Định, thì Tộc Giao Chỉ chúng ta, còn di tích chế độ Mẫu hệ, vấn đề quốc gia dân tộc chỉ mới có khái niệm lơ mờ. Bởi vậy, cuộc nổi dậy của Hai bà động cơ chính vốn là do lòng tự ái của đẳng cấp thị tộc Giao Chỉ khi bị tên Tô-Định chà đạp, thế đến là vấn đề trả thù chồng, còn nói vấn đề tinh thần quật khởi của dân tộc, nếu có thì cũng

đang là mới manh nha mà thôi.

Ở đây chúng tôi cũng tạm đồng ý với ông Đào-Duy-Anh khi Đào quân cho rằng: Vì tự ái thị tộc Giao Chỉ bị bọn Tàu phù chà đạp nên đã vùng lên chống lại, Nhưng chúng tôi lại cũng không đồng ý khi Đào quân cho rằng: cuộc khởi nghĩa của Hai-bà-Trưng là vì vấn đề trả thù chồng.

Chúng tôi lại cũng không đồng ý với cả ông Phạm-Văn-Sơn khi ông Sơn cho rằng: «nói là đề trả thù chồng là đã biến cải một hành động đại ái quốc ra chuyện tư thù cá nhân nhỏ hẹp». Theo chúng tôi: nếu quả có việc vì thù chồng mà khởi sự đề trả thù chồng, cứu đất nước, thì điều vì thù chồng ấy, nếu có nói lên, cũng không có gì làm tổn thương tới giá trị đại cuộc. Vì trong lịch sử chính trị Đông phương câu chuyện «thù nhà nợ nước» không phải là hiếm chứng liệu.

Nhưng điểm mà chúng tôi không đồng ý với ông Đào-Duy-Anh cho là vấn đề vì thù chồng, ấy là vì cuộc khởi nghĩa được tổ chức trước, mà việc Thi Sách bị giết là xảy ra sau.

Do lại cuộc khởi nghĩa này khởi đầu từ bà Nam Hoàng.

Thái-Hậu là cháu ngoại Lạc-Vương, mẹ đẻ của Hai bà Trưng. Khi bà hòa phụ này tổ chức đại cuộc rồi giao lại cho rể (Thi Sách) và con gái chấp hành. (Cái mà ông Đào-Duy-Anh bảo là duy tích của chế độ mẫu hệ).

Nhưng sau đó vì một sự khờ khạo của Thi Sách là viết thư cảnh cáo Tô-Định, Thi-Sách là làm một việc đại thất sách, hòng lấy đạo nghĩa nói với quân cướp nước...nên Thi-Sách bị Tô-Định giết liền.

Người trước bị ngã gục, kẻ sau đứng lên kế tiếp sự nghiệp là một chuyện thường thấy trong lịch sử đấu tranh. Trường hợp này chỉ khác một điều là kẻ sau ấy lại còn là vợ của người trước

Kết Luận

Để kết luận bài khảo sát sự kiện này, chúng ta thử nêu lên mấy nét chính sau đây:

1) Cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng là tinh thần anh dũng bất khuất của thị tộc Giao Chỉ (cơ sở đầu tiên của dân tộc Việt Nam) mà đám lãnh đạo lại là đàn bà. Chứng tỏ nữ giới Việt-Nam đã có một tinh thần anh dũng truyền thống khởi đầu từ thế kỷ 1.

2) Cuộc khởi nghĩa được tổ chức từ trước mà Thi Sách bị giết là việc sau, cho nên không thể nói được là động cơ chính là vấn đề thù chồng, mà vấn đề

thù chồng chỉ là việc phụ thuộc hay nói cách khác, Tô-Định giết Thi Sách, tức gả đã đổ dầu vào đồng lửa căm thù của người Việt Nam vốn đã có chồng chất từ trước.

3) Đọc lại lịch sử nhân loại, từ khi quốc giới được phân định, đã trải qua nhiều chế độ chính trị rồi. Nhưng chế độ chính trị nào cũng có những bọn người dùng số đông và sức mạnh để xâm lăng, ăn cướp những nước ít người và nhược tiểu hơn.

Tuy vậy, trong khi xâm lăng, thôn tính những tiểu quốc quốc ấy, bọn xâm lăng, cường khấu ngoại bang nào cũng đều biết tùy thời đại rồi tự khoác cho mình, những chiêu bài, những huyền thoại khác nhau.

Ví dụ: bọn Đế quốc phong kiến Trung Hoa xưa thì đồng văn (cùng học một chữ Hán) đồng chủng (cùng một giống nòi da vàng). Thực dân Pháp thì văn minh, khai hóa, bảo hộ. Bọn Phát Xít phù tang thì chương trình Liên-Á (Á Châu của người châu Á).

Cho mãi tới bây giờ, những trò khỉ kiêu ấy, bọn cướp nước vẫn còn rùng. Làm dân một nước nhược tiểu như Việt Nam, chúng ta chớ vội quên điều đó.



Bí - mật

«QUÂN-SỰ» ... ma

LÊ-TẤN-HẢI

Quận tôi ở về phía Tây Nha-Trang, là Thành Diên Khánh bây giờ. Riêng làng tôi ở về phía nam thành đó, giáp núi và đường xe lửa. Tên làng là «An Ninh» tôi tưởng muốn đời người dân được yên lành làm ăn... Đâu ngờ tai họa đã nổi lên, làm khủng khiếp và hiện tại cũng còn ghi lại những thời «oanh liệt» trước kia... gớm thay cũng tại nơi Vườn Dầu đó (vì cây dầu rất nhiều) không biết bao nhiêu người đã trở thành oan hồn vì những đại cuộc Việt-Minh đã đập vào đầu họ, dưới thời kháng Pháp.

Theo những người quen thuộc kể lại rằng: Việt-Minh bắt những

người thông-thương với Pháp, như bán gà vịt chẳng hạn, từ các xã tụ họp về Vườn-Dầu, rồi cho đi về cõi «nát-bét» bằng những đại cuộc đập mạnh vào đầu. Có nhiều người trần trối dấy dựa, cũng bị V-M đập đất lấp lộn.

Sau này...

Sau này những người bà con từ nơi khác trở về thăm và họ không thể quên những tiếng la hét thất thanh trong đêm khuya được. Có những người không tin, những đêm khuya khoắc rủ nhau năm bảy người lên lút đi xem cho mắt nhãn và họ đã nhìn tận mắt những cảnh tượng ma quỷ thật sự. Họ

kể lại rằng nơi một khoảnh đất trống lỗ nhỏ 1 đám người vùn toàn đồ trắng, kẻ nằm người ngồi, kẻ rên khóc, người hê hã cười những tiếng thánh thót, nào những kẻ ôm đầu đi thất thểu và nói gì thì thắm trong miệng mà không ai nghe rõ. Những lúc hình như tức giận cực độ họ vùn đứng dậy cả lũ biến hình thành những cục lửa đỏ bay nhảy khắp vùng đất trống rồi bỗng nhiên trở lại yên tĩnh đến cực độ. Thỉnh thoảng lâu lâu người ta mới nghe ở trong xa, ở những đám cây dầu cao những tiếng hú rùng rợn và mắt họ thấy sáng cả một vùng trên ngọn cây. Những người đi coi trở về âm thầm không dám nói một lời xúc phạm vì họ đã tin rằng có ma.

Thật ra người dân ở chung quanh vùng đó họ thật sự khiếp đảm vì những câu chuyện mỗi ngày mỗi khiếp đảm hơn. Nhưng cái khiếp đảm cũng còn tùy thuộc về thời gian sau này. Cái tin điên hình như là thằng Cực trong xóm bị bệnh đã xôn xao dư luận trong làng không ít. Anh chàng là con người lì lợm nhất vùng thường lỗ mãng, khinh mạn những đức tin địa

phương. Chẳng hạn như thường vào đình miếu phá phách, đồ cúng người ta vừa sắp lên bàn thì lên lấy ăn hoặc dấu chỗ khác. Bữa nọ anh vào vườn dầu bắn chim, đi về nhà thì bị mắc phải chứng đau bụng kinh khủng. Thuốc này nọ, uống cũng chẳng thuyên giảm. Trái lại cha mẹ anh dựng bàn trước sân cúng vái gì đó thì cơn bệnh anh thuyên giảm và hết hẳn. Thành ra tục lệ ở xóm này cứ mỗi rằm, mừng một họ thường cúng vái để dân xóm được bình yên là vậy.

Tôi có quen một bà hồi trước kia dời nhà ra gần nhà tôi ở và bây giờ thì bà đã thất lạc nơi nào tôi cũng không hiểu nữa. Đây là một câu chuyện ở nhà cũ của bà mà bà đã ở đó đầu tiên, bà kể cho tôi nghe vào độ năm 1960 thì phải:

Ngôi nhà bà ta ở ngoài vườn dầu độ 100 thước. Nhà bà cũng có cây trái đang hoàng nhưng ngặt một nỗi là hái bán không được. Cứ khi bà leo lên thì bị ma lực nào vô hình xô bà té xuống đất đã nhiều lần như thế. Thành thử bà phải mượn những kẻ chăn bò hái giùm. Rốt lại đưa chăn bò cũng bị té như bà. Về sau không ai dám hái cả. Bà nói

hồi đó bà dạn dĩ lắm, nằm đêm có nghe cái này đụng chạm cái nó đụng chạm, nào ném đất cát lên mái nhà thỉnh thoảng cả đêm, nào xô cửa, hú hí trong nhà, còn ban ngày bà nấu cơm thì bị ai nhắc xuống khi bà đi khỏi bếp. Những bàn tay bí mật vô hình đã phá hoại một thời gian khiến bà bệnh lên bệnh xuống và bà phải dời nhà đến gần nhà tôi là vậy.

Những tin đồn đã khơi vào óc tìm hiểu tôi không ít. Thành ra tôi đã nhất định tìm hiểu sự thật mới được.

Vào năm 61—62 gì đó vào độ trung tuần tháng 5 thuộc mùa hè tôi về quê nghỉ học và định trọng tâm là phải thấy cho được những gì họ đồn đãi là vườn dầu có ma nhiều lắm. Đêm đó tôi rủ thằng bạn tôi ở thành phố vì hẳn cũng muốn biết ma là gì như tôi vậy. Độ 7 giờ, cơm nước xong xuôi tôi nói nhỏ với nó là phải tìm ma cho được, vì trường hợp nói lớn thì sẽ bị thầy mẹ tôi cản lại. Tôi viện lý nói dối với thầy là đêm sáng trăng ra sân nói chuyện chơi. Hồi đó còn yên ổn chứ không bầy giờ. Tôi với nó nằm tay ra sân. Nhà tôi cách vườn dầu đó chừng 400th để lại thôi, thành thử dễ thấy và

dễ nghe lắm nếu có ma thật. Tôi với nó ngồi núp dưới mấy khóm hồng cạnh đầu sân, mắt thì lão liêng 4 phía. Bỗng thằng bạn lay vai tôi thực mạnh nó nói nhỏ: cái gì kia thấy không mầy. Tôi nhìn phía ngón tay nó chỉ thì...thì năm, sáu cục lửa bằng cái bát bay từ bụi bầu ngoài nay thẳng vô trong vườn dầu rồi sà sà lượn đi lượn lại. Một lúc lâu cả mười cục lửa ở dưới chòm cây vụt hồng lên cao rồi hạ xuống chao lượn ở đám đất trống trống xa. Thằng bạn nó ngồi xích lại và ôm chặt tôi. Nó thì thầm: ghê quá mầy, tao lạnh quá. Tôi làm dạn bảo nó: mầy bình tĩnh đi chứ nếu mà lo-to-mơ ma nó hốt hồn đó nghe. Miệng tôi nói nhưng con mắt vẫn không rời những cục lửa đỏ ối ấy. Tôi luôn luôn theo sát những biến chuyển của từng cục lửa. Mới đầu nó còn sà đi sà lại, độ 15 phút sau từng cục bay thẳng ra phía bầu (1) rồi bỗng biến mất vô lý hết sức. Tôi với thằng bạn chú ý về hướng đó. Nhưng cuối cùng cả hai đưa mỗi một và đi vào nhà ngủ.

(1) Bầu: cũng như danh từ sông nhưng nó khác vì nước nó đục quanh năm.

Sau này tôi nghe có nhiều tin đồn quỷ hiện hình và người xóm đi về khuya trời mưa gió thấy rõ ràng: Một người con gái cao lớn mặt đỏ trắng tóc xỏa đến gót vừa đi vừa khóc từ bầu đó thẳng vào vườn dầu. Nhưng không biết đúng sự thật không, điều đó còn bí mật, chỉ người quen nhau mới dám kể cho nhau nghe khi vui miệng mà thôi.

Những chuyện ma quỷ xảy ra đã làm người dân quanh vùng kinh tâm tán đởm. Nhưng thời gian cũng làm phai mờ đi. Những oan hồn cũng bớt phá phách từ ngày tảo mộ nhân dịp tiết Thanh Minh, họ đã tổ chức di chuyển hài cốt của những bất đắc kỳ tử đem về Thanh Minh chôn cất âm áp hơn vì mỗi rằm mừng một hoặc Thanh Minh dân làng đốt nhang, cúng tế.v.v..

Những lần lấy cốt ở tiết Thanh Minh năm 62 tôi được hân hạnh theo dân làng cho biết những hài cốt ấy thế nào mà ở cõi vô hình họ dữ quá.

Tôi cũng được hân hạnh được biết người của « Lịch-sử » là ông Tư.Cước đã chỉ đạo cuộc lấy cốt đó. Ông nói rằng trước kia ông cũng bị Việt-Minh bắt

tham gia vào công cuộc lấp huyết nữa. Đó là một dẫn chứng lịch sử của làng này mặc dù tôi không phải sinh trưởng ở nơi đây. Nhưng tôi đã tìm hiểu được ít nhiều thành tích oanh liệt của họ, mặc dù là người dân quê chất phát. Tôi lại hình dung ngay đến vua Lê-Lợi cũng sinh trưởng ở thôn quê, vì chí trai hiên ngang và lòng yêu nước đã vùng dậy đuổi quân xâm lăng khỏi giải đất đã ghi lại nhiều máu xương lịch sử.

Ý nghĩ tôi đã bị gián đoạn khi tiếng nói ồ ồ của ông tư vang lên. Ông nói, ông có đạo huyết và lấp đất khi mỗi nạn nhân bị 1 đai cuốn nện vào đầu và ngã xuống lỗ do Việt-Minh đánh. Ông nói tiếp: mỗi lỗ có đến năm bảy người lặn! Nhưng rất nhiều lỗ hơn nữa đã ba bốn mươi năm qua cây cối mọc lên um tùm. Thành ra ông quên mất chỉ nhớ vài chỗ dễ nhớ mà thôi.

Thật vậy, cả mấy mươi năm cây cối mọc lên um tùm không ai dám bén mảng vào chỉ trừ đôi khi dăm ba bảy trâu chạy lạc vào đó mà thôi. Thành thử công việc lấy cốt thật khó khăn chỉ dành riêng cho những người yêu nơi giống, tưởng nhớ đến

người thân yêu muốn tìm đến sự thật.

Thỉnh thoảng người đào huyết ném lên vài búi tóc dài, vài cườm tay bị dây telephone trôi còn nguyên vẹn. Thỉnh thoảng ném lên vài hộp thuốc hút đã rỉ sét. Đó là dẫn chứng của lịch sử thuộc về những thế hệ trước.

Về sau những cuộc lấy cốt tiếp theo bờ bụi được phát trống trải và người ta có thể đi vào đó câu cá được, hoặc đồn cũi, lấy dầu rái tiêu thụ v.v..

Những đêm trăng vui miệng thầy mẹ tôi thường kể những chuyện như thầy đi theo ma mà khiếp. Mẹ tôi kể rằng: hồi đó yên ổn nên mỗi đêm mưa dầm thầy tôi thường cầm đèn pile để xem ma đuốc lăm. Nghe nói ma đuốc là loại ma trước kia người ta bị chết thiếu. Đôi chân nó bằng lửa bếp vậy, cầm cây đuốc đi theo những bờ ruộng, bực mương hay sông. Tuyệt nhiên không bao giờ thấy mình và đầu nó cả.

Thầy tôi bước ra sân và cầm đèn pile đi về phía trước có bung lửa vừa xuất hiện Thầy tắt đèn và đi thăm đến. Chỉ cách độ chừng 50 thước thì thấy ngọn

đuốc bỗng biến mất cách độ năm phút thì thấy ngọn đuốc cách Thầy đã 100 thước rồi và cứ thế Thầy đi theo nó mãi tới khuya cũng không theo kịp. Cuối cùng thầy tôi cũng đành về.

Mẹ tôi kể tiếp nào ông Trần quý Cáp bị chém ở cầu Sông cạn hằng đêm người ta thấy 1 cái đầu lâu bay vùn vụt từ thành xuống giòng sông cạn rồi mất. Nào người đi chợ về tối thì thấy trong rổ mình 1 đầu người be bét máu. Người ta ném rổ và chạy bán sống bán chết. Nghe đầu nhiều người cũng bị như thế.

Mẹ tôi kể tiếp: chuyện tương tự ở làng An ninh ngoài cầu Bà nai đêm đêm người đi đầu về tối thường gặp mười cái đầu trâu lặn theo chân.

Tôi đồng ý với mẹ câu chuyện trên vì cũng nghe nhiều người đi làm về thấy như vậy.

Những gì tôi viết ở trên đây là do một người quen thuộc, hay láng giềng kể lại. Sau đây tôi cố gắng biên soạn những câu chuyện ma có thật ở gia đình bên nội tôi và đến bây giờ, mà dù ông đã lìa cõi trần nhưng ma quỷ vẫn còn phá phách như

nửa đêm hú thanh thót trong nhà nhưng ít hơn hồi xưa ông tôi còn sống. Câu chuyện này hiện hữu hơn vì thầy tôi nhận diện được bộ mặt thực của ma quỷ:

Hồi trước kia, ông nội tôi làm nghề văn đạo-sĩ gốc ở Bình-Định vào đây để lập nghiệp vì ông nghĩ rằng làm nghề đó mất hết phước đức cho con cái đời sau. Nên ông nhất định từ giã quê hương lên đường lập nghiệp khác sinh sống vậy.

Ông vào đây phen bạt hết chỗ này nọ trong tỉnh Khánh-Hòa và gặp được bà nội tôi, hai người cười hỏi nhau và cùng sinh sống ở P.L.

Thật vậy, dù ông đã bãi nghề Văn-đạo-sĩ nhưng những oan hồn cứ theo sát ông phá hoại, dù thế cũng không làm gì ông được.

Nhà ông thì ở trước một cây củ chi to lớn lâu đời. Những sóng gió cũng ở cây củ chi đó gây ra sau này. Dĩ nhiên các bạn đọc đã hiểu rằng ở đâu bất cứ nơi nào có cây to bóng mát thì người ta thường cho rằng nơi đó có ma quỷ ẩn núp.

Câu chuyện ma quỷ này ngày

cũng như đêm đều có cả. Sự thật là thế đó tôi cam đoan không nói dối một điều nào.

Lúc còn cái nhà mát sau nhà gần cây củ chi, Bà nội tôi đang bó mấy cây chổi quét thì đất cát từ trên cây vãi xuống ào ào ở chỗ, bà nội tôi đang làm. Bà không biết át giáp gì, chạy vào nhà kể chuyện cho ông tôi nghe (bởi đó là lần đầu tiên hơn nửa ông tôi cũng không cho bà biết trước kia ông làm nghề Văn-đạo-sĩ, nên ma quái nó chọc chơi) ông tôi vẫn điềm tĩnh và nói cho qua chuyện là chìm chuột nó làm ở trên đó rồi gió bay xuống. Bà không tin nhưng không thêm hỏi nữa.

Có một lần, cô sáu tôi ra sau nhà hái ổi bị ại quăng ném 5,6 cục đất. Cô tưởng rằng thầy tôi và mấy bác đùa chơi. Tiếp theo vài cục đất nhỏ ném trúng chân cô và cô không biết gì nữa.

Đến xế trưa ông tôi không thấy cô sáu tôi đâu cả và sai cả nhà phân chia đi tìm cô. Từ bờ bụi ngoài vườn không đâu có cô cả. Cuối cùng thầy tôi bàn rằng đến gốc củ chi tìm thử. Ba người đến thì gặp cô

ngồi dưới bóng cây, mặt mày tái mét kêu không ừ hử và con mắt trông như một mối. Bác tôi nắm tay dẫn vào nhà.

Vừa đến hiên nhà, cô bỗng giựt tay muốn chạy trốn. Bác cùng thầy tôi hợp lực lôi cô vào nhà. Ông đi lại nắm tay cô đọc gì lăm lăm trong miệng. Lúc đó cả nhà mới biết ông làm nghề Văn-đạo-sĩ.

Câu chuyện xảy ra bất ngờ làm cả nhà ai cũng sợ sệt từ đấy. Bất cứ công chuyện gì cũng lên lên dòm trên ngọn cây xem thử có bàn tay nào thò ra quăng ấu không.

Trong lúc ở nhà xảy ra chuyện này, nọ thì ông bảy, em ông nội tôi mắc đi làm thuốc nam ở xa không hay biết chuyện gì. Đến khi về nhà nghe kể lại ông không tin và nói rằng ở nhà chuyên môn nói dọa, vì tính ông cũng nhát gan thử nhứt, nhưng cái miệng bô bô nói không tin.

Có bữa thầy và bác tôi ngồi trên giường nghe bác ngồi trên bàn nhà dưới uống nước, nói chuyện gẫu. Thì bỗng trên mái nhà sột soạt. Ba người đồng

lượt nhìn lên thấy khoảng trống bằng cái sàng gạo. Trên có 1 bộ mặt tròn trĩnh bằng cái khay dóm xuống mặt mày dữ tợn. Thấy thế ông bảy ngã xuống đất bất tỉnh. Còn thầy và bác tôi nói cũng không được mà chạy cũng không được.

Một hồi lâu ông bảy mới tỉnh dậy, mặt mày ông tái mée cắt không ra hột máu, mồ hôi thì lấm tấm, miệng ông phì phào gớm quá, hai châu thấy không. Thầy và bác tôi đều nói thấy rõ ràng bộ mặt dữ tợn bằng cái khay đựng trầu đó.

Ông bảy thì lên nhà trên kể chuyện lại cho ông nội tôi nghe (hồi đó tôi chưa có) ông bảo đi ra đồn cây củ chi. Ông nội tôi mở miệng cây trước và sai ông đồn cây sau. Bởi những âm ảnh ma quỷ hiện hình dọa nạt lần trước thành ra ông không dám đồn. Cuối cùng cây đó vẫn còn sống nguyên đến bây giờ.

Một lần nữa, ông nội tôi nhờ ông bảy đi ra trước phía dưới nhà đồn cây mít. Ông nghĩ cây mít đâu phải cây củ chi lâu đời mà có ma. Nhưng ông vừa leo

lên đồn một rựa, thì ngoài đầu cành cây 1 bộ mặt ma quỷ xám rần rì nhào vô làm cho ông té xuống gốc.

Từ đó về sau, ở nhà mượn đồn gì thì ông chịu vậy không dám đồn một cây nhỏ.

Nghe nhà kể lại ông bảy chết cách đó vài năm khi lên miền trên bán thuốc hồi đời Pháp còn đô hộ.

Còn một chuyện đáng cười nhất là mỗi khi nghĩ lại tôi cứ e dè thẳm khoai trá một mình là : ông bảy tôi làm nghề thuốc nam chứ biết bùa ngải phù chú gì. Nhưng một hôm bán thuốc về tối ông ghé vào cái gò phía dưới nhà ông nội để đại tiện. Ông vừa mới kéo quần ngồi xuống, nách thì kẹp cây dù. Ông vừa sửa soạn đi phản lực cơ thì bàn tay vô hình nào nắm cây dù giựt ông quay lại thì không thấy ai mà cây dù qui tiên hồi nào không biết. Chưa kịp đi phản lực ông đành đứng dậy kiểm dù cho ra. Đi tìm đao dác 1 hồi thì thấy ai gát dù ông trên bụi cây dùi. Kiểm được dù ông mừng quá quên đi phản lực, hỏa tiễn gì cả và vội vã về nhà.

Câu chuyện đến đây thì đứt quãng, tôi nhớ hồi 15-16 tuổi gì đó, thầy mẹ tôi thường kể chuyện ma lắm. Nhưng đến bây giờ người ít nói nên thành thử tôi cũng không dám hỏi chuyện tào lao nhiều. Mong bạn đọc cùng Bác N -Vỹ thông cảm.

Tôi xin cam đoan những chuyện tôi kể là có thật. Ngoại trừ độc giả nào không tin thì chịu vậy. Bởi tôi là người kể chuyện Ma quái cho các bạn nghe chơi và săn díp nghiên cứu, còn có hay không là ở các bạn mà thôi.

Săn díp tôi xin hỏi Bác Nguyễn Vỹ một chuyện thuộc về chiêm bao nhưng lâu nay tôi thường thắc mắc.

Chuyện thứ I

Tôi có một người quen, bữa nọ anh rủ tôi đến nhà ngủ nói chuyện chơi. Nửa khuya tôi đang ngủ ngon lành thì giựt mình và nghe tiếng la ới ới ngoài chuồng bò ở góc vườn độ 50 thước cách nhà anh. Cả gia đình cầm đèn chạy ra thì thấy anh mất nhắm, mắt mở tìm đường vào nhà. Ba má anh hỏi

thì anh trả lời rằng : anh nằm chiêm bao thấy rằng anh ra chuồng bò mở bò cho ăn, nhưng vấp té và anh giựt mình thấy xung quanh tối om nên anh la lên mà thôi.

Câu chuyện thứ II

Cũng y như trường hợp trên không biết anh đi vào giấc «vu sơn» thế nào mà người chị la lên khiến tôi giựt mình. Lúc đó độ 2 giờ sáng. Chị anh ta thấp đèn và tôi dụi mắt lờn ngòm ngồi dậy chạy xuống nhà dưới xem thấy anh mắt đang ngủ nhưng tay thì bưng nồi cơm. Đến khi chị anh đập anh thức dậy thì nồi cơm trên tay rớt xuống đất, Anh bạn lão đảo ngã chúi xuống đất dụi mắt. Chị anh ta hỏi thì anh phều phào nói rằng anh chiêm bao thấy xuống bếp nấu cơm. Nhưng vừa bưng nồi đến lấy gạo thì bị ai đập mạnh trên vai anh nên giựt mình thức dậy. Cả nhà cùng cười ầm lên...

Đó là câu chuyện thật của người bạn tôi, chính tôi nhận diện rõ ràng. Nhưng tôi nghĩ vô lý hết sức là ngủ chiêm bao mà tự nhiên đi lại như người chưa ngủ, Mong bác Nguyễn-Vỹ cùng các bạn đọc giải thích gùm.

Lần cuối cùng tôi cũng nên minh xác cho các bạn đọc rõ : mặc dù ông nội tôi làm nghề văn-đạo-sĩ nhưng đã giải nghệ. Còn thầy tôi thì làm nghề thuốc. Riêng tôi được giáo dục ở nhà trường từ nhỏ đến lớn nên văn minh, khoa học âu tây. Dù vậy tôi thích sưu tầm những gì thuộc giới siêu.hình mà thôi.

Xin các bạn đừng lầm tưởng bị giông máu Phù-thủy mà tuyên truyền ba hoa điều đó nhất định không. Mong bạn đọc 4 phương ý thức giùm cho. Thành thực cảm ơn.

Nha-Trang 11-5-68.





1360/BYT/ĐPDC

**Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



rưng rưng...

● Cao nguyên — đêm băng giá
tiếng súng xa — vang rền,
tiếng trùng đêm — đêm đen
Nỗi buồn len rỉ-rã.

✱ Ta bỗng nhớ bỗng thương.
Và rưng rưng cầu nguyện.

+ Tình da diết văn-vương,
Cổ-đơn, cùng độ cô đơn !

L.N.

(đêm 26-8 Dalat)

MỘT NHÀ THƠ CÁCH MẠNG: LÝ - ĐÔNG - A

★ MỊCH LA PHONG

Lý Đông A, một người có nhiều huyền thoại giữa kỹ nguyên khoa học này. Bởi vậy ít ai biết được thân thế và giọng nói của ông. Ông tên là NKT, nhưng hình như ông không thỏa mãn về họ N của mình, nên cũng có tên là L.K.T. (1). Vào khoảng 1937, ông đã bỏ lưu hải ngoại lúc vị thành niên. Ông là lãnh tụ của Duy-Dân-Đảng, với đảng danh là Thái-Dịch, bí danh là X.Y. (2). Ngày nay người ta kính ngưỡng mà ít nhắc đến tên ông, hoặc nếu có cũng chỉ âm thầm mà thôi. Năm 1946, cuộc cách mạng ở Hòa-Bình thất bại, ông cùng một số chiến sĩ ra đi, khoảng 26, 27 tuổi! hiện giờ chưa rõ ông ra sao. Ông là người tỏ ra rất phong phú về nhiều phương diện: chính trị, triết học, lịch sử, thi ca. Ở đây chúng ta đi vào một khía cạnh của tâm tư tác giả: Thi ca.

Hình như mỗi nhà thơ đều tạo cho mình một đối tượng để sinh cảm hứng — Nguồn thì hứng rất rào của thi nhân đó là dân tộc. Thi nhân đã biểu lộ niềm thao thức đối với một dân tộc có 5000 năm lịch sử mà ngót 4000 năm khói lửa đau thương. Cũng có thể thi nhân vì sự nghiệp cách mạng mà dấu tên, cũng có thể vì giận hờn hoàn

(1) *Viết đến đây chúng tôi lấy làm khổ tâm vì không làm vừa ý độc giả được. Bởi lẽ L.Đ.A. không phải là một người thường như chúng ta, mà là con người có nhiều bí mật, liên hệ đến hoàn cảnh. Chúng tôi tạm thời dấu tên ông. Nếu độc giả vì lý này hay lý khác, không đồng ý, xin hãy tha thứ; hẹn một dịp khác đây nữa hơn.*

(2) Hồ Chí Minh bí danh là X.Y.Z.

MỘT NHÀ THƠ CÁCH MẠNG

cảnh mà tức tối không buồn nhắc đến tên mình nữa. Âu đó cũng là đặc điểm của con người tâm huyết.

Người ta cảm thấy lạ, những vần thơ đầy nhiệt tình, nhiệt tình đó, thi nhân không hề xây dựng nó trên một căn bản của thi pháp nào, nhưng kể ra đó cũng là lối lựa chọn chiều hướng cho thi ca. Trong lúc các nhà thơ khác ca tụng những sa đọa, lãng mạn, quên đi những đau khổ của nỗi giống — văn nghệ của họ không hề đáp cao hay cay sâu khi đất nước sắp sửa trở mình, mà chỉ nói lên những rung động độc đáo của tình yêu đôi lứa, thì dường như thi nhân đứng trên cao nhìn xuống, tâm hồn hòa nhập vào bao la, mở rộng nhận từng tiếng động của bước chân hùng mà những chàng trai thế hệ ra đi.

Vâng, thi nhân cũng có một ít đau khổ thụ động, dù không ngại giam cầm, nhưng những đau khổ thụ động ấy chẳng qua là những suy tư hay ngơ ngàng, khi thấy:

«Động Trung hoa mang đến làm cột

«Máy Pháp lan sang để chém người

Cường quyền dù đè nặng, nhưng giống máu anh hùng vẫn còn sôi chảy. « Hãy mở cửa sổ cho ta hít hơi thở của không khí anh hùng » (Romain Rolland) Thi nhân ao ước:

«Sao được tráng sĩ vài ngàn muôn

«Cùng ta giông ruổi khắp doanh hoàn

Mà ao ước của thi nhân là sự thật. Trăm nói không bằng một làm. Thi nhân quả vượt xa Miguel Angel Asturias nhà thơ của xứ Guatémala, ở đó. Thi nhân dám thách đố với tử thần.

Nếu Phan-chu. Trinh bi-tráng

«Gian nan hòa lụy khóc anh hùng

Trần-cao-Văn hiên ngang:

«Giang san bạn với anh râu mày

Thi thi nhân cũng không kém:

«Lao lực trần ai thương lẫn lợi

«Con thoi nhứt nguyệt nắng đòi sương!

Đừng bao giờ quên rằng, dân tộc Việt Nam là một dân tộc thi

sĩ (« dân tộc thi sĩ » nghe tối nghĩa quá, nhưng đúng vậy), thì mỗi con người Việt Nam cũng mang lấy truyền thống đó. Dĩ nhiên thi ca phải được vương lên từ ý nghĩa của cuộc sống, hay đúng hơn là thoát thai từ đau khổ, điều tàn của dân tộc đã mất quyền tự chủ. Văn nghệ lúc ấy bỗng dừng đi sang một chiều hướng khác. Những hờn giận, thiết tha chỉ để cung phụng cho tâm lý riêng tư nếu không nói là ích kỷ. « Văn nghệ không phải làm tiếng chó sủa, cũng không phải làm trò đùa cho giai cấp độc quyền » (Tolstoi). Bởi thế, thi nhân đã phân trần : « Cái lương tâm và việc đánh thức chỉ có thể bằng yêu thương đang ĐAU KHỔ trong vật lộn. Muốn đ ọc thế, văn nghệ phải VÔ NGÃ mà còn CHẤP TRƯỚC nữa. Văn nghệ là hình thể của lý tưởng, cho nên văn nghệ tự thân cũng phải là LẠNH, và ĐẸP, THỰC ». Một số người bước chân vào văn nghệ, có một ít thân thể trong ấy, cứ tự coi mình là « ngự sử của thi đàn, văn đàn », cho mình là nhà thơ lớn, nhà văn lớn. Nhưng nếu họ có nhận thấy « cái tôi thì không đáng

ghét » cứ để cho họ mặc tình, thì nhân cần chi phải hỏi :

«Cổ kim ai đã biết, nghe đàn
«Vấn những tai ngóng niềm
quan lữ ?

Nhưng thi nhân đâu có hỏi những người mang rung động giả dối ấy. Biết có ai cùng thi nhân đề cảm thông. Bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh, bao nhiêu người nhiệt huyết, nhiệt tình, nhiệt chí, bao nhiêu tinh hoa của giống nòi : về đây hồn lên cao, thành Thơ và làm Tiên. Thi nhân cứ hỏi :

«Có nàng tiên nào cùng ta tri âm
«Cùng ta chuốc chén cùng ta
ngâm.

nhưng nếu không có tiếng trả lời, thi nhân cứ tin rằng đã có người cảm thông trong im lặng. Vì nước Việt còn, người Việt còn, hồn Việt còn, thi nhân ơi, dù ;

«Hồn tài-tử voi đầy mùi oan khổ
nhưng :

«Khúc đoạn trường nên tuyệt
cổ văn chương.

Nếu đau khổ là mùi-vị để bắt bén tính anh hùng thì đau khổ cũng là hương vị để gây cảm hứng cho thi nhân. Ai cũng biết chưa cay là thử thách của can trường, thì chiến đấu không gian

nan, thành công đâu vinh quang!
Hồn Đặng Dung như về đây đề
cảm-chiêu :

«Thế sự du du nại lão hà ?
«Vô cùng thiên địa nhập hàm ca
«Thời lai đồ diếu thành công dĩ
«Vận khứ anh hùng ẩm hận đa !
«Tri chúa hữu hoài phù địa trục
«Tây bình vô lộ văn thiên hà
«Quốc thù vị phục đầu tiên bạch
«Kỷ độ long tuyên đài nguyệt mai!
vời thi nhân ;

«Cán long-tuyên mài sương hàn
Đỗ Vũ
«Tắm lòng người vong quốc chết
đau thương !

Thi nhân gươm đã từng mài nhưng tóc vẫn còn xanh ! Đời bề dẫu, lòng tang thương, hồn không bề dẫu. Thi nhân xứng có người đáp, thi nhân đi có người theo. Phải chăng thi nhân đã từng cho rằng : «Đẹp để phải biểu hiệu độc lập và thuần túy trên hình thể và màu sắc, đẹp phải trình cái độc-đặc của nội dung. Chỉ có thực chất sinh ra hình thức (Goethe). Văn thể phải là sự tổ lệ của nội-tâm người cầm bút (Gorki). Vì văn nghệ chỉ là sinh mệnh phô bày ra (Herbert).» Cho nên, thi nhân

có quyền phô bày sở nguyện của mình. Sở nguyện ấy có lịch sử làm chứng. Thi nhân có quyền nhắc lại sở nguyện của Tổ-Tiên: «Mây Năm Núi, gió Năm Hồ
«Nghìn xưa bến Sở sông Ngô thể
nào ?

Xiềng nô lệ quyết cởi, bờ cõi của non sông quyết đòi. Nhưng ngoài kia chim vẫn hót, gió vẫn thổi, sóng vẫn gào, bao người vẫn thân nhiên, để mặc cho thi nhân thét lên :

«Nắng mưa tắm trải bao lần
«Trăng thu Lương Thủy hoa
xuân Kiềm hồ
«Lưng trời con nhận lộc thơ

thi nhân vẫn hy vọng :
«Tất sinh cây cỏ còn chờ nước
non !

Chỉ có đế quốc mới nghĩ đến chuyện thực dân — chứ ai có nhà mà không quyền ở, có cơm mà không quyền ăn, cướp của người mà người không được quyền lấy lại ?

Nhưng thi nhân ơi, mộng dẫu chưa thành, nước Việt còn đây và người Việt vẫn còn đây. Tiếc thảo của nòi giống còn, thi nhân cứ tin rằng không kẻ nào dám bưng bít. Thế hệ này dù có sa

đọa, có đi vào giữa vô thần, nhưng tâm-thức của họ còn, thi nhân đứng nói :

«Tri ngã giả kỳ duy Xuân.Thu hồ
«Tội ngã giả kỳ duy Xuân.Thu hồ

nghe thăm nảo lăm ! Đã có người hiểu cho thi nhân mà. Hồn của thi nhân là hồn của người dân ở những nước nhược tiểu. Dân tộc Phù-Nam khác. khoải, giống Anglo - Saxon bị suy vong, Người Gaule điêu-linh, tất cả là tấm gương cho nỗi Bách Việt — cho hồn của thi nhân đau thương.

Hồn của Thi nhân như chứa R.Tagore mơ màng bi tráng, như đồng cảm với M.A.Asturias, như đồng tình với Martin Luther King như đồng chí với Alexandre Petöfi. Hồn của thi nhân như kinh nghiệm sắt máu cho giống dân Tibet, cho Tchecoslovaquie trong hiện tại. Hoàn cảnh dù phức tạp đến đâu, những người cùng lý tưởng đủ sức cảm thông trong cùng tận của thi nhân ! Nói giống Bách Việt dù có phân ly, dẫu, chân, nhịp tim — kể cả những kẻ băng — ngoại — trong câu thăm vẫn còn âm vang. Dù ở nơi nào thi nhân cứ thét lên nữa đi :

«Một ngày lạnh xứ người không
tri kỷ

«Ta vỗ án hét thành ca chính khi
«Đồng thê thê như gió thổi u-hồn
«Thấu suốt tận trong lòng người
cốt tủy !

Và thi nhân cứ gào lên nữa đi :

«Tráng sĩ hãy cùng ta cầm tay
«Thu Năm Hồ giốc lại một hồ
say !

Nhưng thi nhân cứ an tâm. Vào thời đại của thi nhân đã có người vào tù ra khám, đã có người xé cả bằng cấp ra đi ! Và ngày nay đã có người mĩa mai chối từ danh lợi.

« Cảm ơn Ngài danh lợi để
mà chi » (N.V).

Đó, thi nhân đã thấy chưa ! « Nhà văn nghệ phải phát thệ có cái YÊU THƯƠNG, yêu thương là huyết tính của loài người — Nhà văn nghệ phải thí nghiệm được đau thương trong sinh mệnh lịch sử, hiện đại trong loài người, trong sống thật, sống máu và sống đấu tranh của loài người »

Nếu ở trong loài người không thấy được cái chân lý tuyệt đối Cogito Ergo sum, thì it ra cũng thể nghiệm được cái căn tính huyết mạch mà con người đã

từng rung động và khám phá. Căn tính huyết mạch ấy đã thai sinh từ Dân tộc Tinh, Tinh và Chí, hạn hẹp và chỗi vương đi vào không gian và thời gian vô tận bao la kia ! Lý tính công bình, không phải thu bé lại. Chỉ có con người mới đủ can đảm khám phá những ám ảnh về vũ trụ bao la, vô hạn lượng và vô-duyên. Khởi ấy. Vũ trụ và tuyệt đối dù đa nguyên, nhị nguyên hay nhứt nguyên đi nữa, trong tâm thức con người, Vũ Trụ và tuyệt đối vẫn là cái gì không phá vỡ. Tuyệt đối nhịp theo rung động của nguyên tử quay cuồng, vờn theo lẽ biến dịch của Vũ Trụ. Victor Hugo nói gì :

«D' où vient la lune ?

«Où va le chien ?

«Oh !

«Nuit !

«Trăng từ đâu đến ?

«Chó đi về đâu ?

«Ôi !

«Đen mênh mông !

Và thi nhân đã nói gì :

«Một vòng không đáy, đáy sinh
người

«Ngoảnh lại trông đi mấy vết
khơi !

Đề cho thi nhân :

«Tiết gin thiên cổ tình khôn
giải

«Ôc tính trăm năm gan để
phơi !

Văn nghệ đã đi từ một khởi điểm nhỏ bé đến một thế giới mênh mông. Văn nghệ đã ảm, mang, bông, bể những rung động chân chính, từ ngàn xưa, ngày nay và ngàn sau, biết bao giờ con người hết đau khổ — nhưng bao giờ con người không còn đau khổ thì những rung động con người lúc ấy không còn nữa — phải chăng đau khổ là lý thú của cõi đời ?— Nhưng đau khổ mà không tranh đấu thì cũng không còn lý thú và cũng không còn đau khổ nữa. Chính đau khổ là rung động, đau khổ là vương dậy. Đau khổ là Hoa, Hương, Trái đau khổ là gân, máu, tim phổi !

Tim còn rung cảm, thi nhân vẫn còn đau khổ. Niềm đau khổ như vờn theo giống Aryas luân lưu, nói Bách Việt thiên di, dân tộc Teutons hùng tráng khi nào ? Thái tử Tất-đạt-Đa sau khi liễu ngộ mới phá vỡ những nô lệ bất công, còn thi nhân thì :

«Chèo sang một bên cực lạc

MỘT NHÀ THƠ CÁCH MẠNG

Vớt lấy năm bề trăm luân
Làm tròn giấc mộng tiền sinh
ấy
rồi mới :

Trở lại non sâu nhập niết-bàn !
Thi nhân hiện giờ có ở phương
trời nào ehắc cũng cách-cảm khi
có người rung động đọc một ít
bài thơ của thi nhân còn lưu
lại nơi quê nhà.

Thăng Long Diệu

Đất cũ Thăng-Long nếp sắt
son

Non sông gìn giữ lấy vuông
tròn.

Hưng vong thách đố cho trời
đất.

Chút dạ Thăng-Long cũ vẫn
còn.

Lang-sói đi về thuở Đại-La,
Anh hùng chết một khối quan
hà,

Trên tráp bàn tay cầm vận
mệnh,

Son, xuyên thu lại cả trong tờ
Thua được đành hay số nước
non.

Anh hùng nát ruột trí lo toan
Can qua không lấy thiên hà
rửa
Cao thấp khen chê miệng
chẳng mòn;
Đế Thích cao tay chấp nốt xe
Thương đời lo tính thấy le te
Dù thêm học lấy trang Mai.
Quất,
Tài chỉ huy xem văn cập kê.
Mấy cội thông già gió vi veo.
Đầu nguồn giọt nước đổ ti tèo
Đá vàng gan dãi cùng cây cỏ
Ngâm chuyện đàn khôn nghĩ
chán phèo.

Lỗ lải trần ai giữ áo đi
Bàn tiên, cán búa mãi tiêu mi
Thiên thai chốn ấy lâu ngày
thăng,
Thành bại ngoài tai sá kể chi
4823 T.V. (1)

(1) Đề trung thành với nguyên tác, chúng tôi xin chép y của Tác giả T.V. viết của « Tuổi-Việt » — Tác giả lấy theo quốc lịch, năm Kinh Dương Vương lập quốc là năm 2879 Trước Thiên chúa giáng sinh các bạn lấy năm tác giả ghi trừ cho 2879 thì ra năm công lịch. Chẳng hạn 4823—2879=1944.

MỘT NHÀ THƠ CÁCH MẠNG

Túy Tưởng.

Có nàng tiên nào cùng ta tri âm
Cùng ta chuốc chén cùng ta
ngâm ?

Cùng ta chấp cánh lên cao vút,
Xa đời muôn dặm bụi âm thầm
Nhớ chốn Động Đình sóng
gió trường,
Nhớ trên Cung-Quảng khúc
nghe thường

Nhớ Thuở Văn Lang lâu kén
rẽ

Nhớ chàng giai-tế Thúy Vân
Hương.

Men đưa hào hứng bút tài hoa.
Miệng đọc như châu mặt gấm sa.
Nàng tiên chẳng thấy, thấy gió
thổi.

Ngoài hiên ngọn trúc uốn la đà.
4825 T.V.

Nga My Nguyệt

Nguyệt giải Nga My Nguyệt ý
đài

Nguyệt tình thiên cổ nguyệt vì
ai ?

Nguyệt đưa chiến sĩ lên non
Thục

Nguyệt dẫn anh hùng đến suối

Thai

Nguyệt đối ba sinh hồn cổ
quốc,

Nguyệt treo tái thể niệm tương
lai,

Nga My đem tỏ sai vàng nguyệt

Nguyệt với ta chung một cảm
hoài (1)

4824 T.V.

Thi Nhiệt

Ta đã về đứng bên bờ Pắc-Nam
(2)

(1) Dĩ nhiên tác giả viết bài này trước khi căn cứ Nga My bị phá vỡ vào ngày 2-9-1945.

(2) « Nậm » tiếng Thái ở vùng Thượng du Bắc Việt có nghĩa là « sông ». Chữ « Nậm » thường đi trước trong hai tiếng, tiếng đi sau thường hay chỉ phương hướng hay nơi chốn, chẳng hạn « Nậm Nam » nghĩa là sông Nam. Ở đây, không biết « Pắc Nậm » có đúng không. Nhưng nếu đổi thành « Nậm Pắc » thì vẫn với câu dưới. Có thể người chép lại làm sai đi mất.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/641/ĐDCC

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/641/ĐDCC

MỘT NHÀ THƠ CÁCH MẠNG

Mặc heo may quần quít hồn cổ
Thấm hàng cây lấp ló những ven
Hòa làn khói mơ màng bao nhớ
Cánh giòng nước ta là người
Nước non ta ai ngăn trở ta về
Thấy người quê không tỏ được
Rõ trước mắt mà tìm đâu cho
Hãy hét lớn hai bàn tay nắm lấy
Hãy khua tan quân địch của

hương,
tường,
ước.
mất nước
tình quê
thấy ?
Rồng Tiên

Hãy làm cho giống Việt lại đoàn
Quê nước ở trong đây dòng sông
Quê nước ở trong đây dòng sông
4822 T.V.

Chúng tôi muốn trích nhiều
thêm nữa, nhưng nhiều bài có
về sâu hiểm quá. Có điều nên
đề ý, trong thơ của Tác giả hay
dùng nhiều về «núi non»—Và hầu
hết thơ của người nói về ngày
mai — Thơ có tính chất truyền
kỳ và bí mật...

MLP



● DANH NGÔN.

— Những người trải qua tai loạn, thì thường thấu lẽ và
giỏi việc.

MẠNH-TỬ



Ding Midol

1350/611/0006

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

3

đoàn

ca

chim

● VŨ-NGOC-ĐỨC

Chim 1 :

Anh đứng trên lầu cao
Ôi ! cuộc đời bất hạnh
Chim mùa xuân bay mau
Chim bay hoài mỗi cánh.

Chim 2 :

Chim tha phương buồn thật buồn
Nhớ em nên mãi tìm đường lên tiên.
Em luôn hồi như thề chim
Tình anh còn đó tình em bay hoài.

Chim 3 :

Em có con chim hồng buổi sáng
Anh có những ngày thơ ấu qua.
Chim hồng buổi sáng đâu còn đó
Thơ ấu qua rồi bay rất xa.

CAO ĐÀI KÊU GỌI CỨU TRỢ BIAFRA

SAIGON— 1-8-1968. — Chúng tôi Nữ-Chung-Hòa Nữ-Phái trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ (Cao-Đài) được biết hiện giờ có một nạn đói vô tiền khoáng hậu đang hoành hành kinh khủng dân tộc Phi-Châu tại vùng Biafra. Các ảnh chụp trẻ em, già cả đói chết trong một tình cảnh không tưởng tượng được. Theo đài bá âm quốc tế thì địa-phương cũng gặp nhiều khó khăn đề đối phó với tai ách đó mà các nước cũng chưa nghe giúp đỡ đúng mức. Cũng theo các báo ngoại quốc thì nếu tình trạng này kéo dài vài tuần nữa chắc chắn hằng trăm ngàn sanh linh sẽ bị tiêu diệt.

Vì thế, Nữ-Chung-Hòa nay thành lập một quỹ tạm gọi là «Quỹ Cứu-Trợ Biafra» (Relief Fund for Biafra) và thiết tha kêu gọi đồng-bào các giới, đạo-tâm đạo-hữu các tôn-giáo bạn, và tất cả người ngoại kiều đang sinh sống tại Việt-Nam, tích-cực tham gia vào quỹ này, đặc lực quyên tiền để giúp cấp bách dân-tộc Biafra hầu mang tình thương của người đối với người đến dân tộc ấy, dù số lượng có tượng trưng đi nữa. Chúng ta sẽ ráng làm câu phương ngôn Việt-Nam ta «Miếng khi đói bằng gói khi no» có một ý nghĩa thâm thúy, rộng rãi và sâu xa hơn nữa.

Không ai thăm thía chua xót trong đau khổ bằng kẻ đau khổ. Người Việt-Nam đang sống trong cảnh màn trời chiếu đất, dầu sôi lửa bỏng, nhưng trước cảnh huống của dân tộc Biafra thật cảm thấy ruột mềm đứt từng đoạn. «Thổ tử Hồ bi», trong lúc này chúng tôi cảm thấy gần, thương và hiểu dân tộc Phi Châu tại vùng Biafra hơn lúc nào hết.

«Quỹ Cứu Trợ Biafra» đặt tại số 85 Phan Đình Phùng Saigon. Xin liên lạc với Tổng Thư Ký Nữ Chung Hòa, Bà Hoàng Thị Tuyết Vân (Đạo danh Bạch Hiền) hoặc điện thoại 22120 — Nữ Chung Hòa hiện cùng Ủy Ban Cao Đài Phổ Tế đang giúp đỡ vật phẩm cũng như Y-Tế Cấp Cứu cho 5 Trung Tâm tạm cư đồng bào nạn nhân chiến cuộc tại và gần Thủ-Đô.



+ **Thao thức**, thơ **Lương trọng Minh**, giáo sư văn chương trường Bồ-đề Qui-nhơn.

«Nhân-chứng» xuất bản

Nhiều lời thơ đơn-sơ dễ thương.

★ **GẠO**, thực-phẩm cho thế-giới.

tác giả : Winifred Hammond.

Dịch-giả : Nguyễn-văn-An.

nhà X.B. Ziên-Hồng, Saigon.

● **Tổng-thống Magsaysay**.

Tác-giả : Carlos P. Romulo; Marvin M. Gray

Dịch giả : Lê-bá-Kông, Nguyễn-cao-Thắng.

Nhà X.B. Ziên-Hồng. Saigon

Hai quyển sách trên đều có giá-trị đối với những bạn muốn tìm hiểu tất cả các vấn-đề của hột Gạo trong đời sống hiện tại của thế-giới, và tiêu-sử vị cố Tổng-Thống Phi-Luật-Tân, một quốc

trường can-đảm và bình-dân nhất của Á-Đông, được dân chúng yêu kính nhất.

△ Châm-cứu, trị-nghiệm lương phương

Phụ-lục 100 bài thuốc trị bệnh đàn bà và trẻ-em, của Thượng-tọa Thích-Tâm-Ấn, Dược-sư Tịnh xá, 157/4, Trần-quốc-Toản, Saigon.

● Đất Mới

Tuần-bào Thời-sự, do nhóm Việt-Nam Ký-Sự Chủ trương
Sở ra mắt ngày 25-8-1968, giá 10đ. Trình bày sạch-sẽ
dễ thương. Nội-dung trẻ-trung, súc-tích. Tư-tưởng dứt-
khoát, mạnh mẽ.

✧ Cộng Hòa, tuần báo chính trị.

Chủ nhiệm chủ bút : Vĩnh-lạc Nguyễn Khánh Giu.

Bộ mới số 1 ra ngày 25-8-68

Tòa soạn, 2.868, Trần-kế-Xương, Gia-định.

□ Thuật rèn Nhân cách

của Paul Carrel

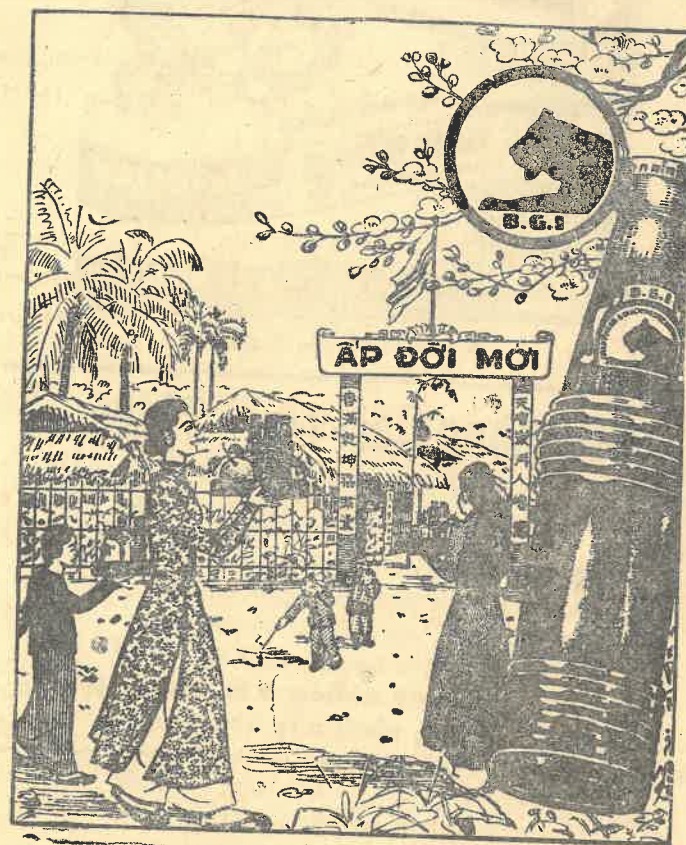
Bản dịch của Nguyễn - Phương-Thu và Nguyễn-hữu-Trọng. «Một quyền sách gối đầu cho những ai muốn thành công trên đường đời» — Tủ sách Tân Giáo-Dục Nhà X-B Tân-Dân — Saigon — 222 trang.

✧ Cầu sông Kwai (Le Pont de la Rivière Kwai) của

Pierre Boulle. Bản dịch của Võ Lang và Nguyễn-hữu-Trọng — 272 trang

Truyện này đã chiếu thành phim ciné rất nổi danh thời Hậu Chiến.

Nhà X.B. Bùng Sống — Saigon



Dùng nước ngọt CON COP
Sẽ giữ sức khỏe của quý Ngài



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31.33 đường Lăng-Ông CHIOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
 - ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
 - Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
 - ★ Có máy điều hòa không khí
- Ở lâu 31 - thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu-phieu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão — Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961
Quản-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 25 đồng
Công sở : 40 đồng

NEUROTonic

Muốn chiếm bảng vàng

Thành công thương mãi

Mau tìm thần dược

Bồi bổ trí nhớ

Tăng cường sinh lực

Chỉ có

NEUROTonic

THUỐC BỔ ÓC HAY NHƯ THẦN

